

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược động học

Mã học phần: 0102000445

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết					30 + 60 = 90
T - Bài tập	1	1	1	0	
P - Thực hành	30	0	0	0	
O - Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiền quyết: Dược lý 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ Về kiến thức:

MT1: Đánh giá được quá trình dược động cơ học và số phận của thuốc sau khi vào hệ tuần hoàn chung

MT2: Phân tích được ảnh hưởng của các tình trạng sinh lý và bệnh lý trên dược động học

MT3: Phân tích được quá trình theo dõi nồng độ thuốc trong tri liệu

+ Về kỹ năng

MT4: Tư vấn được cho bệnh nhân về các lưu ý về quá trình được động khi sử dụng thuốc

MT5: Sử dụng được các công cụ tính liều, điều chỉnh liều cho bệnh

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

M17: Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT8: Rèn luyện tính can đảm, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đóng góp của học phần cho CBR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000445	Được động học	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	2	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	2				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Đánh giá được quá trình được động cơ ban và số phân của thuốc sau khi vào hệ tuần hoàn chung	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Phân tích được ảnh hưởng của các tình trạng sinh lý và bệnh lý trên được động học	PO2, PO4, PO6
MT3	CO3	Phân tích được quá trình theo dõi nồng độ thuốc trong triều	PO2, PO4, PO6

Kỹ năng			
MT4	CO4	Lưu vấn được cho bệnh nhân về các lưu ý về quá trình được đông khi sử dụng thuốc	PO7, PO12, PO13
MT5	CO5	Sử dụng được các công cụ tính liều, điều chỉnh liều cho bệnh	PO7, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu	PO15, PO16, PO17
MT7	CO7	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế	PO15, PO16, PO17
MT8	CO8	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn Dược động học, bao gồm quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ các chất trong cơ thể. Giúp sinh viên hiểu được ảnh hưởng của tình trạng sinh lý và bệnh lý đến các thông số dược động học, từ đó biết cách dùng thuốc hợp lý, hiệu quả, an toàn. Trước khi bắt đầu học phần Dược động học sinh viên cần được học qua các môn cơ sở như: giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh - miễn dịch, di truyền học, hóa sinh, vi sinh, kí sinh, bệnh học, hóa dược... làm kiến thức nền tảng cho việc học tập tốt môn Dược động học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu tài liệu, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và	CO6, CO7, CO8

	phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	
--	---	--

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vẫn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO6, CO7, CO8	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bài học, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng. GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO6, CO7, CO8	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc HP	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Họ Y Tế (2015), *Dược động học đại cương*, NXB Y Học, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Thị Kim Huyền (2016), *Dược động học những kiến thức cơ bản*, NXB Y Học, Hà Nội

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CR của HP
1	Bài 1. Đại cương Dược động học 1. Khái niệm Dược động học 2. Các thông số Dược động học cơ bản	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3
2	Bài 2. Các quá trình Dược động học 1. Quá trình hấp thu thuốc 2. Quá trình phân bố thuốc 3. Quá trình chuyển hóa thuốc 4. Quá trình thải trừ thuốc	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3
3	Bài 3. Đường đi đến hệ tuần hoàn của thuốc trong cơ thể 1. Các cách đưa thuốc vào cơ thể bệnh nhân 2. Quá trình thuốc vào hệ tuần hoàn	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3
4	Bài 4. Số phận của thuốc sau khi vào hệ tuần hoàn chung 1. Các cơ quan chuyển hóa thuốc chính 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển hóa thuốc 3. Quá trình thải trừ thuốc của thận	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3
5	Bài 5. Ảnh hưởng của các tình trạng sinh lý trên dược động học 1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh lý như tuổi, thời kỳ mang thai lên dược động học 2. Hiệu chỉnh liều trên các đối tượng bệnh nhân là trẻ sơ sinh, người cao tuổi, phụ nữ có thai	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3
6	Bài 6. Ảnh hưởng của các tình trạng bệnh lý trên dược động học 1. Các bệnh lý ảnh hưởng đến dược động học như suy gan, suy thận 2. Cách hiệu chỉnh liều trên đối tượng bệnh nhân suy gan, suy thận	5	[1], [2]	CO1, CO2, CO3
7	Bài 7. Theo dõi nồng độ thuốc trong trị	5	[1], [2]	CO1, CO2,

	liệu 1. Khai niệm về theo dõi nồng độ thuốc trong máu 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nồng độ thuốc trong máu bệnh nhân 3. Cách hiệu chỉnh liều để đảm bảo hiệu quả điều trị			C03
--	--	--	--	-----

12. Cơ sở và thiết bị

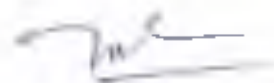
- Phòng học có hàng lớn, phân, micro, máy chiếu và loa

KHOA DƯỢC
(ky ten)



TS. Thái Thị Lâm

BỘ MÔN
(ky ten)



Nguyễn Hiến Việt Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược học cơ truyền

Mã học phần: 0102000446

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
I = Lý thuyết	I	T	P	O	30+90=120
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiền quyết: Thực vật dược, thực hành dược khoa dược liệu, Dược liệu 1, Dược liệu 2.

Học phần học trước: Thực vật dược, thực hành dược khoa dược liệu, Dược liệu 1, Dược liệu 2.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược – khoa Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1. Trình bày được đặc điểm của các nhóm thuốc được phân loại dựa vào tác dụng chính của thuốc; thuốc giải hiệu, thanh nhiệt, hành khí.

MT2. Biết cách phân tích và xây dựng một phương thuốc dựa vào vai trò của các vị thuốc trong phương thuốc.

MT3. Hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc theo lý luận y học cổ truyền.

** Về kỹ năng*

MT4. Nhận biết được các vị thuốc cơ trong các nhóm thuốc

MT5. Thực hiện được kỹ thuật bào chế vài dạng thuốc cổ truyền

** Về năng lực tư chủ và trách nhiệm*

MT6. coi trọng việc phát triển thuốc từ dược liệu gần với bào ve tại nguyên, môi trường.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), là ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 - Không đóng góp; 1 - Mức thấp; 2 - Mức trung bình; 3 - Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0004 46	Dược học cổ truyền	0	0	0	1	1	1	1	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	1	1	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
		Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được đặc điểm của các nhóm thuốc được phân loại dựa vào tác dụng chính của thuốc; thuốc giải hiệu, thanh nhiệt, hành khí	PO4, PO5, PO6

MT2	CO2	Biết cách phân tích và xây dựng một phương thuốc dựa vào vai trò của các vị thuốc trong phương thuốc	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc theo lý luận y học cổ truyền	PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Nhận biết được các vị thuốc có trong các nhóm thuốc	PO7, PO11, PO12, PO13
MT5	CO5	Thực hiện được kỹ thuật bào chế các dạng thuốc cổ truyền.	PO7, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Coi trọng việc phát triển thuốc từ dược liệu gần với bào chế tại nguyên, môi trường.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Đào tạo phương pháp chế biến được một số vị thuốc cổ truyền đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; kiểm định được một số thành phần hóa học chính có trong vị thuốc trước và sau chế biến theo tiêu chuẩn của Dược điển Việt Nam; phân tích được cấu trúc các thành phần trong phương thuốc Y học cổ truyền, kiểm nghiệm các vị thuốc Y học cổ truyền bằng phương pháp cam quan.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên cách làm việc nhóm	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc	Giúp người học tăng cường	CO6

tài liệu tham khảo	nâng lực tư học, tư nghiên cứu	
--------------------	--------------------------------	--

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng. Tham gia đóng góp ý kiến.
- Nghiên cứu đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tư học, tư nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trong số (%)	Tiêu chí đánh giá	CR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trong số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	<ul style="list-style-type: none"> (Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Thời gian tham dự buổi học hết học, vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng. 	CO1, CO2, CO3	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	<ul style="list-style-type: none"> * Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Liều chỉ đánh giá hai kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Liều chỉ đánh giá hai báo cáo, seminar, bài tập lớn (giảng viên nêu cụ thể) 	CO1, CO2, CO3	10
Thi kết thúc học phần (trong số 50%)					

7	Bài thi dùng để trắc nghiệm	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%)	CO1, CO2, CO3	10
---	-----------------------------	----	---	---------------	----

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Phạm Xuân Sinh, Phùng Hòa Bình (2006), *Dược học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học.

10.1. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Đức Quang (2008), *Bao chế đông dược*, Nhà xuất bản Y học

[3] Nguyễn Nhược Kim (2005), *Bao chế đông dược*, Nhà xuất bản Y học.

[4] Phạm Xuân Sinh (2014), *Dược học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Đại cương y học cổ truyền	[1]	CO1, CO2, CO3
	Học thuyết âm dương	[1]	CO1, CO2, CO3
2	Học thuyết ngũ hành	[1]	CO1, CO2, CO3
3	Phân loại thuốc cổ truyền	[1]	CO1, CO2, CO3
	Thuộc giai hiệu	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
4	Thuộc thanh nhiệt	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5	Thuộc hành khí	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	Thuộc hành huyết	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	Thuộc chỉ huyết	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
6	Thuộc lợi thủy tham thấp	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4,

			C05
	Thuộc trực thuy	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
7	Thuộc trực hạn	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
	Thuộc trực dam	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
	Thuộc chi khai	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
8	Thuộc cơ sạp	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
	Thuộc tiêu đản	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
	Thuộc ta ha	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
9	Thuộc an thân	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
	Thuộc hình can tuc phong	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
	Thuộc khai khieu	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
10	Che hien thuoc theo phuong phap cô truyen	[1]	C01, C02, C03, C04, C05

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lon, phan, micro, máy chiếu và loa.

TRƯỜNG KHOA

Luật
TS. Thái Thị Hải

TRƯỜNG BỘ MÔN

Luật
TS. Thái Thị Hải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược học cơ trưn – Thực hành

Mã học phần: 0102000530

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phan bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Long thời gian học trên lớp và tự học
I – Lý thuyết	I	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	30+60=90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bài bưc

Học phần tiên quyết: Thực vật dược, thực hành dược khoa dược liệu, Dược liệu 1, Dược liệu 2.

Học phần học trưc: Thực vật dược, thực hành dược khoa dược liệu, Dược liệu 1, Dược liệu 2.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược - khoa Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1. Trình bày được đặc điểm của các nhóm thuốc được phân loại dựa vào tác dụng chính của thuốc: thuốc giai biểu, thanh nhiệt, hành khí.

MT2. Biết cách phân tích và xây dựng một phương thuốc dựa vào vai trò của các vị thuốc trong phương thuốc.

MT3. Hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc theo lý luận y học cổ truyền.

*** Về kỹ năng**

MT4. Nhận biết được các vị thuốc cơ trong nội dung thực hành.

MT5. Thực hiện được kỹ thuật bào chế vài dạng thuốc cổ truyền.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6. Coi trọng việc phát triển thuốc từ dược liệu gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), là ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0005 30	Dược học cổ truyền	0	0	0	1	1	1	1	0	0
	truyền	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
	thực hành	0	1	1	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
		Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được đặc điểm của các nhóm thuốc được phân loại dựa vào tác dụng chính của	PO4, PO5, PO6

		thuộc: thuốc giải hiệu, thanh nhiệt, hành khí.	
MT2	CO2	Biết cách phân tích và xây dựng một phương thuốc dựa vào vai trò của các vị thuốc trong phương thuốc.	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc theo lý luận y học cổ truyền	PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Nhận biết được các vị thuốc có trong nội dung thực hành	PO7, PO11, PO12, PO13
MT5	CO5	Thực hiện được kỹ thuật bào chế vài dạng thuốc cổ truyền	PO7, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Coi trọng việc phát triển thuốc từ dược liệu gần với bào chế tại nguyên, môi trường.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Đào tạo phương pháp chế biến được một số vị thuốc cổ truyền đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; kiểm định được một số thành phần hóa học chính có trong vị thuốc trước và sau chế biến theo tiêu chuẩn của Dược điển Việt Nam; phân tích được cấu trúc các thành phần trong phương thuốc Y học cổ truyền; kiểm nghiệm các vị thuốc Y học cổ truyền bằng phương pháp cảm quan.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thực hành	Giúp sinh viên nhận biết được 1 số vị thuốc y học cổ truyền.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Du lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng. Tham gia đóng góp ý kiến.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Kiểm tra đầu giờ	30	* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2,CO3, CO4, CO5	10
2	Kiểm tra cuối giờ	20	* Sinh viên nhận thức được vi thuốc * Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá hai kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2,CO3, CO4, CO5	10
3	Kiểm tra hết môn	50	Kiểm tra hết môn + Hình thức kiểm tra: tự luận + Tiêu chí đánh giá hai thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2,CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Phạm Xuân Sinh, Phùng Hòa Bình (2006), *Dược học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Đức Quang (2008), *Bao che đông dược*, Nhà xuất bản Y học

[3] Nguyễn Nhược Kim (2005). *Bao che đông dược*. Nhà xuất bản Y học.

[4] Phạm Xuân Sinh (2014). *Dược học cổ truyền*. Nhà xuất bản Y học

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Giai biến – Hóa đàm chi khại – Khai khiếu	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	Ôn trung khư hàn - Tỳ khí Tieu đạo – Tiêu tích	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	An thần - Tỳ huyết – Khu phong trừ thấp – Tả hạ.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Thanh nhiệt – Lợi thủy thâm thấp	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	Bổ dương – cố sáp	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Kiểm tra kết thúc môn	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học thực hành cơ bản lớn, phân. máy chiếu.
- Phòng thực hành cơ dạy đủ các vị thuốc cần thiết như: Ô tặc cốt, Bình lang, Thuyền
thoại, Chi tử

TRƯỞNG KHOA


TS. Thái Thị Kim

TRƯỞNG BỘ MÔN


TS. Thái Thị Kim

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược lâm sàng 1

Mã học phần: 0102000448

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Dược lý 1 và 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Nắm được những khái niệm cơ bản và ý nghĩa của các thông số dược động học ứng dụng trong lâm sàng, phân loại theo cơ chế và hướng khắc phục các tương tác thuốc hay gặp trên lâm sàng.

MT2. Trình bày và phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc: điều trị thiếu máu, kháng sinh, glucocorticoid, vitamin, khoáng chất, dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch.

*Về kỹ năng

MT3. Tư vấn được cho bệnh nhân về cách sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

MT4. Tham gia vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5. Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

MT6. Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT7. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000448	Dược lâm sàng 1	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		2	1	2				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được những khái niệm cơ bản và ý nghĩa của các thông số dược động học ứng dụng trong lâm sàng, phân loại theo cơ chế và hướng khắc phục các tương tác thuốc hay gặp trên lâm sàng	PO2, PO4, PO6

MT2	CO2	Trình bày và phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc: điều trị thiếu máu, kháng sinh, glucocorticoid, vitamin, khoáng chất, dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Tư vấn được cho bệnh nhân về cách sử dụng thuốc hợp lý, an toàn	PO12
MT4	CO4	Tham gia vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu	PO15, PO16, PO17
MT6	CO6	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế	PO15, PO16, PO17
MT7	CO7	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần dược lâm sàng 1 bao gồm các nội dung: tính các thông số dược động học cơ bản, tương tác thuốc, hiệu chỉnh liều ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận, các phản ứng bất lợi của thuốc và cung cấp các thông tin về thuốc và cách sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt và nguyên tắc sử dụng các nhóm thuốc thông thường.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo bám sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra	CO1, CO2

	của từng bài.	
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Bên cạnh đó tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu kiến thức mới bằng các bài tiểu luận được giao ngẫu nhiên.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	CO3, CO4

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, nghe giảng.
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nội qui cho sinh viên trong giờ giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, trả lời các câu hỏi của giảng viên tại lớp.
- Phản hồi ý kiến sau mỗi buổi học để giảng viên khắc phục về sau
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo do giảng viên hướng dẫn giới thiệu. Hoàn thành các bài báo cáo theo đúng yêu cầu của giảng viên đứng lớp.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Thang điểm
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO5, CO6, CO7	10
2	Thường xuyên	30	<p>* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức từ đầu thời gian học đến thời điểm hiện tại để giải thích các tình huống do giảng viên đặt ra trong kiểm tra.</p> <p>- Một bài kiểm tra đánh giá bao gồm hai phần: câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tình huống.</p> <p>* Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nhằm xem xét khả năng phân tích và ứng dụng của sinh viên.</p> <p>- Bài báo cáo tiểu luận sẽ được phân chia ngẫu nhiên. Mỗi sinh viên đều phải hoàn thành quyển tiểu luận và thỏa mãn yêu cầu giảng viên đặt ra để đủ điều trị</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Thang điểm
			dự thi đánh giá kết thúc học phần.		
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi trắc nghiệm khách quan. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Dược lâm sàng 1 – Bài giảng nội bộ*

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Y Tế (2006), *Dược lâm sàng*, NXB Y Học, Hà Nội.

[3]. Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 1*, NXB Y Học, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Ngọc Khôi (2021), *Dược lâm sàng và điều trị: Giáo trình giảng dạy đại học*, NXB Y Học, TP HCM.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Khái niệm tổng quát về dược động học lâm sàng 1. Các khái niệm tổng quát về dược động học 2. Các yếu tố sinh lý, bệnh lý và ngoại lai có thể ảnh hưởng đến các thông số dược động học 3. Ví dụ về vai trò của các thông số	3	[1]	CO1, CO2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	<p>được động trong lựa chọn kháng sinh trị liệu</p> <p>Bài 2. Các đường đưa thuốc và cách sử dụng</p> <p>1. Các đường đưa thuốc vào cơ thể</p> <p>2. Dạng thuốc và cách dùng</p>	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
2	<p>Bài 3. Tương tác thuốc</p> <p>1. Khái niệm về tương tác thuốc</p> <p>2. Tương tác thuốc – thuốc</p> <p>3. Tương tác thuốc – thực phẩm</p> <p>4. Thời điểm dùng thuốc</p>	3	[1]	CO1, CO2
	<p>Bài 4. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh hợp lý, an toàn</p> <p>1. Sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm trùng</p> <p>2. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh dự phòng nhiễm khuẩn trong phẫu thuật</p>	3		CO1, CO2
3	<p>Bài 5. Xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả</p> <p>1. Vài nét về đơn vị đo lường sử dụng trong kết quả xét nghiệm</p> <p>2. Một số xét nghiệm sinh hóa</p> <p>3. Một số xét nghiệm huyết học</p>	3	[1]	CO1, CO2, CO3
	<p>Bài 6. Sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt</p> <p>1. Trẻ em</p> <p>2. Phụ nữ có thai</p> <p>3. Phụ nữ cho con bú</p> <p>4. Người cao tuổi</p>	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	5. Người suy thận 6. Người suy gan			
5	Bài 7. Nguyên tắc sử dụng glucocorticoid (GC) 1. Điều hòa bài tiết GC trong cơ thể 2. Tác dụng sinh lý của GC 3. Chỉ định 4. Tác dụng phụ và cách khắc phục 5. Các nguyên tắc chung để sử dụng GC	3	[1]	CO1, CO2
	Bài 8. Nguyên tắc sử dụng vitamin và chất khoáng 1. Nhu cầu hằng ngày về vitamin và khoáng chất 2. Thiếu vitamin và khoáng chất 3. Thừa vitamin và khoáng chất	3	[1]	CO1, CO2
7	Bài 9. Sử dụng thuốc điều trị thiếu máu 1. Đại cương về thiếu máu 2. Chuyển hóa sắt – Thiếu máu thiếu sắt 3. Thuốc điều trị thiếu máu	3	[1]	CO1, CO2
	Bài 10. Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch 1. Các dung dịch để bù đắp dịch thể lưu hành 2. Các dung dịch dùng trong nuôi dưỡng nhân tạo	3	[1]	CO1, CO2

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

P. KHOA DƯỢC

(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(ký tên)



Nguyễn Thị Việt Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược lâm sàng 2

Mã học phần: 0102000449

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập	L	T	P	O	
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết: Dược lâm sàng 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ Về kiến thức:

MT1: Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.

MT2: Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.

MT3: Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh hô hấp, tim mạch và nội tiết.

MT4: Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuộc các nhóm bệnh hô hấp, tim mạch, nội tiết.

+ Về kỹ năng

MT5: Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.

MT6: Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

MT8: Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT9: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000449	Dược lâm sàng 2	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		2	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.	PO2, PO4, PO6
MT3	CO3	Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh hô hấp, tim mạch và nội tiết.	PO2, PO4, PO6
MT4	CO4	Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuộc các nhóm bệnh hô hấp, tim mạch, nội tiết.	PO2, PO4, PO6

Kỹ năng			
MT5	CO5	Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.	PO7, PO12
MT6	CO6	Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.	PO7, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.	PO15, PO16, PO17
MT8	CO8	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PO15, PO16, PO17
MT9	CO9	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần được lâm sàng 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến sử dụng thuốc điều trị ở một số bệnh thông thường như tăng huyết áp, đái tháo đường, loét dạ dày-tá tràng, viêm phổi, viêm phế quản, hen phế quản,... Trong mỗi bệnh sẽ tập trung chủ yếu về cách sử dụng thuốc: mục đích, nguyên tắc điều trị, các tương tác thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục, liều lượng và cách sử dụng các nhóm thuốc để điều trị bệnh. Trong phần thực hành, sinh viên sẽ được tiếp cận với các ca lâm sàng cụ thể của từng bệnh, từ đó thực hành phân tích bệnh án về mục đích dùng thuốc, liều lượng, thời gian dùng thuốc, tương tác thuốc trong điều trị, lựa chọn được thuốc tối ưu cho bệnh nhân.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO7, CO8, CO9	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO7, CO8, CO9	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc HP	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu học tập

[1] Hoàng Thị Kim Huyền (2011), *Dược lâm sàng*, NXB Y Học, Hà Nội

[2] Nguyễn Hữu Đức (2008), *Dược lâm sàng : 12 chuyên đề đào tạo liên tục dược khoa*, NXB Y Học, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Nguyễn Ngọc Khôi (2021), *Dược lâm sàng và điều trị*, NXB Y Học, TP HCM.

[4] Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 1*, NXB Y Học, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
------	----------	---------	----------	------------

1	Bài 1. Sử dụng thuốc trong điều trị viêm phổi 1. Khái niệm bệnh viêm phổi 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh viêm phổi 3. Khuyến cáo điều trị viêm phổi	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
2	Bài 2. Sử dụng thuốc trong điều trị COPD 1. Khái niệm COPD 2. Lâm sàng, cận lâm sàng COPD 3. Khuyến cáo điều trị COPD	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
3	Bài 3. Sử dụng thuốc trong điều trị hen 1. Khái niệm bệnh hen 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh hen 3. Khuyến cáo điều trị hen	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
4	Bài 4. Sử dụng thuốc trong điều trị tăng huyết áp 1. Khái niệm bệnh tăng huyết áp 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh tăng huyết áp 3. Khuyến cáo điều trị tăng huyết áp	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
5	Bài 5. Sử dụng thuốc trong điều trị huyết khối 1. Khái niệm bệnh huyết khối 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh huyết khối 3. Khuyến cáo điều trị huyết khối	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
6	Bài 6. Sử dụng thuốc trong điều trị suy tim 1. Khái niệm bệnh suy tim 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh suy tim 3. Khuyến cáo điều trị suy tim	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
7	Bài 7. Sử dụng thuốc trong điều trị đái tháo đường 1. Khái niệm bệnh đái tháo đường 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh đái tháo đường 3. Khuyến cáo điều trị đái tháo đường	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4

8	Bài 8. Sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn chức năng tuyến giáp 1. Khái niệm bệnh cường giáp 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh cường giáp 3. Khuyến cáo điều trị cường giáp 4. Khái niệm bệnh suy giáp 5. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh suy giáp 6. Khuyến cáo điều trị suy giáp	4	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
---	--	---	----------	--------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa

KHOA DƯỢC
(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN
(ký tên)



Nguyễn Hữu Việt Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược lâm sàng 2 – Thực hành

Mã học phần: 0102000932

Số tín chỉ: 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập	L	T	P	O	
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết: Dược lâm sàng 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ Về kiến thức:

MT1: Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.

MT2: Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.

MT3: Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh hô hấp, tim mạch và nội tiết.

MT4: Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuốc các nhóm bệnh hô hấp, tim mạch, nội tiết.

+ Về kỹ năng

MT5: Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.

MT6: Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.

+ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

MT8: Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT9: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200093 2	Dược lâm sàng 2 – Thực hành	0	2	0	2	0	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	2	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.	PO2, PO4, PO6
MT3	CO3	Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh hô hấp, tim mạch và nội tiết.	PO2, PO4, PO6

MT4	CO4	Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuộc các nhóm bệnh hô hấp, tim mạch, nội tiết.	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT5	CO5	Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.	PO7, PO12
MT6	CO6	Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.	PO7, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.	PO16, PO17
MT8	CO8	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PO16, PO17
MT9	CO9	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần được lâm sàng 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến sử dụng thuốc điều trị ở một số bệnh thông thường như tăng huyết áp, đái tháo đường, loét dạ dày-tá tràng, viêm phổi, viêm phế quản, hen phế quản,... Trong mỗi bệnh sẽ tập trung chủ yếu về cách sử dụng thuốc: mục đích, nguyên tắc điều trị, các tương tác thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục, liều lượng và cách sử dụng các nhóm thuốc để điều trị bệnh. Trong phần thực hành, sinh viên sẽ được tiếp cận với các ca lâm sàng cụ thể của từng bệnh, từ đó thực hành phân tích bệnh án về mục đích dùng thuốc, liều lượng, thời gian dùng thuốc, tương tác thuốc trong điều trị, lựa chọn được thuốc tối ưu cho bệnh nhân.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4

Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	50	- Báo cáo phân tích đánh giá đơn thuốc - Báo cáo phân tích đánh giá ca lâm sàng - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo (giảng viên nêu cụ thể)	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
2	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Bình một đơn thuốc và ca lâm sàng. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu học tập

[1] Hoàng Thị Kim Huyền (2011), *Dược lâm sàng*, NXB Y Học, Hà Nội

[2] Nguyễn Hữu Đức (2008), *Dược lâm sàng: 12 chuyên đề đào tạo liên tục dược khoa*, NXB Y Học, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Nguyễn Ngọc Khôi (2021), *Dược lâm sàng và điều trị*, NXB Y Học, TP HCM.

[4] Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 1*, NXB Y Học, Hà Nội.

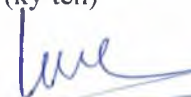
11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Phân tích đơn thuốc hô hấp (Viêm phổi - COPD - Hen)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
2	Phân tích ca lâm sàng hô hấp (Viêm phổi - COPD - Hen)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
3	Phân tích đơn thuốc tim mạch (Tăng huyết áp - Huyết khối - Suy tim)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
4	Phân tích ca lâm sàng tim mạch (Tăng huyết áp - Huyết khối - Suy tim)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
5	Phân tích đơn thuốc nội tiết (Đái tháo đường - Rối loạn tuyến giáp)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
6	Phân tích ca lâm sàng nội tiết (Đái tháo đường - Rối loạn tuyến giáp) Kiểm tra kết thúc học phần	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9


12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa

P. KHOA DƯỢC
(ký tên)


ThS. Nguyễn Ngọc Pô

BỘ MÔN
(ký tên)


Nguyễn Thị Kim Huyền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược lâm sàng 3

Mã học phần: 0102000447

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập	L	T	P	O	
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết: Dược lâm sàng 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ Về kiến thức:

MT1: Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.

MT2: Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.

MT3: Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh

MT4: Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuộc các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh

+ *Về kỹ năng*

MT5: Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.

MT6: Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.

+ *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT7: Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

MT8: Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT9: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200044 7	Dược lâm sàng 3							
		0	2	0	2	0	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.	PO2, PO4, PO6

MT3	CO3	Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh	PO2, PO4, PO6
MT4	CO4	Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuộc các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT5	CO5	Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.	PO7, PO12
MT6	CO6	Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.	PO7, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.	PO15, PO16, PO17
MT8	CO8	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PO15, PO16, PO17
MT9	CO9	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần được lâm sàng 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến sử dụng thuốc điều trị ở một số bệnh như tăng viêm khớp dạng thấp, thoái hóa khớp, gout, viêm loét dạ dày – tá tràng, tiêu chảy trẻ em, nhiễm khuẩn tiết niệu, Alzheimer, Parkinson, bệnh tâm thần phân liệt... Trong mỗi bệnh sẽ tập trung chủ yếu về cách sử dụng thuốc: mục đích, nguyên tắc điều trị, các tương tác thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục, liều lượng và cách sử dụng các nhóm thuốc để điều trị bệnh. Trong phần thực hành, sinh viên sẽ được tiếp cận với các ca lâm sàng cụ thể của từng bệnh, từ đó thực hành phân tích bệnh án về mục đích dùng thuốc, liều lượng, thời gian dùng thuốc, tương tác thuốc trong điều trị, lựa chọn được thuốc tối ưu cho bệnh nhân.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức	Mục đích	CĐR của HP đạt được
------------------------	----------	---------------------

tổ chức dạy học		
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO7, CO8, CO9	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO7, CO8, CO9	10

2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc HP	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu học tập

[1] Hoàng Thị Kim Huyền (2011), *Dược lâm sàng*, NXB Y Học, Hà Nội

[2] Nguyễn Hữu Đức (2008), *Dược lâm sàng : 12 chuyên đề đào tạo liên tục dược khoa*, NXB Y Học, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Ngọc Khôi (2021), *Dược lâm sàng và điều trị*, NXB Y Học, TP HCM.

[4]. Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 1*, NXB Y Học, Hà Nội.

[5]. Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 2*, NXB Y Học, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Sử dụng thuốc trong điều trị viêm khớp dạng thấp 1. Khái niệm bệnh viêm khớp dạng thấp 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh viêm khớp dạng thấp 3. Khuyến cáo điều trị viêm khớp dạng thấp	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
2	Bài 2. Sử dụng thuốc trong điều trị thoái hóa khớp 1. Khái niệm bệnh thoái hóa khớp 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh thoái hóa khớp 3. Khuyến cáo điều trị thoái hóa khớp	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4

3	Bài 3. Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh gout 1. Khái niệm bệnh gout 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh gout 3. Khuyến cáo điều trị gout	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
4	Bài 4. Sử dụng thuốc trong điều trị loãng xương 1. Khái niệm bệnh gout 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh gout 3. Khuyến cáo điều trị gout	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
5	Bài 5. Sử dụng thuốc trong điều trị loét dạ dày - tá tràng 1. Khái niệm bệnh loét dạ dày – tá tràng 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh loét dạ dày – tá tràng 3. Khuyến cáo điều trị loét dạ dày – tá tràng	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
6	Bài 6. Sử dụng thuốc trong điều trị IBS - tiêu chảy ở trẻ em 1. Khái niệm bệnh IBS - tiêu chảy ở trẻ em 2. Lâm sàng, cận lâm sàng IBS - tiêu chảy ở trẻ em 3. Khuyến cáo điều trị IBS - tiêu chảy ở trẻ em	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
7	Bài 7. Sử dụng thuốc trong điều trị nhiễm khuẩn tiết niệu 1. Khái niệm nhiễm khuẩn tiết niệu 2. Lâm sàng, cận lâm sàng nhiễm khuẩn tiết niệu 3. Khuyến cáo điều trị nhiễm khuẩn tiết niệu	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
8	Bài 8. Sử dụng thuốc trong điều trị Alzheimer 1. Khái niệm bệnh Alzheimer 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh Alzheimer	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4

	3. Khuyến cáo điều trị Alzheimer			
9	Bài 9. Sử dụng thuốc trong điều trị Parkinson 1. Khái niệm bệnh Parkinson 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh Parkinson 3. Khuyến cáo điều trị Parkinson	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
10	Bài 10. Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tâm thần phân liệt 1. Khái niệm bệnh tâm thần phân liệt 2. Lâm sàng, cận lâm sàng bệnh tâm thần phân liệt 3. Khuyến cáo điều trị tâm thần phân liệt	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa

P. KHOA DƯỢC
(ký tên)

Leve

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN
(ký tên)

ML

Nguyễn Thị Việt Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược lâm sàng 3 – Thực hành

Mã học phần: 0102000931

Số tín chỉ: 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập	L	T	P	O	
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết: Dược lâm sàng 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ *Về kiến thức:*

MT1: Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.

MT2: Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.

MT3: Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh

MT4: Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuộc các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh

+ Về kỹ năng

MT5: Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.

MT6: Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

MT8: Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT9: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200093 1	Dược lâm sàng 3 - Thực hành	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		2	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được cơ chế bệnh sinh, nguyên tắc điều trị và các khuyến cáo điều trị cho từng nhóm bệnh.	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Biết cách sử dụng các phần mềm tra cứu các tương tác thuốc quan trọng.	PO2, PO4, PO6

MT3	CO3	Phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc điều trị các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh	PO2, PO4, PO6
MT4	CO4	Đánh giá được tính hợp lý của đơn thuốc và bệnh án thuốc các bệnh cơ xương khớp, tiêu hóa, tiết niệu và thần kinh	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT5	CO5	Tư vấn cách dùng thuốc, thói quen sinh hoạt cho bệnh nhân để đạt hiệu quả điều trị tốt nhất.	PO7, PO12
MT6	CO6	Tham gia được vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.	PO7, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.	PO16, PO17
MT8	CO8	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PO16, PO17
MT9	CO9	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần được lâm sàng 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến sử dụng thuốc điều trị ở một số bệnh như tăng viêm khớp dạng thấp, thoái hóa khớp, gout, viêm loét dạ dày – tá tràng, tiêu chảy trẻ em, nhiễm khuẩn tiết niệu, Alzheimer, Parkinson, bệnh tâm thần phân liệt... Trong mỗi bệnh sẽ tập trung chủ yếu về cách sử dụng thuốc: mục đích, nguyên tắc điều trị, các tương tác thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục, liều lượng và cách sử dụng các nhóm thuốc để điều trị bệnh. Trong phần thực hành, sinh viên sẽ được tiếp cận với các ca lâm sàng cụ thể của từng bệnh, từ đó thực hành phân tích bệnh án về mục đích dùng thuốc, liều lượng, thời gian dùng thuốc, tương tác thuốc trong điều trị, lựa chọn được thuốc tối ưu cho bệnh nhân.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức	Mục đích	CĐR của HP đạt được
------------------------	----------	---------------------

tổ chức dạy học		
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	50	- Báo cáo phân tích đánh giá đơn thuốc - Báo cáo phân tích đánh giá ca lâm sàng - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo (giảng viên nêu cụ thể)	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

2	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Bình một đơn thuốc và ca lâm sàng. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
---	----------------------	----	--	-------------------------	----

10. Học liệu

10.1 Tài liệu học tập

[1] Hoàng Thị Kim Huyền (2011), *Dược lâm sàng*, NXB Y Học, Hà Nội

[2] Nguyễn Hữu Đức (2008), *Dược lâm sàng: 12 chuyên đề đào tạo liên tục dược khoa*, NXB Y Học, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Ngọc Khôi (2021), *Dược lâm sàng và điều trị*, NXB Y Học, TP HCM.

[4]. Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 1*, NXB Y Học, Hà Nội.

[5]. Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 2*, NXB Y Học, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Phân tích đơn thuốc cơ xương khớp (Viêm khớp dạng thấp - Thoái hóa khớp - Gout - Loãng xương)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
2	Phân tích ca lâm sàng cơ xương khớp (Viêm khớp dạng thấp - Thoái hóa khớp - Gout - Loãng xương)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
3	Phân tích đơn thuốc tiêu hóa (Loét dạ dày - tá tràng - IBS - Tiêu chảy trẻ em)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
4	Phân tích ca lâm sàng tiêu hóa (Loét dạ dày - tá tràng - IBS - Tiêu chảy trẻ em)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
5	Phân tích đơn thuốc niệu - thần kinh (Nhiễm khuẩn tiết niệu - Tâm thần phân liệt - Parkinson - Alzheimer)	5	[3]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

6	Phân tích ca lâm sàng niệu - thần kinh (Nhiễm khuẩn tiết niệu - Tâm thần phân liệt - Parkinson - Alzheimer) Kiểm tra kết thúc học phần	5	[3]	CO5, CO7, CO9	CO6, CO8,
---	---	---	-----	---------------------	--------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa

P. KHOA DƯỢC
(ký tên)


ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN
(ký tên)


Nguyễn Thiên Việt Sơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược liệu 1

Mã học phần: 0102000452

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	30	0	0	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Thực vật dược

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Liên Bộ môn Thực vật dược-Dược liệu-Dược học cổ truyền

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Liên Bộ môn Thực vật dược-Dược liệu-Dược học cổ truyền

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được các kiến thức chung trong thu hái, chế biến dược liệu.

MT2: Phân tích được thành phần hóa học, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất như carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthranoid, flavonoid, coumarin, tanin...

MT3: Mô tả được phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên từ các dược liệu phổ biến.

*** Về kỹ năng**

MT4: Thực hiện được quy trình chiết xuất và phân tích tính chất của các nhóm hợp chất glycosid trợ tim, saponin, anthranoid, flavonoid, coumarin, tanin... trong dược liệu.

MT5: Thực hiện được thuyết trình, báo cáo, thảo luận.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

MT7: Nhận thức được nhu cầu và tầm quan trọng của dược liệu trong dược học và cuộc sống.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200045 2	Dược liệu 1							
		0	0	0	2	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	1	1	1	1	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được các kiến thức chung trong thu hái, chế biến dược liệu.	PO4
MT2	CO2	Phân tích được thành phần hóa học, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất như carbonhydrat,	PO4

		glycosid trợ tim, saponin, anthranoid, flavonoid, coumarin, tanin...	
MT3	CO3	Mô tả được phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên từ các dược liệu phổ biến.	PO4
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện được quy trình chiết xuất và phân tích tính chất các nhóm hợp chất glycosid trợ tim, saponin, anthranoid, flavonoid, coumarin, tanin... trong dược liệu.	PO7, PO10
MT5	CO5	Thực hiện được thuyết trình, báo cáo, thảo luận.	PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	PO15, PO16
MT7	CO7	Nhận thức được nhu cầu và tầm quan trọng của dược liệu trong dược học và cuộc sống.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp kiến thức về môn học Dược liệu, mối liên quan với các môn học khác trong chương trình đào tạo dược sĩ đại học; kỹ thuật thu hái, phơi sấy, chế biến và bảo quản dược liệu; khái niệm, tính chất, phương pháp chiết xuất, kiểm nghiệm, tác dụng sinh học của carbohydrat, glycosid trong dược liệu; tên khoa học, đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, thành phần hoá học, tác dụng, công dụng của các dược liệu.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Tổ chức học tập theo nhóm	Giúp người học tăng cường kỹ năng làm việc theo nhóm, tăng cường kỹ năng giao tiếp	CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3

Thực hành	Giúp người học có rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO4, CO5, CO6, CO7
-----------	--	--------------------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ Y tế (2011), *Dược liệu học tập 1*, Nhà xuất bản Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Võ Văn Chi (2021), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 1*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Võ Văn Chi (2021), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 2*, Nhà xuất bản Y học.

[4] Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam V = Pharmacopoeia Vietnamica Tập 1+ 2*, Nhà xuất bản Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

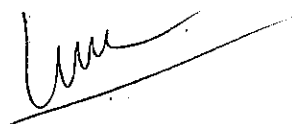
Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	Chương 1. Đại cương về Dược liệu	3	[1]	CO1
	Định nghĩa môn học		[1]	
	Lịch sử phát triển môn dược liệu		[1]	
	Vị trí của dược liệu trong ngành y tế và trong nền kinh tế quốc dân		[1]	
	Thu hái – chế biến và bảo quản dược liệu		[1]	
	Các phương pháp đánh giá dược liệu		[1]	
	Chiết xuất và phân lập các chất từ dược liệu		[1]	
2	Carbonhydrat và dược liệu chứa carbonhydrat	3	[1]	CO2, CO3
	Đại cương về carbohydrat		[1]	
	Dược liệu chứa carbohydrat		[1]	
3	Glycosid	3	[1]	CO2, CO3
4	Glycoside tim và dược liệu chứa glycoside tim	3	[1]	CO2, CO3
	Đại cương về glycosid tim		[1]	
	Dược liệu chứa glycosid tim		[1]	
5	Saponin và dược liệu chứa saponin	3	[1]	CO2, CO3
	Đại cương về saponin		[1]	
	Dược liệu chứa saponin		[1]	
6	Anthranoid và dược liệu chứa anthranoid	3	[1]	CO2, CO3
	Đại cương về anthranoid		[1]	
	Dược liệu chứa anthranoid		[1]	
7	Flavonoid và dược liệu chứa flavonoid	3	[1]	CO2, CO3

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	Đại cương về flavonoid		[1]	
	Dược liệu chứa Euf flavonoid		[1]	
	Các dược liệu thuộc chi Citrus - Rutaceae		[1]	
	Dược liệu chứa Isoflavonoid		[1]	
	Dược liệu chứa Neoflavonoid		[1]	
8	Coumarin và dược liệu chứa coumarin	3	[1]	CO2, CO3
	Đại cương về coumarin		[1]	
	Dược liệu chứa coumarin		[1]	
9	Tanin và dược liệu chứa tanin	3	[1]	CO2, CO3
	Đại cương về tanin		[1]	
	Dược liệu chứa tanin		[1]	
10	Dược liệu chứa mono và diterpenoid glycosid	3	[1]	CO2, CO3
	Monoterpenoid glycosid		[1]	
	Diterpenoid glycosid		[1]	
	Dược liệu chứa Monoterpenoid glycosid		[1]	
	Dược liệu chứa Diterpenoid glycosid		[1]	

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và dụng cụ.

KHOA DƯỢC



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN



Thái Thị Cẩm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược liệu 1 – Thực hành

Mã học phần: 0102000933

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	0	0	30	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Thực vật dược

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Liên Bộ môn Thực vật dược-Dược liệu-Dược học cổ truyền

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Liên Bộ môn Thực vật dược-Dược liệu-Dược học cổ truyền

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được các kiến thức chung trong thu hái, chế biến dược liệu.

MT2: Phân tích được thành phần hóa học, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất như carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthranoid, flavonoid, coumarin, tanin...

MT3: Mô tả được phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên từ các dược liệu phổ biến.

*** Về kỹ năng**

MT4: Thực hiện được quy trình chiết xuất và phân tích tính chất của các nhóm hợp chất glycosid trợ tim, saponin, anthranoid, flavonoid, coumarin, tanin... trong dược liệu.

MT5: Thực hiện được thuyết trình, báo cáo, thảo luận.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

MT7: Nhận thức được nhu cầu và tầm quan trọng của dược liệu trong dược học và cuộc sống.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200045 2	Dược liệu 1	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	0	2	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO1	PO12	PO13	PO14
		0	0	1	1	1	1	0
		PO1 5	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	
		Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được các kiến thức chung trong thu hái, chế biến dược liệu.	PO4

MT2	CO2	Phân tích được thành phần hóa học, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất như carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthranoid, flavonoid, coumarin, tanin...	PO4
MT3	CO3	Mô tả được phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên từ các dược liệu phổ biến.	PO4
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện được quy trình chiết xuất và phân tích tính chất các nhóm hợp chất glycosid trợ tim, saponin, anthranoid, flavonoid, coumarin, tanin... trong dược liệu.	PO7, PO10
MT5	CO5	Thực hiện được thuyết trình, báo cáo, thảo luận.	PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	PO15, PO16
MT7	CO7	Nhận thức được nhu cầu và tầm quan trọng của dược liệu trong dược học và cuộc sống.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Đào tạo kỹ năng kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hoá học, vi học, cảm quan.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Tổ chức học tập theo nhóm	Giúp người học tăng cường kỹ năng làm việc theo nhóm, tăng cường kỹ năng giao tiếp	CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Dược liệu chứa carbonhydrat	5	[2]	CO4, CO5, CO6, CO7
	Dược liệu chứa Coumarin	5	[2]	
2	Dược liệu chứa saponin	5	[2]	CO4, CO5, CO6, CO7
3	Dược liệu chứa anthraglycosid	5	[2]	CO4, CO5, CO6, CO7
4	Dược liệu chứa flavonoid	5	[2]	CO4, CO5, CO6, CO7
5	Dược liệu chứa tannin	5	[2]	CO4, CO5, CO6, CO7
6	Kiểm tra kết thúc học phần			

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và dụng cụ.

P. KHOA DƯỢC

luu
ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

luu
Chai Chi Cẩm

Thực hành	Giúp người học có rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO4, CO5, CO6, CO7
-----------	--	--------------------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	50	- Kết quả của buổi thực tập, trả lời câu hỏi - Tiêu chí đánh giá (giảng viên nêu cụ thể)	CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Làm thí nghiệm nhỏ về chiết xuất, định tính các nhóm hợp chất trong dược liệu, nhận biết tinh bột - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược Đại học Nam Cần Thơ (2017), *Thực hành Dược liệu 1*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Võ Văn Chi (2021), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 1*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Võ Văn Chi (2021), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 2*, Nhà xuất bản Y học.

[4] Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam V = Pharmacopoeia Vietnamica Tập 1+ 2*, Nhà xuất bản Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược liệu 2

Mã học phần: 0102000453

Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T = Bài tập	45	0	0	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết: Thực vật dược, dược liệu 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Liên Bộ môn Thực vật dược-Dược liệu-Dược học cổ truyền

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Liên Bộ môn Thực vật dược-Dược liệu-Dược học cổ truyền

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất alkaloid, tinh dầu, nhựa, chất béo và các động vật làm thuốc.

MT2: Hiểu và vận dụng được các phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên

MT3: Hiểu và phân tích được công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất trên

*** Về kỹ năng**

MT4: Thực hiện được quy trình chiết xuất và phân tích tính chất một số hợp chất như alkaloid, tinh dầu, chất béo.

MT5: Thực hiện được thuyết trình, báo cáo, thảo luận.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

MT7: Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của dược liệu trong dược học và cuộc sống.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000453	Dược liệu 2	0	0	0	2	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		8	0	1	1	1	1	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất alkaloid, tinh dầu, nhựa, chất béo và các động vật làm thuốc.	PO4
MT2	CO2	Hiểu và vận dụng được phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các hợp chất trên	PO4

MT3	CO3	Hiểu và phân tích được công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các hợp chất trên	PO4
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện được quy trình chiết xuất và phân tích tính chất một số hợp chất như alkaloid, tinh dầu, chất béo.	PO7, PO10
MT5	CO5	Thực hiện được thuyết trình, báo cáo, thảo luận.	PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	PO15, PO16
MT7	CO7	Nhận thức được nhu cầu và tầm quan trọng của dược liệu trong dược học và cuộc sống.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp kiến thức về môn học Dược liệu, mối liên quan với các môn học khác trong chương trình đào; kỹ thuật thu hái, phơi sấy, chế biến và bảo quản dược liệu; khái niệm, tính chất, phương pháp chiết xuất, kiểm nghiệm, tác dụng sinh học của carbohydrat, glycosid trong dược liệu; tên khoa học, đặc điểm thực vật, bộ phận dùng - cách bào chế, thành phần hoá học, tác dụng, công dụng của các dược liệu.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Tổ chức học tập theo nhóm	Giúp người học tăng cường kỹ năng làm việc theo nhóm, tăng cường kỹ năng giao tiếp	CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3
Thực hành	Giúp người học có rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Phạm Thanh Kỳ, Nguyễn Thị Tâm, Trần Văn Thanh (2015), *Dược liệu học: Sách đào tạo dược sĩ đại học, Tập 2*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược Đại học Nam Cần Thơ (2018), *Thực hành Dược liệu 2*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Võ Văn Chi (2021), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 1*, Nhà xuất bản Y học.

[4] Võ Văn Chi (2021), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 2*, Nhà xuất bản Y học.

[5] Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam Tập 1 Pharmacopoeia Vietnamica*, Nhà xuất bản Y học.

[6] Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam Tập 2 Pharmacopoeia Vietnamica*, Nhà xuất bản Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1 - 8	Chương 1. Dược liệu chứa alkaloid	24	[1]	CO1, CO2, CO3
	1. Đại cương		[1]	
	2. Dược liệu chứa alkaloid không có nhân dị vòng		[1]	
	3. Dược liệu chứa alkaloid có nhân pyridin và piperidin		[1]	
	4. Dược liệu chứa alkaloid có nhân tropan		[1]	
	5. Dược liệu chứa alkaloid có nhân quinolizidin		[1]	
	6. Dược liệu chứa alkaloid có nhân quinolin		[1]	
	7. Dược liệu chứa alkaloid có nhân isoquinolin		[1]	
	8. Dược liệu chứa alkaloid có nhân indol		[1]	
	9. Dược liệu chứa alkaloid có nhân imidazol		[1]	
	10. Dược liệu chứa alkaloid có nhân quinazolin		[1]	
	11. Dược liệu chứa alkaloid có nhân purin		[1]	
	12. Dược liệu chứa alkaloid có cấu trúc steroid.		[1]	
	13. Dược liệu chứa alkaloid có cấu trúc diterpen.		[1]	
14. Dược liệu chứa alkaloid có cấu trúc khác	[1]			
9 – 10	Dược liệu chứa tinh dầu	6	[1]	CO1, CO2, CO3
	1. Đại cương		[1]	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
	2. Dược liệu chứa tinh dầu có thành phần chính là các dẫn chất monoterpen		[1]	
	3. Dược liệu chứa tinh dầu có thành phần chính là các dẫn chất sesquiterpen		[1]	
	4. Dược liệu chứa tinh dầu có thành phần chính là các dẫn chất có nhân thơm		[1]	
	5. Một số dược liệu có khả năng khai thác và sử dụng tinh dầu ở Việt Nam		[1]	
11	Dược liệu chứa chất nhựa	3	[1]	CO1, CO2, CO3
	1. Đại cương		[1]	
	2. Dược liệu		[1]	
12 - 13	Dược liệu chứa lipid	6	[1]	CO1, CO2, CO3
	1. Đại cương		[1]	
	2. Dược liệu		[1]	
14 - 15	Động vật làm thuốc	6	[1]	CO1, CO2, CO3

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa
- Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và dụng cụ.

B. KHOA DƯỢC

luu
ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

luu
Chái Thị Cẩm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược liệu 2 – Thực hành

Mã học phần: 0102000934

Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	0	0	30	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết: Thực vật dược, dược liệu 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược liệu - Thực vật dược - Dược học cổ truyền phụ trách

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Dược liệu - Thực vật dược - Dược học cổ truyền

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất alkaloid, tinh dầu, nhựa, chất béo và các động vật làm thuốc.

MT2: Hiểu và vận dụng được các phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên

MT3: Hiểu và phân tích được công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất trên

*** Về kỹ năng**

MT4: Thực hiện được quy trình chiết xuất và phân tích tính chất một số hợp chất như alkaloid, tinh dầu, chất béo.

MT5: Thực hiện được thuyết trình, báo cáo, thảo luận.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

MT7: Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của dược liệu trong dược học và cuộc sống.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000 934	Dược liệu 2	0	0	0	2	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	1	1	1	1	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất alkaloid, tinh dầu, nhựa, chất béo và các động vật làm thuốc.	PO4
MT2	CO2	Hiểu và vận dụng được phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các hợp chất trên	PO4

MT3	CO3	Hiểu và phân tích được công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các hợp chất trên	PO4
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện được quy trình chiết xuất và phân tích tính chất một số hợp chất như alkaloid, tinh dầu, chất béo.	PO7, PO10
MT5	CO5	Thực hiện được thuyết trình, báo cáo, thảo luận.	PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	PO15, PO16
MT7	CO7	Nhận thức được nhu cầu và tầm quan trọng của dược liệu trong dược học và cuộc sống.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Đào tạo kỹ năng kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hoá học, vi học, cảm quan. Giúp sinh viên nhận thức đúng và hướng dẫn sử dụng được 60 vị dược liệu khô.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Tổ chức học tập theo nhóm	Giúp người học tăng cường kỹ năng làm việc theo nhóm, tăng cường kỹ năng giao tiếp	CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3
Thực hành	Giúp người học có rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.

- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	50	- Kết quả của buổi thực tập, trả lời câu hỏi - Tiêu chí đánh giá (giảng viên nêu cụ thể)	CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Làm thí nghiệm nhỏ về chiết xuất, định tính các nhóm hợp chất trong dược liệu, soi bột dược liệu - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Phạm Thanh Kỳ (2015), *Dược liệu học tập II*, Nhà xuất bản Y học.
- [2] Bộ môn Dược liệu - Thực vật dược - Dược học cổ truyền, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Thực hành Dược liệu 2*.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [3] Võ Văn Chi (2021), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 1*, Nhà xuất bản Y học.
- [4] Võ Văn Chi (2021), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 2*, Nhà xuất bản Y học.
- [5] Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam Tập 1 Pharmacopoeia Vietnamica*, Nhà xuất bản Y học.
- [6] Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam Tập 2 Pharmacopoeia Vietnamica*, Nhà xuất bản Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Kiểm nghiệm dược liệu chứa alkaloid - Định tính alkaloid trong dược liệu bằng phản ứng hóa học và sắc ký lớp mỏng	5	[2] [2]	CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
2	Kiểm nghiệm dược liệu có alkaloid - Thuốc thử đặc hiệu	5	[2]	CO4, CO5, CO6, CO7
3	Kiểm nghiệm dược liệu có alkaloid - Soi bột dược liệu	5	[2]	CO4, CO5, CO6, CO7
4	Kiểm nghiệm dược liệu chứa tinh dầu	5	[2]	CO4, CO5, CO6, CO7
	- Định lượng tinh dầu trong dược liệu		[2]	
	- Kiểm nghiệm tinh dầu Sả		[2]	
	- Kiểm nghiệm tinh dầu Tràm		[2]	
5	Kiểm nghiệm dược liệu chứa chất béo	5	[2]	CO4, CO5, CO6, CO7
	- Định tính chất béo		[2]	
	- Xác định chỉ số acid, chỉ số xà phòng và chỉ số ester của chất béo		[2]	
6	Kiểm tra kết thúc học phần	5		

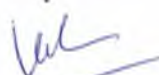
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa
- Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và dụng cụ.

P. KHOA DƯỢC


ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN


ThS. Chí Cẩm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược lý 1

Mã học phần: 0102000454

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa dược, Hóa sinh, Sinh lý bệnh miễn dịch, Bệnh học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc.

MT2. Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị.

MT3. Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị.

***Về kỹ năng**

MT4. Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng.

MT5. Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.

MT6. Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0004 54	Dược lý 1	0	0	0	3	0	0	0	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	1	1	0	0	1	2	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc.	PO4
MT2	CO2	Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị.	PO4

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
MT3	CO3	Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị.	PO4
Kỹ năng			
MT4	CO4	Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng.	PO8, PO10, PO11, PO12
MT5	CO5	Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.	PO8, PO10, PO11, PO12
MT6	CO6	Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị.	PO8, PO10, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc.	PO15, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần dược lý 1 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ chế gây ra tác dụng dược lý của một số nhóm hoạt chất tác dụng trên Hệ thần kinh và các nhóm thuốc tác động đến hệ nội tiết. Đây cũng là học phần nền tảng cho các học phần tiếp theo (Dược động học; Dược lâm sàng 1,2,3; Chăm sóc dược) nhằm góp phần hoàn thiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm thiểu sự xuất hiện các biến cố cũng như sai sót trong quá trình điều trị.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)				
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	20	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	10
2	Kiểm tra	30	+ Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm, báo cáo seminar	10

	thường xuyên			
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
3	Bài thi dùng đề trắc nghiệm	50	+ Theo đáp án, thang điểm quy định	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng, Khoa Dược (2022), *Giáo trình Dược lý 1*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Mai Phương Mai (2012), *Dược lý học*, Tập 1, NXB Y học.

[3]. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2007), *Dược lý học*, Tập 1, NXB Y học.

[4]. Đào Văn Phan (2012), *các thuốc giảm đau kháng viêm*, NXB Y học.

[5]. Đào Văn Phan (2012), *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học.

[6]. Nguyễn Xuân Thắng (2011), *Dược lý phân tử*, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Dược lý học đại cương Đại cương dược động học	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	Đại cương dược lực học	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	Thuốc tác động trên hệ thần kinh thực vật	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	Thuốc giảm đau, hạ sốt, kháng viêm	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Thuốc điều trị gout Đại cương hormon	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
7	Hormon tuyến giáp và thuốc điều trị rối loạn chức năng tuyến giáp	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
8-9	Hormon tuyến tụy và thuốc điều trị đái tháo đường	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

10	Hormon tuyến thượng thận và dẫn xuất tổng hợp Hormon sinh dục và dẫn xuất tổng hợp	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
----	---	-----	---------------------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

P. KHOA DƯỢC

(ký tên)



THS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(ký tên)



Nguyễn Hiền Việt An

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược lý 1 – Thực hành

Mã học phần: 0102001163

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Dược lý 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Phân tích và đánh giá dược Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị.

MT2. Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị.

*Về kỹ năng

MT3. Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng.

MT4. Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.

MT5. Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6. Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0004 54	Dược lý 1	0	0	0	3	0	0	0	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	1	1	0	0	1	2	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị.	PO4
MT2	CO2	Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị.	PO4
Kỹ năng			
MT3	CO3	Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng.	PO8, PO10, PO11, PO12

Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO3, CO4, CO5, CO6
------------------	---	---------------------------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Báo cáo các buổi học	50	Báo cáo kết quả thí nghiệm. Báo cáo về các biệt dược, đơn thuốc. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo (giảng viên nêu cụ thể)	10
2	Kiểm tra kết thúc HP	50	Thực hiện bài kiểm tra nhận biết sử dụng các thuốc	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng, Khoa Dược Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Giáo trình Dược lý 1- Thực hành*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Mai Phương Mai (2012), *Dược lý học*, Tập 1, NXB Y học.

[3]. Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (2007), *Dược lý học*, Tập 1, NXB Y học.

[4]. Đào Văn Phan (2012), *các thuốc giảm đau kháng viêm*, NXB Y Học.

[5]. Đào Văn Phan (2012), *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học.

[6]. Nguyễn Xuân Thắng (2011), *Dược lý phân tử*, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Các thủ thuật cơ bản trên chuột	[1]	CO4, CO5, CO6
2	Thử tác dụng gây mê, lợi tiểu và kích ứng da trên chuột	[1]	CO4, CO5, CO6

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
MT4	CO4	Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.	PO8, PO10, PO11, PO12
MT5	CO5	Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra.	PO8, PO10, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc.	PO15, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần dược lý 1 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ chế gây ra tác dụng dược lý của một số nhóm hoạt chất tác dụng trên Hệ thần kinh và các nhóm thuốc tác động đến hệ nội tiết. Đây cũng là học phần góp phần hoàn thiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm thiểu sự xuất hiện các biến cố cũng như sai sót trong quá trình điều trị.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

3	Nhận dạng các thuốc giảm đau - hạ sốt - kháng viêm	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Nhận dạng các thuốc điều trị Gout	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	Nhận dạng các thuốc điều trị đái tháo đường	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Nhận dạng các thuốc hormon (Tuyến giáp - Thượng thận - Sinh dục)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

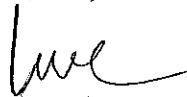
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành thí nghiệm có đầy đủ các thiết bị, máy móc phục vụ cho bài thực hành.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2022

P. KHOA DƯỢC

(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(ký tên)



Nguyễn Hữu Việt Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược lý 2

Mã học phần: 0102000457

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	45	0	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa dược, Hóa sinh, Sinh lý bệnh miễn dịch, Bệnh học

Học phần học song hành:

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý - Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1. Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc.

MT2. Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị.

MT3. Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị.

*** Về kỹ năng**

MT4. Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng. Cập nhật thường xuyên các kiến thức mới về nhóm thuốc kháng sinh nói riêng và vi sinh vật nói chung trong thời đại mới.

MT5. Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.

MT6. Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra.

MT7. Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200 0457	Dược lý 2							
		0	2	0	2	2	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc	PO2, PO3, PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị	PO2, PO3, PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị	PO2, PO3, PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị	PO12

		được một tình trạng bệnh lý tương ứng. Cập nhật thường xuyên các kiến thức mới về nhóm thuốc kháng sinh nói riêng và vi sinh vật nói chung trong thời đại mới.	
MT5	CO5	Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.	PO12
MT6	CO6	Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra	PO12
MT7	CO7	Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần dược lý 2 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ chế gây ra tác dụng dược lý của một số nhóm hoạt chất tác dụng trên các vi sinh vật (Kháng sinh, kháng nấm, kháng virus, kháng kí sinh trùng), thuốc điều trị các vấn đề trên tim mạch, rối loạn hô hấp, rối loạn tiêu hóa. Đây cũng là học phần nền tảng cho các học phần tiếp theo (Dược động học; Dược lâm sàng 1,2,3; Chăm sóc dược) nhằm góp phần hoàn thiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm thiểu sự xuất hiện các biến cố cũng như sai sót trong quá trình điều trị.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo bám sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra của từng bài.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Bên cạnh đó	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu kiến thức mới bằng các bài tiểu luận được giao ngẫu nhiên.	
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, nghe giảng.
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nội qui cho sinh viên trong giờ giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, trả lời các câu hỏi của giảng viên tại lớp.
- Phản hồi ý kiến sau mỗi buổi học để giảng viên khắc phục về sau
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo do giảng viên hướng dẫn giới thiệu. Hoàn thành các bài báo cáo theo đúng yêu cầu của giảng viên đứng lớp.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO4, CO5, CO6	10
2	Thường xuyên	30	* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức từ đầu thời gian học đến thời điểm hiện tại để giải thích các tình huống do giảng viên đặt ra trong kiểm tra. - Một bài kiểm tra đánh giá bao gồm hai phần: câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tình huống.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

			<p>* Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nhằm xem xét khả năng phân tích và ứng dụng của sinh viên.</p> <p>- Bài báo cáo tiểu luận sẽ được phân chia ngẫu nhiên. Mỗi sinh viên đều phải hoàn thành quyền tiểu luận và thỏa mãn yêu cầu giảng viên đặt ra để đủ điều kiện dự thi đánh giá kết thúc học phần.</p>		
3	Thi kết thúc HP	50	<p>+ Thi kết thúc học phần</p> <p>+ Hình thức thi trắc nghiệm khách quan.</p> <p>+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Bộ môn Dược lý - Dược lâm sàng, Khoa Dược - Trường ĐH Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Dược lý 1 – Bài giảng nội bộ*.

[2] Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng, Khoa Dược - Trường ĐH Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Dược lý 2 – Thực hành, Bài giảng nội bộ*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Bộ Y tế (2018), *Dược thư Quốc gia Việt Nam*, Hà Nội.

Ngoài ra, sinh viên có thể tham khảo thêm một số tài liệu tham khảo:

[4]. Đào Văn Phan (2012), *Dược lý học lâm sàng*, Trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học, Hà Nội.

[5]. Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, Tập 1 và 2*, Trường ĐH Dược Hà Nội - ĐH Groningen, Hà Lan, NXB Y học, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Xuân Thắng (2011), *Dược lý phân tử*, NXB Y học, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Tiết	Tài liệu	CĐR của HP
Chương 1.		[1][3][4][CO1, CO2,
Bài 1. Đại cương kháng sinh (1)		5][6]	CO3, CO4,
1. Định nghĩa về kháng sinh			CO5, CO6

<p>2. Phân loại các vi khuẩn phổ biến</p> <p>3. Cơ chế tác dụng của kháng sinh</p> <p>4. Cơ chế đề kháng của vi khuẩn</p> <p>5. Một số nguyên tắc sử dụng kháng sinh</p> <p>Bài 2. Kháng sinh nhóm beta lactam (2)</p> <p>1. Phân loại các phân nhóm chính</p> <p>2. Cơ chế tác dụng và cơ chế đề kháng β lactam</p> <p>3. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị</p> <p>4. Một số nguyên tắc cụ thể khi điều trị với β lactam</p> <p>Bài 3. Kháng sinh các nhóm còn lại (3)</p> <p>Cấu trúc bài học tương tự nhóm β lactam</p> <p>1. Kháng sinh aminosid</p> <p>2. Kháng quinolon</p> <p>3. Kháng sinh macrolid</p> <p>4. Kháng sinh sulfamid</p> <p>5. Kháng sinh glycopeptid (SV tự tham khảo)</p> <p>6. Kháng sinh polymyxin (SV tự tham khảo)</p> <p>Bài 4. Thuốc điều trị lao - phong (1)</p> <p>1. Thuốc điều trị lao</p> <p>1.1. Khái quát về bệnh sinh và tình hình dịch tễ</p> <p>1.2. Phân loại thuốc điều trị lao</p> <p>1.3. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>1.4. Một số nguyên tắc ứng dụng trong điều trị</p> <p>2. Thuốc điều trị phong</p> <p>2.1. Khái quát về bệnh phong</p> <p>2.2. Phân loại thuốc điều trị</p> <p>2.3. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>2.4. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị</p> <p>Bài 5. Thuốc điều trị sốt rét (2)</p> <p>1. Khái quát về bệnh sinh và tình hình dịch tễ</p> <p>2. Phân loại thuốc điều trị</p> <p>3. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>4. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị</p> <p>Bài 6. Thuốc điều trị kí sinh trùng (ly, amip) (1)</p> <p>1. Phân loại kí sinh trùng</p> <p>2. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>3. Ứng dụng trong điều trị</p> <p>Bài 7. Thuốc kháng nấm (2)</p> <p>1. Đại cương về bệnh lý nấm ngoài da và toàn thân</p> <p>2. Tình hình dịch tễ một số loại nấm</p>	15		
---	----	--	--

<p>3. Phân loại thuốc kháng nấm</p> <p>4. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>5. Ứng dụng trong điều trị</p> <p>6. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p>Bài 8. Thuốc điều trị virus (3)</p> <p>1. Thuốc điều trị virus HIV</p> <p>1.1. Khái quát bệnh lý suy giảm miễn dịch</p> <p>1.2. Khái quát về virus HIV</p> <p>1.3. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>1.4. Phân loại các nhóm thuốc điều trị</p> <p>1.5. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị</p> <p>1.6. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p>2. Thuốc điều trị virus Herpes</p> <p>2.1. Khái quát về nhóm virus Herpes</p> <p>2.2. Phân loại các nhóm thuốc</p> <p>2.3. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>2.4. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị</p> <p>2.5. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p>3. Thuốc điều trị virus viêm gan B</p> <p>3.1. Đại cương về bệnh lý viêm gan và viêm gan B</p> <p>3.2. Tình hình dịch tễ</p> <p>3.3. Phân loại các thuốc điều trị</p> <p>3.4. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>3.5. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị</p> <p>3.6. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p>			
<p>Chương 2.</p> <p>Bài 9. Thuốc kháng histamin H1 (1)</p> <p>1. Tác dụng sinh lý của histamin</p> <p>2. Cơ chế tác dụng dược lí của thuốc kháng histamin</p> <p>3. Phân loại</p> <p>4. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng</p> <p>5. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p>Bài 10. Thuốc trị ho - long đàm (2)</p> <p>1. Các nguyên nhân gây ho</p> <p>2. Nguyên tắc điều trị</p> <p>3. Phân loại thuốc điều trị</p> <p>4. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>5. Ứng dụng điều trị lâm sàng</p> <p>Bài 11. Thuốc điều trị hen suyễn - COPD (3)</p> <p>1. Cơ chế bệnh sinh</p>	6	[1][3][4][5][6]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6


<ol style="list-style-type: none"> 2. Chiến lược và mục tiêu điều trị 3. Phân loại thuốc điều trị 4. Cơ chế tác dụng dược lí 5. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng 6. Một số nguyên tắc trong sử dụng thuốc 7. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra 			
<p>Chương 3.</p> <p>Bài 12. Thuốc điều trị loét dạ dày - tá tràng (3)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ chế bệnh sinh 2. Sơ lược về vi khuẩn Hp 3. Chiến lược và phân loại thuốc điều trị dựa theo nguyên nhân gây bệnh 4. Một số phác đồ điều trị loét do Hp 5. Một số nguyên tắc trong điều trị <p>Bài 13. Thuốc điều trị tiêu chảy (2)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ chế bệnh sinh gây tiêu chảy 2. Nguyên nhân và nguyên tắc điều trị 3. Phân loại thuốc điều trị <p>Bài 14. Thuốc điều trị táo bón, nhuận tràng (1)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân loại 2. Cơ chế tác dụng dược lí 3. Ứng dụng trong điều trị 	6	[1][3][4][5][6]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
<p>Chương 4.</p> <p>Bài 15. Thuốc điều trị tăng huyết áp (6)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa tăng huyết áp 2. Chẩn đoán và chiến lược điều trị 3. Phân loại thuốc điều trị 4. Cơ chế tác dụng dược lí 5. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị 6. Một số nguyên tắc trong sử dụng thuốc hạ áp 7. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra <p>Bài 16. Thuốc điều trị rối loạn lipid (3)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vai trò của điều trị rối loạn lipid 2. Phân loại thuốc điều trị 3. Cơ chế tác dụng dược lí 4. Ứng dụng trong điều trị 5. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra <p>Bài 17. Thuốc tác động lên quá trình đông máu (3)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ chế đông máu 2. Phân loại thuốc dựa theo cơ chế đông máu 	18	[1][3][4][5][6]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

3. Cơ chế tác dụng dược lí 4. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị 5. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra Bài 18. Thuốc điều trị thiếu máu cục bộ (3) 1. Khái quát về bệnh mạch vành 2. Khái quát về đột quy 3. Thuốc điều trị đau thắt ngực 3.1. Phân loại 3.2. Cơ chế tác dụng dược lí 3.3. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị 3.4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra 4. Thuốc điều trị nhồi máu cơ tim 4.1. Phân loại 4.2. Cơ chế tác dụng dược lí 4.3. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị 4.4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra Bài 19. Thuốc điều trị suy tim (3) 1. Cơ chế bệnh sinh 2. Chiến lược điều trị 3. Phân loại thuốc 4. Cơ chế tác dụng dược lí 5. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị 6. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra			
Tổng số tiết	45		


12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.
- Phòng học có các dạng thuốc thuốc dùng trong điều trị các loại bệnh lý đã học

P. KHOA DƯỢC
(ký tên)


ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN
(ký tên)


Nguyễn Văn Việt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược lý 2 – Thực hành

Mã học phần: 0102000935

Số tín chỉ: 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa dược, Hóa sinh, Sinh lý bệnh miễn dịch, Bệnh học

Học phần học song hành:

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý - Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1. Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc.

MT2. Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị.

MT3. Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị.

*** Về kỹ năng**

MT4. Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng. Cập nhật thường xuyên các kiến thức mới về nhóm thuốc kháng sinh nói riêng và vi sinh vật nói chung trong thời đại mới.

MT5. Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.

MT6. Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra.

MT7. Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000935	Dược lý 2 – Thực hành	0	2	0	2	2	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		2	2	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc	PO2, PO3, PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị	PO2, PO3, PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị	PO2, PO3, PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng. Cập nhật	PO12

		thường xuyên các kiến thức mới về nhóm thuốc kháng sinh nói riêng và vi sinh vật nói chung trong thời đại mới.	
MT5	CO5	Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.	PO12
MT6	CO6	Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra	PO12
MT7	CO7	Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần dược lý 2 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ chế gây ra tác dụng dược lý của một số nhóm hoạt chất tác dụng trên các vi sinh vật (Kháng sinh, kháng nấm, kháng virus, kháng kí sinh trùng), thuốc điều trị các vấn đề trên tim mạch, rối loạn hô hấp, rối loạn tiêu hóa. Đây cũng là học phần nền tảng cho các học phần tiếp theo (Dược động học; Dược lâm sàng 1,2,3; Chăm sóc dược) nhằm góp phần hoàn thiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm thiểu sự xuất hiện các biến cố cũng như sai sót trong quá trình điều trị.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo bám sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra của từng bài.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Bên cạnh đó tạo điều kiện cho sinh viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	tìm hiểu kiến thức mới bằng các bài tiểu luận được giao ngẫu nhiên.	
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, nghe giảng.
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nội qui cho sinh viên trong giờ giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, trả lời các câu hỏi của giảng viên tại lớp.
- Phản hồi ý kiến sau mỗi buổi học để giảng viên khắc phục về sau
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo do giảng viên hướng dẫn giới thiệu. Hoàn thành các bài báo cáo theo đúng yêu cầu của giảng viên đứng lớp.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Báo cáo các buổi học	50	Báo cáo kết quả thí nghiệm. Báo cáo về các biệt dược, đơn thuốc. Tiêu chí đánh giá bài báo cáo (giảng viên nêu cụ thể)	10
2	Kiểm tra kết thúc HP	50	Thực hiện bài kiểm tra nhận biết sử dụng các thuốc	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

- [1] Bộ môn Dược lý - Dược lâm sàng, Khoa Dược - Trường ĐH Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Dược lý 1 – Bài giảng nội bộ*.
- [2] Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng, Khoa Dược - Trường ĐH Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Dược lý 2 – Thực hành, Bài giảng nội bộ*.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Bộ Y tế (2018), *Dược thư Quốc gia Việt Nam*, Hà Nội.

Ngoài ra, sinh viên có thể tham khảo thêm một số tài liệu tham khảo:

- [4]. Đào Văn Phan (2012), *Dược lý học lâm sàng* (2012), Trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học, Hà Nội.

[5]. Hoàng Thị Kim Huyền (2014), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, Tập 1 và 2*, Trường ĐH Dược Hà Nội - ĐH Groningen, Hà Lan, NXB Y học, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Xuân Thắng (2011), *Dược lý phân tử*, NXB Y học, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Nhận dạng các thuốc kháng sinh	5	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
2	Nhận dạng các thuốc hô hấp (Ho - Hen - Kháng Histamin H1)	5	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
3	Nhận dạng các thuốc điều trị tăng huyết áp	5	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
4	Nhận dạng các thuốc tiêu hóa (Loét dạ dày - tá tràng, Táo bón, Tiêu chảy)	5	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
5	Nhận dạng các thuốc điều trị suy tim - bệnh mạch vành	5	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
6	Nhận dạng các thuốc điều trị rối loạn lipid máu - huyết khối	5	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.
- Phòng học có các dạng thuốc thuốc dùng trong điều trị các loại bệnh lý đã học

KHOA DƯỢC

(ký tên)

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(ký tên)

Nguyễn Thị Việt Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Hóa dược 1**

Mã học phần: 000478

Số tín chỉ: 2

- Lý thuyết: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian: Học kỳ 5

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L - Lý thuyết	L	T	P	O	
T - Bài tập					
P - Thực hành	30	0	0	0	30 + 60 = 90
O - Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý, vi sinh, kỹ sinh trung, sinh hóa, sinh lý bệnh.**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt** **Tiếng Anh:**

2. Đơn vị phụ trách: **Bộ môn Hóa Lý - Hóa Dược**

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Nhận diện được cấu trúc hóa học của những thuốc chính, thuốc thông dụng. Về được một số nhóm cấu trúc cơ bản.

MT2. Trình bày được nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, pha chế, bào quan, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có).

MT3. Trình bày được các nhóm thuốc, các thuốc chính trong mỗi nhóm dùng trong điều trị, nhưng chỉ định điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng thuốc.

***Về kỹ năng**

MT4. Có khả năng điều chế và kiểm nghiệm được các nguyên liệu hòa được và một số chế phẩm được dùng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

MT5. Thực hiện được những qua trình thiết kế công thức thuốc hợp lý.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6. Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu.

MT7. Hằng hai, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thân trọng, chính xác trong nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000 478	Hóa Được 1	0	0	0	2	0	1	2	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	2	1	1	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhận diện được cấu trúc hóa học của những thuốc chính, thuốc thông dụng. Vẽ được mọi số nhóm cấu trúc cơ bản.	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Trình bày được nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, pha chế, bào quản, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng	PO4, PO6, PO7

		(nêu cơ)	
MT3	CO3	Liệt kê được các nhóm thuốc, các thuốc chính trong mỗi nhóm dùng trong điều trị, nhưng chỉ định điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng thuốc.	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT4	CO4	Có khả năng điều chế và kiểm nghiệm được các nguyên liệu hóa dược và một số chế phẩm dược dùng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.	PO4, PO6
MT5	CO5	Thực hiện được những quá trình thiết kế công thức thuốc hợp lý	PO4, PO6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PO17
MT7	CO7	Hàng hai, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bào chế thuốc: định tính, thu tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nêu cơ) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc: Thuốc kháng sinh, thuốc kháng ký sinh trùng, thuốc sát khuẩn, thuốc chống đau, Thuốc trị ung thư.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu: ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trong số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO, CO3,CO, CO5,CO6	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học.Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỉ lệ vắng		10
2	Kiểm tra giữa kỳ		<ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá hai kiểm tra 	CO1,CO2, CO3	

		30	(giang viên nêu cụ thể) * Một hai báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc hai tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá hai báo cáo, seminar, hai tập lớn (giang viên nêu cụ thể)		10
3	Thi kết thúc học phần	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi:..... + Tiêu chí đánh giá hai thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1,CO2 ,CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022). *Bài giảng Hóa dược 1*.
- [2] Lê Minh Trí và Huỳnh Thị Ngọc Phương (2015), *Hóa dược 1*, NXB Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [3] Trần Đức Hậu (2007), *Hóa Dược*, Tập 1. NXB Y học.
- [4] Bộ Y Tế (2018), *Dược điển Việt Nam V*. NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	TIẾT	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương 1. HÓA DƯỢC ĐẠI CƯƠNG	3	[1] (Trang 1-17)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 1. Đại Cương Hóa dược	3		
2	Chương 2. THUỐC KHÁNG SINH	15	[1] (Trang 17-123)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 2. Đại cương kháng sinh	1		
	Bài 3. Các Sulfamid kháng khuẩn	1		
	Bài 4. Các thuốc kháng lao và phùng	1		
3,4	Bài 5. Kháng sinh họ Quinolon	2		
	Bài 6. Kháng sinh họ Beta-lactam	2		
	Bài 7. Kháng sinh họ Aminocyclitol	2		
5	Bài 8. Kháng sinh họ Phosphonic	1		
	Bài 9. Kháng sinh họ Phenicol			
	Bài 10. Kháng sinh họ Macrolid	1		
	Bài 11. Kháng sinh họ Lincosamid	1		
6	Bài 12. Kháng sinh họ Cyclin	1		
	Bài 13. Kháng sinh họ Peptid	1		
	Bài 14. Kháng Nam			
	Bài 15. Thuốc trị Virus	1		
7	Chương 3. THUỐC KHÁNG KÝ SINH TRUNG	3	[1] (Trang 135-147)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 16. Thuốc trị sốt rét	2		

	Bài 17. Thuốc trị giun sán	1		
8	Chương 4. THUỐC SÁT KHUẨN	3	[1] (Trang 147-153)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 18. Đại cương về thuốc sát khuẩn	1		
	Bài 19. Thuốc sát khuẩn	2		
9	Chương 5. THUỐC CHỐNG ĐỘC	3	[1] (Trang 153-163)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 20. Thuốc chống độc	3		
10	Chương 6. THUỐC TRỊ UNG THƯ	3	[1] (Trang 163-171)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 21. Thuốc trị ung thư	3		

12. Cơ Sở và thiết bị

- Phòng học cơ hàng lớn, phân. micro, máy chiếu và loa.

TRƯỞNG KHOA

(ky ten)

Nguyễn Thị Ngọc

TRƯỞNG BỘ MÔN

(ky ten)

Nguyễn Thị Ngọc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin về học phần****Tên học phần:** Hóa được 1-Thực hành**Mã học phần:** 000937**Số tín chỉ:** 1

- Thực hành : 1 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian: Học kỳ 5

Loại hình học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết					30 + 30 = 60
T - Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bất buộc**Học phần tiên quyết:** Hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý, vi sinh, kỹ sinh trung, sinh hóa, sinh lý bệnh, Hóa được 1-I-T**Học phần học song hành:** Không**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt Tiếng Anh:**2. Đơn vị phụ trách:** Bộ môn Hóa Lý - Hóa Được**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):*****Về kiến thức****MT1.** Nhận diện được cấu trúc hóa học của những thuộc chính, thuộc thông dụng. Vẽ được một số nhóm cấu trúc cơ bản.**MT2.** Trình bày được nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, tổng hợp.***Về kỹ năng**

MT3. Thực hiện được việc tổng hợp hoặc bán tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn được dùng.

MT4. Có khả năng Kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đa tổng hợp và một số chế phẩm được dùng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5. Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu.

MT6. Hang hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thân trọng, chính xác trong nghề nghiệp

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000 937	Hóa Dược 1-TH	0	0	0	2	0	1	2	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	2	1	1	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhận diện được cấu trúc hóa học của những thuốc chính, thuốc thông dụng. Vẽ được một số nhóm cấu trúc cơ bản.	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Trình bày được nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, tổng hợp.	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			

MT3	CO3	Thực hiện được việc tổng hợp hoặc ban tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn được dùng	PO4
MT4	CO4	Có khả năng Kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm được dùng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.	PO4, PO6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PO17
MT6	CO6	Trang hai, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bao quản thuốc: định tính, thu tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số nguyên liệu Hóa Dược thông dụng theo tiêu chuẩn Dược Điển V.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thực hành	Cung cấp cho sinh viên biết tổng hợp và kiểm nghiệm một số thuốc tiêu biểu	CO1, CO2, CO3, CO4,
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước bài giảng thực hành Hóa dược 1
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lab.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	30	<ul style="list-style-type: none"> - Về sơ đồ quy trình bào chế nguyên liệu thuốc - Tính hiệu suất phản ứng. - Kết quả nguyên liệu kiểm nghiệm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo (giảng viên nêu cụ thể) 	10
2	Kiểm tra Kết thúc HP	70	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành tổng hợp hoặc định tính và định lượng các thuốc đã học - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) 	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Giáo trình thực hành Hóa dược 1*.
- [2] Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Hóa dược 1*.
- [3] Lê Minh Trí và Huỳnh Thị Ngọc Phương (2015), *Hóa dược 1*, NXB Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.

10.2. Tài liệu tham khảo

[4] Bộ Y Tế (2018), *Dược điển Việt Nam IV,V* NXB Y học

11. Nội dung chi tiết học phần

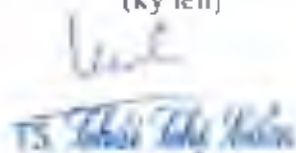
Tuần	Nội dung	Tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Định tính các cyclin - Kiểm định chloramphenicol	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4.CO5.CO6
2	Định tính penicillin - Kiểm định streptomycin	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4.CO5.CO6
3	Tổng hợp sulfacetamid	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4.CO5.CO6
4	Tổng hợp acid benzoic	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4.CO5.CO6
5	Kiểm định acid benzoic	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4.CO5.CO6
6	Kiểm định INH + Kiểm tra kết thúc học phần	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4.CO5.CO6

12. Cơ Sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa
- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết như: Bếp đun cách thủy, Tủ sấy, Cân và các hóa chất cần thiết...

TRƯỞNG KHOA

(ky ten)


TS. Thái Thị Xuân

TRƯỞNG BỘ MÔN

(ky ten)


Trần Quý Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin về học phần****Tên học phần:** Hóa được 2**Mã học phần:** 000479**Số tín chỉ:** 3

- Lý thuyết : 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phan bố thời gian: Học kỳ 6

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L – Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T – Bài tập					
P – Thực hành	45	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc**Học phần tiên quyết:** Hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý, vi sinh, kỹ sinh trung, sinh hóa, sinh lý bệnh, Hóa được 1.**Học phần học song hành:** Không**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt Tiếng Anh: **2. Đơn vị phụ trách**

Giảng viên bộ môn Hóa Lý – Hóa Được

3. Mục tiêu của học phần (kể ngắn MT):***Về kiến thức****MT1.** Nhận diện được cấu trúc hóa học của những thuốc chính, thuốc thông dụng. Vẽ được một số nhóm cấu trúc cơ bản.**MT2.** Trình bày được nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, pha chế, bào chế, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có).

MT3. Trình bày được các nhóm thuốc, các thuốc chính trong mỗi nhóm dùng trong điều trị, những chỉ định điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng thuốc.

*Vẽ ký nang

MT4. Có khả năng điều chế và kiểm nghiệm được các nguyên liệu hóa dược và một số chế phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

MT5. Thực hiện được những quá trình thiết kế công thức thuốc hợp lý.

*Vẽ nang lực tự chủ và trách nhiệm

MT6. Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tính tự học và nghiên cứu.

MT7. Hàng hai, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), là ký hiệu PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT													
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9					
000 479	Hóa Dược 2	0	0	0	2	0	1	2	0	0					
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	1	2	1	1	0	0

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhận diện được cấu trúc hóa học của những thuốc chính, thuốc thông dụng. Vẽ được một số nhóm cấu trúc cơ bản.	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Trình bày được nguyên tắc điều chế, công thức	PO4, PO6, PO7

		cau tao, cac tinh chat ly hoa va ung dung cac tinh chat do trong kiem nghiem, pha che, bao quan, moi lien quan giua cau truc va tac dung (neu co)	
MT3	CO3	Trình bày được các nhóm thuốc, các thuốc chính trong mỗi nhóm dùng trong điều trị, nhưng chỉ định điều trị chính, những điều cần chú ý khi sử dụng thuốc.	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT4	CO4	MT4. Có khả năng điều chế và kiểm nghiệm được các nguyên liệu hóa dược và một số chế phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.	PO4, PO6
MT5	CO5	Thực hiện được những quá trình thiết kế công thức thuốc hợp lý.	PO4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PO17
MT7	CO7	Hang hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại nhà, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bào quan thuốc; định tính, thu tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc: Thuốc tác động lên tim mạch, Thuốc tác động lên máu và hệ tạo máu, Vitamin và khoáng chất, Thuốc tác động lên hệ tiêu hóa, Thuốc tác dụng trên thần kinh trung ương, Thuốc tác động lên thần kinh ngoại biên, Thuốc tác động lên hệ miễn dịch, Thuốc tác động lên hệ hô hấp, Hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn hormon.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học: tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc , vắng không quá 20% số tiết học.Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỉ lệ vắng		10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	<ul style="list-style-type: none"> * Sinh viên làm một hai kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn (giảng viên nêu cụ thể) 	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi:..... + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề. 	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Khoa Dược - Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Hóa dược 2*.

[2] PGS TS Trương Phương và TS. Trần Thanh Đào (2016), *Hóa dược 2*, NXB Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trần Đức Hậu (2007), *Hóa Dược*, Tập 2, NXB Y học.

[4] Bộ Y Tế (2018). *Dược điển Việt Nam V* NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý thuyết

Tuần	Nội dung	Tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1,2	Chương 7. THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ TIM MẠCH	6	[1] (Trang 1-45)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 22. Thuốc chống tăng huyết áp	3		
	Bài 23. Thuốc Chống loạn nhịp	1		
	Bài 24. Thuốc trị đau thắt ngực	2		
3	Chương 8. THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN MÁU VÀ HE TẠO MÁU	3	[1] (Trang 45-72)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 29. Các thuốc trị thiếu máu	1		
	Bài 30. Thuốc tác động lên quá trình đông máu	1		
	Bài 31. Thuốc hạ lipid máu	1		
4	Chương 9. VITAMIN VÀ KHOANG CHẤT	3	[1] (Trang 72-115)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 32. Vitamin	2		

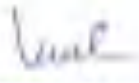
	Bài 33. Khoang chất	1		
5,6	Chương 10. THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ TIÊU HOÁ	6	[1] (Trang 115-147)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 34. Thuốc trị loét da dày tá tràng	2		
	Bài 35. Thuốc trị hội lưu dạ dày thực quản	1		
	Bài 36. Thuốc chống nôn - Gây nôn	1		
	Bài 37. Thuốc lợi mắt - thông mắt	1		
	Bài 38. Thuốc trị tiêu chảy			
	Bài 39. Thuốc trị táo bón	1		
7,8	Chương 11. THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG	6	[1] (Trang 155-236)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 40. Thuốc gây mê	1		
	Bài 41. Thuốc kích thích thần kinh trung ương	1		
	Bài 42. Thuốc chống trầm cảm	1		
	Bài 43. Thuốc chống động kinh	1		
	Bài 44. Thuốc giảm đau gây nghiện	1		
	Bài 45. Thuốc an thần - Gây ngủ	1		
	9	Chương 12. THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN SỰ DẪN TRUYỀN THẦN KINH	3	[1] (Trang 258-302)
Bài 46. Thuốc tác động lên hệ cholinergic		1		
Bài 47. Thuốc tác động lên		1		

	hệ adrenergic			
	Bài 48. Thuốc gây tê	1		
10,11	Chương 13. THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ MIỀN DỊCH	6	[1] (Trang 302-341)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 49. Thuốc kháng viêm không Steroid (NSAID)	3		
	Bài 50. Thuốc trị hen Gout	1		
	Bài 51. Thuốc kháng histamin H1	2		
12,13	Chương 14. THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ HÔ HẤP	6	[1] (Trang 341-376)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 52. Thuốc kích thích hô hấp	2		
	Bài 53. Thuốc thay đổi dịch hai tiết phế quản	1		
	Bài 54. Thuốc Giảm ho	2		
	Bài 55. Thuốc giãn cơ trơn phế quản	1		
14,15	Chương 15. HORMON VÀ THUỐC ĐIỀU CHỈNH RỐI LOẠN HORMON	6	[1] (Trang 376-404)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 56. Hormon tuyến yên và vùng dưới đồi	1		
	Bài 57. Hormon tuyến giáp	1		
	Bài 58. Hormon tuyến tụy và thuốc hạ đường huyết	2		
	Bài 59. Hormon vỏ thượng thận	1		

12. Cơ Sở và thiết bị

- Phòng học cơ bản lớn, phân, micro, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành cơ đầy đủ hóa chất và trang thiết bị như: Bếp đun cách thủy, tủ sấy, Cân, máy chưng cất nước,...

TRƯỜNG KHOA
(ky ten)


TS. Khải Thủy Liên

TRƯỜNG BỘ MÔN
(ky ten)


Trần Quý Hoàng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hóa dược 2-Thực hành

Mã học phần: 000938

Số tín chỉ: 1

- Thực hành : 1 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian: Học kỳ 6

Loại hình học của sinh viên	Giờ trên lớp				Loại hình học trên lớp và tự học
L - Lý thuyết	L	T	P	Q	30+ 60 - 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	
Q - Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiền quyết: *Hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý, vi sinh, kỹ sinh trung, sinh hóa, sinh lý bệnh, Hóa dược 1, Hóa dược 2-LT*

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách

Giảng viên phụ môn Hóa Lý - Hóa Dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1 Nhận diện được cấu trúc hóa học của những thuốc chính, thuốc thông dụng. Vẽ được một số nhóm cấu trúc cơ bản.

MT2 Trình bày được nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, tổng hợp.

*Về kỹ năng

MT3. Thực hiện được việc tổng hợp hoặc ban tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn được dụng.

MT4. Có khả năng Kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm được dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5. Hình thành thái độ học tập tích cực và chu đáo, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu

MT6. Hàng hai, tham gia trong các buổi thực tập tại labo. qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thân trọng, chính xác trong nghề nghiệp

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000 938	Hóa Dược 2-TH	0	0	0	2	0	1	2	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	2	1	1	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức tiên HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhận diện được cấu trúc hóa học của những thuốc chính, thuốc thông dụng. Vẽ được một số nhóm cấu trúc cơ bản.	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Trình bày được nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm, tổng hợp.	PO4, PO6, PO7

Kỹ năng			
MT3	CO3	Thực hiện được việc tổng hợp hoặc hạn tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn được dung	PO4
MT4	CO4	Có khả năng Kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm được dung khác theo tiêu chuẩn Dược điển.	PO4, PO6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PO17
MT6	CO6	Hang hai, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp	PO16, PO17

6. Nội dung trọng tâm của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, hạn quan thuốc; định tính, thử tính khiết, định lượng một số nguyên liệu dung làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số nguyên liệu Hóa Dược thông dụng theo tiêu chuẩn Dược Điển V.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thực hành	Cung cấp cho sinh viên biết tổng hợp và kiểm nghiệm một số thuốc thông dụng tiêu hiệu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước hai giảng thực hành
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học, tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại phòng thực hành.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBĐ của HP	Điểm tối đa
1	Điểm bài học cá nhân thực hành	30%	<ul style="list-style-type: none">- Vẽ sơ đồ quy trình hạn chế nguyên liệu thuốc.- Tính hiệu suất phản ứng.- Kết quả nguyên liệu kiểm nghiệm- Tiêu chí đánh giá bài học cá nhân (giảng viên nêu cụ thể)	CO1,CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Điểm thi thực hành	70%	<p>Tiến hành tổng hợp hoặc định tính và định lượng các thuốc đa học.</p> <ul style="list-style-type: none">- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1,CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Khoa Dược - Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng thực hành Hóa dược 2*.
- [2] Khoa Dược - Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Hóa dược 2*.
- [3] PGS.TS Trương Phương và TS. Trần Thanh Đào (2016), *Hóa dược 2*, NXB Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.

10.2. Tài liệu tham khảo

[4] Bộ Y Tế (2018), *Dược điển Việt Nam* V NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Tổng hợp Aspirin	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	Kiểm định Aspirin	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	Tổng hợp methyl salicylat	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Tổng hợp Salicylamid	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	Kiểm định salicylamid	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Kiểm định vitamin B1 và B6 + Kiểm tra kết thúc học phần	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ Sở và thiết bị

- Phòng thực hành cơ dây đun hóa chất và trang thiết bị như: Bếp đun cách thủy, tủ sấy, cân, máy chưng cất nước, ...

TRƯỞNG KHOA

(ky ten)

TS. *Thị Mỹ Hương*

TRƯỞNG BỘ MÔN

(ky ten)

Trần Duy Khang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kiểm nghiệm dược phẩm 1

Mã học phần: 0102000489

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phan bố thời gian: Học kỳ 8

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L - Lý thuyết					30 + 60 = 90
T - Bài tập					
P - Thực hành	21	3	0	6	
Q - Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bài thực

Học phần tiên quyết: Hóa Phân Tích 1 và Hóa Phân Tích 2

Học phần học trước: không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm Nghiệm

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

***Về kiến thức**

MT1. Có kiến thức chung, tổng quát về quy trình và hệ thống quản lý kiểm tra chất lượng thuốc.

MT2. Trình bày được các chỉ tiêu các dạng bào chế thuốc.

MT3. Kiến thức chung về máy móc thiết bị ứng dụng trong phân tích kiểm nghiệm

***Về kỹ năng**

MT4. Vận dụng các kiến thức đa học để tham định, kiểm nghiệm một chế phẩm theo quy trình phân tích

MT5. Thực hành kiểm nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật trong việc kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc và kiểm nghiệm các dạng bào chế khác nhau

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6 Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực kiểm nghiệm thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CRR của CTĐT					
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
000271	Hóa phân tích 2	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12
		3	2	0	2	1	1
		PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	0	0	3	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CRR của HP	Nội dung CRR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CRR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Có kiến thức chung, tổng quát về quy trình và hệ thống quản lý kiểm tra chất lượng thuốc	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Trình bày được các chỉ tiêu các dạng bào chế thuốc	PO4, PO6, PO7
MT3	CO3	Kiến thức chung về máy móc thiết bị ứng dụng trong phân tích kiểm nghiệm	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT4	CO4	Vận dụng các kiến thức đã học để tham định, kiểm nghiệm một chế phẩm theo quy trình phân tích	PO7, PO16
MT5	CO5	Thực hành kiểm nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật trong việc kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc và kiểm nghiệm các dạng bào chế khác nhau.	PO7, PO16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực kiểm nghiệm thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên về kiểm nghiệm thuốc, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, nội dung của công tác kiểm nghiệm thuốc. Đồng thời học phần cũng sẽ trình bày nguyên tắc chung, cách tiến hành, phạm vi ứng dụng của các phương pháp hóa học, sinh học, một số phương pháp hóa lý thường dùng trong kiểm nghiệm thuốc, trình bày phương pháp đánh giá độ an định và tuổi thọ của thuốc). Thực hành: Kiểm tra chất lượng của một số chế phẩm cụ thể (theo Dược điển Việt Nam và một số Dược điển thông dụng khác).

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, cơ hệ thống, khoa học	C01, C02, C03
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	C01, C02, C03, C04, C05, C06
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tự tin	C01, C02, C03, C04, C05, C06
Hai tập	Cho sinh viên tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học	C01, C02, C03, C04, C05, C06

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học; tham gia đóng góp ý kiến xây hai tại lớp
- Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

T.T	Hình thức	Tỉ lệ g số (%)	Tiêu chí đánh giá	R của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + hai tập về nhà và phát hiện trên lớp	10	Tính chu đáo, mục đích tích cực chuẩn bị hai và tham gia các hoạt động trong giờ học	C01, C02, C03, C04, C05, C06	10
		10	Thời gian tham dự buổi học hết buổi, vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	C01, C02, C03, C04, C05, C06	10

2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện hai kiểm tra trắc nghiệm	C01,C02, C03,C04 C05, C06	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm Tiền chi danh giá bài thi. Theo đáp án, thang điểm quy định	C01,C02, C03,C04, C05, C06	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Hai giảng Kiểm Nghiệm Dược Phẩm 1 – Bài giảng nội bộ. Bộ môn Hóa Phân Tích – Kiểm Nghiệm. Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ năm 2022.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [2]. Trần Từ An (2011), *Kiểm nghiệm dược phẩm*. NXB Y học.
 [3]. Đặng Văn Hòa (2014), *Kiểm nghiệm thuốc*. NXB Giáo dục
 [4]. Bộ Y Tế (2018). *Dược Điển Việt Nam Tập 1-2*, NXB Y Học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Hệ thống quản lý và kiểm tra chất lượng thuốc của Việt Nam	3	[1] (Trang 1)	C01, C06
2	Công tác đảm bảo chất lượng thuốc - QA	3	[1] (Trang 14)	C01, C06
3	Công tác kiểm tra chất lượng thuốc - QC	3	[1] (Trang 20)	C01, C06
4	Công tác hiệu chuẩn	3	[1] (Trang 46)	C01, C06
5	Dược Điển Việt Nam	3	[1] (Trang 54)	C01,C02, C03,C06
6	Giới hạn cho phép về thể tích, nồng độ, hàm lượng, độ đồng đều hàm lượng, độ đồng đều khối lượng	3	[1] (Trang 61)	C02, C03,C04, C05, C06
7	Kiểm nghiệm các dạng thuốc bột, thuốc cơm	3	[1] (Trang 91)	C02, C03, C04, C05, C06
8	Kiểm nghiệm thuốc viên nén.	3	[1] (Trang 100)	C02, C03, C04, C05, C06
9	Kiểm nghiệm thuốc viên nang.	3	[1] (Trang 111)	C02, C03,C04, C05, C06

10	Kiểm nghiệm thuốc uống dạng lỏng	3	[1] (Trang 120)	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
----	----------------------------------	---	-----------------	-------------------------

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Phòng học cơ bản lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.

KHOA DƯỢC

(ky ten)

Luul
TS. *Thái Thị Liên*

BỘ MÔN

(ky ten)

Phuong Thinh
Phuong Thinh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin về học phần****Tên học phần:** Kiểm nghiệm dược phẩm 1 – Thực hành**Mã học phần:** 0102000943**Số tín chỉ:** 1**Tổng số tiết quy chuẩn:** 30 tiết**Phân bố thời gian:** 8

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L – lý thuyết					30 + 60 = 90
T – Bài tập					
P – Thực hành	0	0	30	0	
O – Thạc luận/seminar					

Loại học phần: Bài học**Học phần tiên quyết:** Hóa Phân Tích 1 và Hóa Phân Tích 2**Học phần học trước:** không**Học phần học song hành:** Không**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt Tiếng Anh:**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn Hóa Phân Tích – Kiểm Nghiệm**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):***Về kiến thức**

MT1. Cơ kiến thức chung, tổng quát về quy trình và hệ thống quản lý kiểm tra chất lượng thuốc.

MT2. Trình bày được các chỉ tiêu các dạng bào chế thuốc.

MT3. Kiến thức chung về máy móc thiết bị ứng dụng trong phân tích kiểm nghiệm.

***Về kỹ năng**

MT4. Vận dụng các kiến thức đa học để thẩm định, kiểm nghiệm mẫu chế phẩm theo quy trình phân tích.

MT5. Thực hành kiểm nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật trong việc kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc và kiểm nghiệm các dạng bào chế khác nhau.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người được sĩ đại học trong lĩnh vực kiểm nghiệm thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 - Không đóng góp; 1 - Mức thấp; 2 - Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT					
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
000271	Hóa phân tích 2	0	0	0	1	0	3
		PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12
		3	2	0	2	1	1
		PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	0	0	3	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Có kiến thức chung, tổng quát về quy trình và hệ thống quản lý kiểm tra chất lượng thuốc	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Trình bày được các chỉ tiêu các dạng bào chế thuốc.	PO4, PO6, PO7
MT3	CO3	Kiến thức chung về máy móc thiết bị ứng dụng trong phân tích kiểm nghiệm	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT4	CO4	Vận dụng các kiến thức đa học để thẩm định, kiểm nghiệm một chế phẩm theo quy trình phân tích	PO7, PO16
MT5	CO5	Thực hành kiểm nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật trong việc kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc và kiểm nghiệm các dạng bào chế khác nhau.	PO7, PO16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người được sĩ đại học trong lĩnh vực kiểm nghiệm thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên về kiểm nghiệm thuốc, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, nội dung của công tác kiểm nghiệm thuốc. Đồng thời học phần cũng sẽ trình bày nguyên tắc chung, cách tiến hành, phạm vi ứng dụng của các phương pháp hóa học, sinh học, một số phương pháp hóa lý thường dùng trong kiểm nghiệm thuốc, trình bày phương pháp đánh giá độ ổn định và tuổi thọ của thuốc). Thực hành: Kiểm tra chất lượng của một số chế phẩm cụ thể (theo Dược điển Việt Nam và một số Dược điển thông dụng khác)

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, cơ hệ thống, khoa học.	C01, C02, C03
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	C01, C02, C03, C04, C05, C06
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tư tin.	C01, C02, C03, C04, C05, C06
Hai tập	Cho sinh viên lập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học	C01, C02, C03, C04, C05, C06

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học, tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trọng số 70%)					
1	Hào cáo	40	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Tham dự đầy đủ tất cả các buổi học, thực hành và làm báo cáo theo yêu cầu của giảng viên.	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08	10

2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08	10
Thi kết thúc học phần (trong số 30%)					
3	Thi lý thuyết và thực hành	30	+ Thi theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bài giảng Thực hành Kiểm Nghiệm Dược Phẩm 1 – Bài giảng nội bộ, Bộ môn Hóa Phân Tích – Kiểm Nghiệm, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ năm 2022.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [2] Trần Tư An (2011), *Kiểm nghiệm dược phẩm*, NXB Y học.
 [3] Đặng Văn Hòa (2014), *Kiểm nghiệm thuốc*, NXB Giáo dục.
 [4] Bộ Y Tế (2018), *Dược Điển Việt Nam Tập 1-2*, NXB Y Học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
11	Kiểm nghiệm nguyên liệu $CaCl_2$ (Xác định tạp chất)	5	[2] (Trang 4)	C03, C05, C06
12	Kiểm nghiệm nguyên liệu $CaCl_2$ (Xác định độ trong và màu sắc)	5	[2] (Trang 7)	C03, C05, C06
13	Kiểm nghiệm thuốc viên nén bromhexin	5	[2] (Trang 10)	C03, C05, C06
14	Kiểm nghiệm thuốc viên nang paracetamol	5	[2] (Trang 13)	C03, C05, C06
15	Kiểm nghiệm siro Alimemazin	5	[2] (Trang 17)	C03, C05, C06
16	Kiểm nghiệm thuốc bột sủi bọt Hapacol 150	5	[2] (Trang 20)	C03, C05, C06

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành

	<p>3. Phạm vi tham định – tại tham định</p> <p>4. Các chỉ tiêu diện hình cần được tham định đối với một quy trình phân tích</p>		
3	<p>Kiểm nghiệm thuốc mem dùng trên da và niêm mạc</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Yêu cầu chất lượng chung</p> <p>3. Các loại thuốc mem dùng trên da và niêm mạc</p> <p>4. Ví dụ về thuốc mem dùng trên da và niêm mạc</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
4	<p>Kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Quy định chung</p> <p>3. Thuốc tiêm</p> <p>4. Thuốc tiêm truyền</p> <p>5. Bot pha tiêm để pha thuốc tiêm hay thuốc tiêm truyền</p> <p>6. Dung dịch đệm đặc để pha thuốc tiêm hay thuốc tiêm truyền</p> <p>7. Ví dụ tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc tiêm</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
5	<p>Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi và thuốc xịt mũi dạng lỏng</p> <p>1. Thuốc nhỏ mắt</p> <p>2. Thuốc nhỏ mũi</p> <p>3. Ví dụ tiêu chuẩn kỹ thuật thuốc nhỏ mắt neomycin</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
6	<p>Kiểm nghiệm các dạng thuốc đặt</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Yêu cầu chất lượng</p> <p>4. Phép thử đồ rã của thuốc đặt và thuốc trung</p> <p>5. Ví dụ tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc đặt</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
7	<p>Kiểm nghiệm thuốc dán</p> <p>1. Thuốc dán thấm qua da</p> <p>2. Cao dán</p> <p>3. Một vài ví dụ về thuốc dán</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
8	<p>Kiểm nghiệm thuốc khí dung</p> <p>1. Các dạng thuốc khí dung</p> <p>2. Yêu cầu chất lượng của thuốc thành phẩm</p> <p>3. Một số chỉ tiêu kiểm nghiệm thành phẩm thuốc khí dung</p> <p>4. Bao quan – nhãn thuốc</p>	[1]	C03, C04, C05, C06

9	Kiểm nghiệm thuốc có nguồn gốc dược liệu 1. Đại cương 2. Yêu cầu chất lượng chung 3. Kiểm nghiệm một số loại thuốc có nguồn gốc từ dược liệu 4. Ví dụ về tiêu chuẩn của thuốc có nguồn gốc dược liệu	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6
---	---	-----	--------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro

KHOA DƯỢC

Leah
 TS. Thái Thị Liên

HỌ MÔN

Nguyễn Phương Thảo

KHOA DƯỢC

(ký tên)



TS. Thái Thị Năm

BỘ MÔN

(ký tên)



Giảng Viên Bộ Môn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Kiểm nghiệm dược phẩm 2**

Mã học phần: 0102000490

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phan hữ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	21	3	0	6	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiền quyết: **Kiểm nghiệm dược phẩm 1**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược**

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kỳ hiện MT)

* Về kiến thức

MT1: Trình bày và phân tích được các tiêu chuẩn liên quan đến kiểm nghiệm thuốc.

MT2: Phân tích và vận dụng được các chỉ tiêu cần tham định của một quy trình phân tích.

MT3: Giải thích và so sánh được các chỉ tiêu kiểm nghiệm của một số dạng thuốc.

*** Về kỹ năng**

MT4: Thực hiện được việc tham định quy trình phân tích và kiểm nghiệm được một số dạng thuốc

MT5: Có khả năng tư học, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có trách nhiệm trong công việc và cơ đạo đức nghề nghiệp.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), là ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000490	Kiểm nghiệm được phẩm 2	0	0	0	3	3	0	3	0	3
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	2	2	2	0	0	3	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích được các tiêu chuẩn liên quan đến đảm bảo chất lượng thuốc.	PO4, PO5
MT2	CO2	Vận dụng được kiến thức tham định quy trình phân tích cho phân tích được phẩm	PO4, PO5
MT3	CO3	Phân tích được tiêu chuẩn kiểm nghiệm cho một số dạng thuốc.	PO4, PO5
Kỹ năng			
MT4	CO4	Tham định được quy trình phân tích và kiểm nghiệm được một số dạng thuốc.	PO7, PO9
MT5	CO5	Có thể hợp tác làm việc nhóm và tự nghiên cứu, giải	PO11, PO12,

		quyết vấn đề độc lập.	PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Y thức được vai trò và trách nhiệm của dược sĩ trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng dược phẩm	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống tiêu chuẩn GMP và ISO/IEC 17025 đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hiện tham định quy trình phân tích, xây dựng tiêu chuẩn và kiểm nghiệm các dạng bào chế thuốc. Các dạng bào chế thuốc được đề cập trong học phần gồm thuốc mem dùng trên da và niêm mạc, thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền, thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi, thuốc xịt mũi dạng lỏng, thuốc dãi, thuốc dán, thuốc khí dung và thuốc có nguồn gốc dược liệu.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tư lín	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Hai tập	Cho sinh viên tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Đi lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo

Tam hai tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trong	Tiêu chí đánh giá	CBR của HP	Điểm
----	-----------	-------	-------------------	------------	------

		đđ (%)			Tại đa
Đánh giá qua trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bất buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	C01, C02, C03, C04, C05, C06	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Báo cáo hoặc kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%)	C01, C02, C03, C04, C05, C06	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dạng đề trắc nghiệm	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%)	C01, C02, C03, C04, C05, C06	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Bài giảng Kiểm nghiệm dược phẩm 2 (2022) – Bài giảng nội bộ, Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Trường đại học Nam Cần Thơ

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Tư An (2011). *Kiểm nghiệm dược phẩm*, NXB Y học.

[3] Đặng Văn Hòa (2014). *Kiểm nghiệm thuốc*, NXB Giáo dục

[4]. Bộ Y tế (2018). *Dược điển Việt Nam Tập 1-2*, NXB Y học

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CƠR của HP
1	GLP và ISO/IEC 17025 1. Nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt phòng kiểm nghiệm dược phẩm của tổ chức y tế thế giới 2. Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025	[1]	C01, C06
2	Tham định quy trình phân tích 1. Quy trình phân tích 2. Tham định quy trình phân tích	[1]	C02, C04, C05, C06

	<p>3. Phạm vi tham định – tại tham định</p> <p>4. Các chỉ tiêu diện hình cần được tham định đối với một quy trình phân tích</p>		
3	<p>Kiểm nghiệm thuốc mỡ dung trên da và niêm mạc</p> <p>1. Định cương</p> <p>2. Yêu cầu chất lượng chung</p> <p>3. Các loại thuốc mỡ dung trên da và niêm mạc</p> <p>4. Ví dụ về thuốc mỡ dung trên da và niêm mạc</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
4	<p>Kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Quy định chung</p> <p>3. Thuốc tiêm</p> <p>4. Thuốc tiêm truyền</p> <p>5. Bột pha tiêm để pha thuốc tiêm hay thuốc tiêm truyền</p> <p>6. Dung dịch đậm đặc để pha thuốc tiêm hay thuốc tiêm truyền</p> <p>7. Ví dụ tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc tiêm</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
5	<p>Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi và thuốc xịt mũi dạng lỏng</p> <p>1. Thuốc nhỏ mắt</p> <p>2. Thuốc nhỏ mũi</p> <p>3. Ví dụ tiêu chuẩn kỹ thuật thuốc nhỏ mắt neomycin</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
6	<p>Kiểm nghiệm các dạng thuốc đặt</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Phân loại</p> <p>3. Yêu cầu chất lượng</p> <p>4. Phép thử đo ra của thuốc đặt và thuốc trung</p> <p>5. Ví dụ tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc đặt</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
7	<p>Kiểm nghiệm thuốc dán</p> <p>1. Thuốc dán thấm qua da</p> <p>2. Cao dán</p> <p>3. Một vài ví dụ về thuốc dán</p>	[1]	C03, C04, C05, C06
8	<p>Kiểm nghiệm thuốc khí dung</p> <p>1. Các dạng thuốc khí dung</p> <p>2. Yêu cầu chất lượng của thuốc thành phẩm</p> <p>3. Một số chỉ tiêu kiểm nghiệm thành phẩm thuốc khí dung</p> <p>4. Hào quan – nhân thuốc</p>	[1]	C03, C04, C05, C06

9	Kiểm nghiệm thuốc có nguồn gốc dược liệu 1. Đại cương 2. Yêu cầu chất lượng chung 3. Kiểm nghiệm một số loại thuốc có nguồn gốc từ dược liệu 4. Ví dụ về tiêu chuẩn của thuốc có nguồn gốc dược liệu	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6
---	---	-----	--------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, máy chiếu, micro

KHOA DƯỢC

TS. Thái Thị Lâm

BỘ MÔN

Nguyễn Phương Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kiểm nghiệm dược phẩm 2-Thực hành

Mã học phần: 0107000944

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L – Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T – Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Kiểm nghiệm dược phẩm 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1: Trình bày và phân tích được các tiêu chuẩn liên quan đến kiểm nghiệm thuốc

MT2: Phân tích và vận dụng được các chỉ tiêu can tham định của một quy trình phân tích.

MT3: Giải thích và so sánh được các chỉ tiêu kiểm nghiệm của một số dạng thuốc.

*** Về kỹ năng**

MT4: Thực hiện được việc tham định quy trình phân tích và kiểm nghiệm được một số dạng thuốc.

MT5: Có khả năng tư học, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

*** Về năng lực tư chủ và trách nhiệm**

MT6: Có trách nhiệm trong công việc và có đạo đức nghề nghiệp.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), là ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000944	Kiểm nghiệm được phạm 2- Thực hành	0	0	0	3	3	0	3	0	3
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	2	2	2	0	0	3	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mức tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích được các tiêu chuẩn liên quan đến hàm lượng thuốc.	PO4, PO5
MT2	CO2	Vận dụng được kiến thức tham định quy trình phân tích cho phân tích được phạm.	PO4, PO5
MT3	CO3	Phân tích được tiêu chuẩn kiểm nghiệm cho một số dạng thuốc.	PO4, PO5
Kỹ năng			
MT4	CO4	Tham định được quy trình phân tích và kiểm nghiệm được một số dạng thuốc.	PO7, PO9
MT5	CO5	Có thể hợp tác làm việc nhóm và tự nghiên cứu, giải	PO11, PO12,

		quyết vấn đề độc lập.	PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Y thức được vai trò và trách nhiệm của được sĩ trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng được phẩm.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các tiêu chuẩn liên quan kiểm nghiệm được phẩm, đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hiện quy trình phân tích, xây dựng tiêu chuẩn và kiểm nghiệm các dạng bao bì thuốc. Học phần giúp sinh viên rèn luyện và ứng dụng các kỹ năng đa học trong học phần Kiểm nghiệm được phẩm 2 trong việc kiểm tra các chế phẩm thuốc thực tế trên thị trường.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tự tin	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hành	Cho sinh viên ứng dụng kiến thức và rèn luyện các kỹ năng đã học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo

Làm bài tập thực hành, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề mà giảng viên yêu cầu

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
----	-----------	--------------	-------------------	------------	-------------

Đánh giá qua trình (trọng số 70%)					
1	Ban can	40	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Tham dự đầy đủ tại cả các buổi học, thực hành và làm báo cáo theo yêu cầu của giảng viên	C01, C02, C03, C04, C05, C06	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%)	C01, C02, C03, C04, C05, C06	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 30%)					
3	Thi lý thuyết và thực hành	30	+ Thi theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	C01, C02, C03, C04, C05, C06	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1]. Bài giảng Thực hành Kiểm nghiệm dược phẩm 2 (2022) – Bài giảng nội bộ, Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Trường đại học Nam Cần Thơ

10.2. Tài liệu tham khảo

- [2]. Trần Tư An (2011), *Kiểm nghiệm dược phẩm*. NXB Y học
 [3]. Đặng Văn Hòa (2014), *Kiểm nghiệm thuốc*. NXB Giáo dục.
 [4]. Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam Tập 1-2*. NXB Y học

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Kiểm nghiệm thuốc đơn paracetamol	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06
2	Kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin B12	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06
3	Kiểm nghiệm thuốc hợp pha tiêm Na penicilin G	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06
4	Kiểm nghiệm kem Cortibion	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06
5	Kiểm nghiệm cao ích máu	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06

6	Kiểm nghiệm thuốc nhũ mắt Nendex	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
---	----------------------------------	-----	---------------------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

KHOA DƯỢC


TS. Thái Thị Xuân

BỘ MÔN


Nguyễn Phương Linh

BỘ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp chế dược

Mã học phần: 0102000518

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Ly thuyết	L	T	P	O	$35 + 10 + 90 = 135$
T – Bài tập					
P – Thực hành	35	0	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bài học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược

2 Thông tin về các giảng viên: Giảng viên Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ Về kiến thức:

MT1: Hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản của một số quy chế quản lý dược quan trọng gồm: Luật dược, hướng dẫn quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc phóng xạ, Quy định quản lý chất lượng thuốc, Quy chế nhãn và nhãn hiệu

hàng hoa. Quy định đăng ký thuốc, Quy chế quản lý mỹ phẩm. Thực phẩm chức năng. Quy chế hạn thuốc theo đơn, Quy chế quản lý sử dụng thuốc trong bệnh viện.

MT2: Hiểu được được hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam.

MT3: Hiểu được được nội dung các văn bản quy phạm pháp luật và các hướng dẫn có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành dược và chăm sóc sức khỏe nhân dân

+ Về kỹ năng

MT4: Mơ tả và phân biệt được các hồ sơ, thủ tục, qui trình thao tác chuẩn trong thực hành dược, bao gồm: qui trình cung ứng thuốc, qui trình bao quản thuốc, qui trình quản lý chất lượng thuốc, qui trình thông tin thuốc, qui trình đăng ký thuốc.

MT5: Vận dụng được những quy chế cơ bản liên quan của nhà nước vào lĩnh vực hành nghề dược.

MT6: Soạn thảo được một văn bản qui phạm ca biệt (quyết định, công văn, giấy giới thiệu) liên quan đến công tác tổ chức quản lý dược

MT7: Thực hiện được các qui định về thực hành trong các lĩnh vực quản lý chất lượng thuốc, thông tin thuốc và đăng ký thuốc.

MT8: Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý cho người bệnh, công đồng và các cán bộ y tế chuyên ngành khác.

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT9: Có ý thức chấp hành luật pháp trong khi hành nghề dược

MT10: Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

MT11: Có khả năng học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời

MT12: Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT
-------	--------	---

010200 0518	Phap che duoc	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	
		1	0	0	1	3	0	0	0	1	
		PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	
		0	1	2	3	4	5	6	7		
		0	2	2	1	1	2	2	2		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản của một số quy chế quản lý dược quan trọng gồm: Luật dược, hướng dẫn quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc phóng xạ, Quy định quản lý chất lượng thuốc, Quy chế nhãn và nhãn hiệu hàng hóa, Quy định đăng ký thuốc, Quy chế quản lý mỹ phẩm, Thực phẩm chức năng, Quy chế bán thuốc theo đơn, Quy chế quản lý sử dụng thuốc trong bệnh viện.	PO5
MT2	CO2	Hiểu được được hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam	PO5
MT3	CO3	Hiểu được được nội dung các văn bản quy phạm pháp luật và các hướng dẫn có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành dược và chăm sóc sức khỏe nhân dân	PO1, PO5
Kỹ năng			
MT4	CO4	Mô tả và phân biệt được các hồ sơ, thủ tục, qui trình thao tác chuẩn trong thực hành dược, bao gồm: qui trình cung ứng thuốc, qui trình bán quan thuốc, qui trình quản lý chất lượng	PO9

		thuộc, qui trình thông tin thuốc, qui trình đăng ký thuốc.	
MT5	CO5	Van dung được những quy chế có liên quan của nhà nước vào lĩnh vực hành nghề dược.	PO9
MT6	CO6	Sưu tập được một văn bản qui phạm cá biệt (quyết định, công văn, giấy giới thiệu) liên quan đến công tác tổ chức quản lý dược.	PO9, PO14
MT7	CO7	Thực hiện được các qui định về thực hành trong các lĩnh vực quản lý chất lượng thuốc, thông tin thuốc và đăng ký thuốc.	PO9, PO12
MT8	CO8	Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý cho người bệnh, cộng đồng và các cán bộ y tế chuyên ngành khác.	PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9	CO9	Có ý thức chấp hành luật pháp trong khi hành nghề dược.	PO16
MT10	CO10	Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	PO15
MT11	CO11	Có khả năng học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.	PO17
MT12	CO12	Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Gồm 11 bài. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật, pháp luật trong lĩnh vực dược, phân loại thuốc trong quản lý, quản lý tồn trữ thuốc, quản lý chất lượng thuốc, kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn, ghi nhãn thuốc, thông tin quảng cáo thuốc, thư thuốc trên lâm sàng và điều kiện về hành nghề

được. Từ đó giúp cho các dược sĩ tương lai thực hiện tốt việc tư vấn thuốc, quản lý, cung ứng, phân phối thuốc hiệu quả, đúng pháp luật

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
Làm việc nhóm	Giúp sinh viên tăng cường khả năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp	CO12
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO11

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giảng trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học, tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không qua 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu chính

[1] Hồ môn Bổ môn Quản lý & Kinh tế dược. Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Pháp chế Dược*.

10.2 Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Việt Hưng (2013), *Pháp Chế Dược*, NXB Giáo dục.

[3] Trương Việt Dũng (2011), *Tổ chức và quản lý Y tế*, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Tuất Dược	3	[1] (trang 1)	CO1
2	Bài 2. Quy chế quản lý hướng dẫn hành nghề Dược	6	[1] (trang 22)	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
	Bài 3. Quy định quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, tiền chất	3	[1] (trang 58)	CO1, CO8
3	Bài 4. Quy chế quản lý chất lượng thuốc	6	[1] (trang 82)	CO2, CO7

4	Bài 5. Quy chế ghi nhãn thuốc	3	[1] (trang 93)	CO1, CO4, CO5, CO10
5	Bài 6. Quy chế thông tin - quảng cáo thuốc	3	[1] (trang 125)	CO4, CO6, CO7, CO10
6	Bài 7. Quy chế đăng ký thuốc	6	[1] (trang 146)	CO1, CO4, CO7, CO8
7	Bài 8. Quy định quản lý mỹ phẩm, thực phẩm chức năng	3	[1] (trang 175)	CO1
8	Bài 9. Quy chế kê đơn và hạn thuốc theo đơn	6	[1] (trang 216)	CO1
9	Bài 10. Quy chế quản lý sử dụng thuốc trong bệnh viện	3	[1] (trang 223)	CO1, CO8, CO10
10	Bài 11. Quy chế chăm sóc thuốc cho người bệnh	3	[1] (trang 231)	CO1, CO3, CO4, CO5, CO8

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, phan, micro, máy chiếu và loa

 **TRƯỞNG KHOA**
(ky ten)


TS. Khắc Chí Thuận

 **TRƯỞNG BỘ MÔN**
(ky ten)


Nguyễn Hằng Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Sản xuất thuốc 1

Mã học phần: 000529

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	40	5	0	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Bào chế và sinh dược học 1 và 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1: Trình bày được các hệ thống quản lý chất lượng thuốc khác nhau trong kỹ thuật sản xuất.

MT2: Trình bày được vai trò nói chung của các GxP trong quá trình sản xuất đến tồn trữ, cung ứng thuốc.

MT3: Trình bày được các công nghệ cơ bản cũng như các quá trình bào chế sản xuất một số dạng thuốc thông dụng.

*Về kỹ năng

MT4: Thực hiện được các thao tác trong quy trình sản xuất viên nén, viên nang, viên bao.

MT5: Thực hiện đúng và đầy đủ các thao tác chính xác trong quá trình sản xuất.

MT6: Thực hiện chính xác các thao tác vận hành một số thiết bị trong quá trình sản xuất, kiểm tra bán thành phẩm, kiểm nghiệm thành phẩm.

MT7: Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về dạng thuốc, phương pháp sản xuất các dạng thuốc, và cải tiến các thiết bị công nghệ trong sản xuất thuốc.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0005 29	Sản xuất thuốc 1	0	0	0	0	0	0	3	3	3
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	0	1	0	0	1	2	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được các hệ thống quản lý chất lượng thuốc khác nhau trong kỹ thuật sản xuất.	PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Trình bày được vai trò nói chung của các GxP trong quá trình sản xuất đến tồn trữ, cung ứng thuốc.	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Trình bày được các công nghệ cơ bản cũng như các quá trình bào chế sản xuất một số dạng thuốc thông dụng.	PO4, PO5, PO6

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện được các thao tác trong quy trình sản xuất viên nén, viên nang, viên bao.	PO7, PO8, PO9, PO10
MT5	CO5	Thực hiện đúng và đầy đủ các thao tác chính xác trong quá trình sản xuất.	PO7, PO8, PO9, PO10
MT6	CO6	Thực hiện chính xác các thao tác vận hành một số thiết bị trong quá trình sản xuất, kiểm tra bán thành phẩm, kiểm nghiệm thành phẩm.	PO7, PO8, PO9, PO10
MT7	CO7	Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về dạng thuốc, phương pháp sản xuất các dạng thuốc, và cải tiến các thiết bị công nghệ trong sản xuất thuốc.	PO7, PO8, PO9, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc, cũng như kỹ thuật sản xuất một số dạng thuốc thông dụng như viên nén, viên nang, viên bao.

Chương trình bao gồm những kiến thức về hệ thống đảm bảo chất lượng trong sản xuất thuốc, các quá trình công nghệ cơ bản, cũng như công nghiệp sản xuất các dạng thuốc thông dụng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3

Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8
Bài tập	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong xây dựng công thức thuốc	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	20	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm, báo cáo seminar	CO1, CO2, CO3	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					

3	Bài thi dùng đề trắc nghiệm	50	+ Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10
---	-----------------------------	----	------------------------------------	---------------	----

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Hoàng Minh Châu (2016), Công nghệ bào chế dược phẩm, NXB Giáo dục [615.1 C455/T.1].

[2] Hướng dẫn thực hành tốt sản xuất thuốc - Websie TV.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Từ Minh Koóng (2007), *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm*, NXB Y học,.

[4] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (2016), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, Tập 1, NXB Y học.

[5] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (2016), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, Tập 2, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương 1. Đại cương về công nghệ bào chế dược phẩm	[1] (Trang 5)	CO1, CO2, CO3
	Bài 1. Sơ lược về sự ra đời và phát triển công nghệ bào chế dược phẩm.	[1] (Trang 5)	CO1
	Bài 2. Quá trình nghiên cứu, bào chế, sản xuất thuốc mới ra thị trường	[1] (Trang 10)	CO1, CO2
2	Bài 3. Hệ thống quản lý chất lượng và các GxP trong sản xuất dược phẩm	[1] (Trang 21)	CO1, CO2, CO3
3	Bài 4. Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9000	[1] (Trang 72)	CO1, CO2, CO3
	Bài 5. An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	[1] (Trang 80)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Chương 2. Các quá trình công nghệ cơ bản trong sản xuất dược phẩm	[1] (Trang 106)	CO4, CO5, CO6

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	Bài 6. Xay – Rây vật liệu	[1] (Trang 106)	CO4, CO5, CO6
	Bài 7. Khuấy – Trộn vật liệu	[1] (Trang 117)	CO4, CO5, CO6
5	Bài 8. Sấy vật liệu	[1] (Trang 133)	
	Bài 9. Quá trình nén dập vật liệu	[1] (Trang 158)	
6	Chương 3. Công nghệ bào chế một số dạng thuốc		
	Bài 10. Công nghệ bào chế viên nén	[1] (Trang 180)	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
7	Bài 11. Công nghệ bào chế viên bao	[1] (Trang 219)	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Bài 12. Công nghệ bào chế viên nang cứng	[1] (Trang 251)	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
8	Bài 13. Công nghệ bào chế thuốc tiêm	[1] (Trang 268)	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

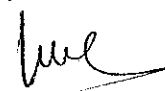
- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết như: máy trộn siêu tốc, máy xát hạt, tủ sấy, máy dập viên, máy bao phim, máy trộn chữ U, máy trộn chữ V.

Đ. KHOA DƯỢC



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực hành Sản xuất thuốc 1

Mã học phần: 0102001528

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	60 + 120 = 180
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	60	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Bào chế và sinh dược học 1 và 2, Sản xuất thuốc 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

***Về kiến thức**

MT1: Phân tích được các hệ thống quản lý chất lượng thuốc khác nhau trong kỹ thuật sản xuất.

MT2: Phân tích được vai trò nói chung của các GxP trong quá trình sản xuất đến tồn trữ, cung ứng thuốc.

MT3: Phân tích được các công nghệ cơ bản cũng như các quá trình bào chế sản xuất một số dạng thuốc thông dụng.

***Về kỹ năng**

MT4: Thực hiện được các thao tác trong quy trình sản xuất viên nén, viên nang, viên bao.

MT5: Thực hiện đúng và đầy đủ các thao tác chính xác trong quá trình sản xuất.

MT6: Thực hiện chính xác các thao tác vận hành một số thiết bị trong quá trình sản xuất, kiểm tra bán thành phẩm, kiểm nghiệm thành phẩm.

MT7: Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về dạng thuốc, phương pháp sản xuất các dạng thuốc, và cải tiến các thiết bị công nghệ trong sản xuất thuốc.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
1020 0152 8	Thực hành Sản xuất thuốc 1	0	0	0	0	0	0	3	3	3
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	0	1	0	0	1	2	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích được các hệ thống quản lý chất lượng thuốc khác nhau trong kỹ thuật sản xuất.	PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Phân tích được vai trò nói chung của các GxP trong quá trình sản xuất đến tồn trữ, cung ứng thuốc.	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Phân tích được các công nghệ cơ bản cũng như các quá trình bào chế sản xuất một số dạng thuốc thông dụng.	PO4, PO5, PO6

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện được các thao tác trong quy trình sản xuất viên nén, viên nang, viên bao.	PO7, PO8, PO9, PO10
MT5	CO5	Thực hiện đúng và đầy đủ các thao tác chính xác trong quá trình sản xuất.	PO7, PO8, PO9, PO10
MT6	CO6	Thực hiện chính xác các thao tác vận hành một số thiết bị trong quá trình sản xuất, kiểm tra bán thành phẩm, kiểm nghiệm thành phẩm.	PO7, PO8, PO9, PO10
MT7	CO7	Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về dạng thuốc, phương pháp sản xuất các dạng thuốc, và cải tiến các thiết bị công nghệ trong sản xuất thuốc.	PO7, PO8, PO9, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc, cũng như kỹ thuật sản xuất một số dạng thuốc thông dụng như viên nén, viên nang, viên bao.

Chương trình thực hành đề cập đến kỹ thuật sản xuất như viết hồ sơ lô, quy trình chế biến gốc, thực hiện sản xuất công nghiệp một lô thuốc viên nén, viên nang...

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3

Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8
Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

T	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	50	- Vẽ lưu đồ sản xuất viên Chlopheniramin 4mg - Viết quy trình thao tác chuẩn (S.O.P) vận hành các máy trong phòng thực tập. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo (giảng viên nêu cụ thể)	10
2	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Kiểm tra thành phẩm viên nén Chlopheniramin 4mg theo các tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu. - Kiểm tra thao tác vận hành các thiết bị theo S.O.P.	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Hướng dẫn thực hành tốt sản xuất thuốc - Websie TV.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Minh Châu (2016), Công nghệ bào chế dược phẩm, NXB Giáo dục [615.1 C455/T.1].

[3] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (2016), Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, Tập 1, NXB Y học.

[4] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (2016), Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, Tập 2, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Hệ thống đảm bảo chất lượng và các GxP trong sản xuất dược phẩm	[1] [2]	CO1, CO2, CO3
2	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp trong sản xuất dược phẩm	[1] [[2]	CO1, CO2, CO3
3	Kỹ thuật xay, rây vật liệu	[1] [2]	CO5, CO6, CO7
4	Kỹ thuật trộn vật liệu	[1] [2]	CO5, CO6, CO7
5	Kỹ thuật sấy vật liệu	[1] [2]	CO5, CO6, CO7
6	Kỹ thuật nén dập vật liệu	[1] [2]	CO5, CO6, CO7
7	Xây dựng hồ sơ gốc	[1] [2]	CO1, CO4
8	Xây dựng hồ sơ lô	[1] [2]	CO1, CO4
9	Xây dựng quy trình thao tác chuẩn S.O.P	[1] [2]	CO1, CO4
10	Sản xuất viên nén Chlopheniramin 4mg	[1] [2]	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
11	Sản xuất viên nén Chlopheniramin 4mg (tt)	[1] [2]	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
12	Sản xuất viên nén Chlopheniramin 4mg (tt)	[1] [2]	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết như: máy trộn siêu tốc, máy xát hạt, tủ sấy, máy dập viên, máy bao phim, máy trộn chữ U, máy trộn chữ V.

p. KHOA DƯỢC



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Sản xuất thuốc 2

Mã học phần: 0102000530

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Rải huộc

Học phần tiên quyết: Sản xuất thuốc 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bảo chế - công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bảo chế - công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kỹ biến MT)

* Về kiến thức

MT1. Trình bày được các đặc điểm và các phương pháp sản xuất thuốc viên bao, viên nang và thuốc膜.

MT2. Trình bày được các đặc điểm và các phương pháp sản xuất thuốc dạng vi nang và pellet.

MT3. Trình bày được các đặc điểm và các phương pháp sản xuất thuốc dạng liposome.

*** Về kỹ năng**

MT4. Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về dạng thuốc, phương pháp sản xuất các dạng thuốc, và cải tiến các thiết bị công nghệ trong sản xuất thuốc.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

MT6. Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của lĩnh vực bảo chế trong dược học và cuộc sống.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), là ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
01	Sản xuất thuốc 2	0	0	0	3	0	3	3	2	0
02		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
00										
05 30		2	0	2	2	2	0	3	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mức tiên HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được các đặc điểm và các phương pháp sản xuất thuốc viên bao, viên nang và thuốc膜.	PO4 PO6
MT2	CO2	Trình bày được các đặc điểm và các phương pháp sản xuất thuốc dạng vi nang và pellet.	PO4 PO6
MT3	CO3	Trình bày được các đặc điểm và các phương pháp sản xuất thuốc dạng liposome.	PO4 PO6
Kỹ năng			

MT4	CO4	Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về dạng thuốc, phương pháp sản xuất các dạng thuốc, và cải tiến các thiết bị công nghệ trong sản xuất thuốc.	PO7, PO8, PO10, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	PO16, PO17
MT6	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của lĩnh vực bảo vệ trong được học và cuộc sống.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đặc điểm và kỹ thuật sản xuất các dạng thuốc viên nang, viên nang, thuốc膜, viên nang, pellet và liposome. Bên cạnh đó người học sẽ tích lũy được các kỹ năng về quá trình nghiên cứu một công thức sẽ thực hiện các giai đoạn như thế nào, tự do ý thức được vai trò và trách nhiệm của một người được sự trong lĩnh vực nghiên cứu cũng như phục vụ tại công đồng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học: tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng hai tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học đầy đủ, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng. GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	- Sinh viên làm mọi bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Bộ môn Bảo chế - Công nghiệp dược, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ (2018). *Bài giảng Sản xuất thuốc 2 – Bài giảng nội hóa*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tư Minh Kiên (2009), *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm*, Tập 3, NXB Y học.

[3] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Hùng (2016). *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*. Tập 1, NXB Y học.

[4] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Hùng (2016). *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*. Tập 2, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
------	----------	---------	----------	------------

1-2	Sản xuất viên bào	6	[1]	C01, C04, C05, C06
3-4	Sản xuất viên nang	6	[1]	C01, C04, C05, C06
5-6	Sản xuất thuốc tiêm	6	[1]	C01, C04, C05, C06
7	Kỹ thuật bào chế vi nang	3	[1]	C01, C04, C05, C06
8-9	Kỹ thuật bào chế pellet	6	[1]	C02, C04, C05, C06
10	Kỹ thuật bào chế liposome	3	[1]	C03, C04, C05, C06

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, phân, micro, máy chiếu và loa

KHOA DƯỢC

Handwritten signature
TS. *Handwritten name*

BỘ MÔN

Handwritten signature
Handwritten name

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu dược liệu

Mã học phần: 0102000522

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30+60=90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Thực vật dược, Dược liệu 1, Dược liệu 2.

Học phần học trước: Thực vật dược, Dược liệu 1, Dược liệu 2.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Liên Bộ môn Thực vật dược-Dược liệu-Dược học cổ truyền

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Liên Bộ môn Thực vật dược-Dược liệu-Dược học cổ truyền

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1. Biết và vận dụng được các kỹ thuật cơ bản trong kiểm nghiệm dược liệu, phân tích hóa thực vật.

MT2. Trình bày được các nội dung căn cơ và yêu cầu của một tiêu chuẩn chất lượng về dược liệu.

MT3. Thực hiện các phương pháp chiết xuất dược liệu, tinh chế và phân lập các nhóm hợp chất thường gặp.

** Về kỹ năng*

MT4. Thực hiện kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học (cắt nhuộm vi phẫu thực vật, soi bột dược liệu).

MT5. Định tính, định lượng một số nhóm chất chính trong dược liệu (alkaloid, tinh dầu, chất béo, flavonoid, tannin, saponin...)

MT6. Chiết xuất được một số hoạt chất từ dược liệu ở quy mô phòng thí nghiệm.

MT7. Chọn lựa phương pháp sắc ký thích hợp để phân tích hoặc phân lập các hợp chất từ dược liệu.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT8. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, nghiên cứu dược liệu.

MT9. Xây dựng được tiêu chuẩn chất lượng cho một dược liệu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0005 22	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	0	0	0	1	1	1	1	0	0
		PO1	PO11	PO1	PO1	PO14	PO1	PO1	PO1	
		0		2	3		5	6	7	
		0	0	1	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
		Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	

Kiến thức			
MT1	CO1	Biết và vận dụng được các kỹ thuật cơ bản trong kiểm nghiệm dược liệu, phân tích hóa thực vật.	PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Trình bày được các nội dung căn cơ và yêu cầu của một tiêu chuẩn chất lượng về dược liệu.	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Thực hiện các phương pháp chiết xuất dược liệu, tinh chế và phân lập các nhóm hợp chất thường gặp.	PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học (cắt nhuộm vi phẫu thực vật, soi bột dược liệu).	PO7, PO12, PO13
MT5	CO5	Định tính, định lượng một số nhóm chất chính trong dược liệu (alkaloid, tinh dầu, chất béo, flavonoid, tannin, saponin...)	PO7, PO12, PO13
MT6	CO6	Chiết xuất được một số hoạt chất từ dược liệu ở quy mô phòng thí nghiệm.	PO7, PO12, PO13
MT7	CO7	Chọn lựa phương pháp sắc ký thích hợp để phân tích hoặc phân lập các hợp chất từ dược liệu.	PO7, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm nghiên cứu dược liệu.	PO17
MT9	CO9	Xây dựng được tiêu chuẩn chất lượng cho một dược liệu.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cũng như những kỹ năng về nghiên cứu khoa học, các bước cần thực hiện của một nghiên cứu khoa học thực nghiệm. Đồng thời sinh viên cũng sẽ được tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu thường được dùng trong lĩnh vực dược liệu.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng. Tham gia đóng góp ý kiến.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO2, CO3, CO4,CO5, CO6	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

			* Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn (giảng viên nêu cụ thể)		
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi kết thúc học phần	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: nộp quyền báo cáo. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Đại học Y dược TPHCM, *Phương pháp nghiên cứu dược liệu*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Võ Văn Chi (2021), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Trương Thị Đẹp (2016), *Thực vật dược*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[4]. Bộ Y Tế (2018), *Dược điển Việt Nam tập 1*, Nhà xuất bản Y học.

[5]. Bộ Y Tế (2018), *Dược điển Việt Nam tập 2*, Nhà xuất bản Y học.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương 1. Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học	[1]	CO1, CO2, CO3
	1. Kính hiển vi và dụng cụ sử dụng trong kiểm nghiệm dược liệu.	[1]	CO1, CO2, CO3
	2. Những kỹ thuật cơ bản trong kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học.	[1]	CO1, CO2, CO3
	3. Kiểm nghiệm dược liệu bằng phân tích vi hóa	[1]	CO1, CO2, CO3

2	Chương 2. Phân tích thành phần hóa thực vật.	[1]	C01, C02, C03
	1. Đại cương	[1]	C01, C02, C03
	2. Phân tích sơ bộ thành phần hóa thực vật	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06
3	Chương 3: Ứng dụng kỹ thuật sắc ký trong nghiên cứu hóa thực vật.	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06
	1. Đại cương, phân loại	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06
	2. Sắc ký lớp mỏng	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06
	3. Sắc ký cột	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06
4	Chương IV: Xây dựng tiêu chuẩn và phương pháp thử cho dược liệu	[1]	
	1. Sự cần thiết phải xây dựng tiêu chuẩn và phương pháp thử cho dược liệu.	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08
	2. Nội dung và yêu cầu của một tiêu chuẩn dược liệu.	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08
5	3. Cách thức xây dựng một tiêu chuẩn dược liệu.	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08
6	Chương V: Phương pháp chiết xuất dược liệu	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06,
	1. Các quá trình xảy ra trong chiết xuất.	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06,
	2. Kỹ thuật tiến hành	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06,

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.

P. KHOA DƯỢC

Luu

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

Luu

Chai Chi Cam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu dược liệu – Thực hành

Mã học phần: 0102000946

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết	0	0	0	0	60 · 60 = 120
T - Bài tập	0	0	0	0	
P - Thực hành	0	0	60	0	
O - Thảo luận/seminar	0	0	0	0	

Loại học phần: Bất huộc

Học phần tiền quyết: Thực vật dược, Dược liệu 1, Dược liệu 2.

Học phần học trước: Thực vật dược, Dược liệu 1, Dược liệu 2.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược - khoa Dược phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1. Biết và vận dụng được các kỹ thuật cơ bản trong kiểm nghiệm dược liệu, phân tích hóa thực vật

MT2. Trình bày được các nội dung cần có và yêu cầu của một tiêu chuẩn chất lượng về dược liệu.

MT3. Thực hiện các phương pháp chiết xuất dược liệu, tinh chế và phân lập các nhóm hợp chất thường gặp

• *Về kỹ năng*

MT4. Thực hiện kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học (cắt nhuộm vi phẫu thực vật, soi bột dược liệu)

MT5. Định tính, định lượng một số nhóm chất chính trong dược liệu (alkaloid, tinh dầu, chất béo, flavonoid, tannin, saponin...)

MT6. Chiết xuất được một số hoạt chất từ dược liệu ở quy mô phòng thí nghiệm.

MT7. Chọn lựa phương pháp sắc ký thích hợp để phân tích hoặc phân lập các hợp chất từ dược liệu.

• *Về năng lực tư duy và trách nhiệm*

MT8. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, nghiên cứu dược liệu

MT9. Xây dựng được tiêu chuẩn chất lượng cho một dược liệu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0009 46	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	0	0	0	1	1	1	1	0	0
	Thực hành	0	0	1	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mức	CDR	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
-----	-----	---------------------------	--------------

tiêu HP	của HP	Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết và vận dụng được các kỹ thuật cơ bản trong kiểm nghiệm dược liệu, phân tích hóa thực vật.	PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Trình bày được các nội dung căn cơ và yêu cầu của một tiến trình chất lượng về dược liệu.	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Thực hiện các phương pháp chiết xuất dược liệu, tinh chế và phân lập các nhóm hợp chất thường gặp.	PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học (cắt nhuộm vi phẫu thực vật, soi bột dược liệu).	PO7, PO12, PO13
MT5	CO5	Định tính, định lượng một số nhóm chất chính trong dược liệu (alkaloid, tinh dầu, chất béo, flavonoid, tannin, saponin ...)	PO7, PO12, PO13
MT6	CO6	Chiết xuất được một số hoạt chất từ dược liệu ở quy mô phòng thí nghiệm.	PO7, PO12, PO13
MT7	CO7	Chọn lựa phương pháp sắc ký thích hợp để phân tích hoặc phân lập các hợp chất từ dược liệu.	PO7, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm nghiên cứu dược liệu.	PO17
MT9	CO9	Xây dựng được tiêu chuẩn chất lượng cho một dược liệu.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cũng như những kỹ năng về nghiên cứu khoa học, các bước cơ bản thực hiện của một nghiên cứu khoa học thực nghiệm.

Đồng thời sinh viên cũng sẽ được tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu thường được dùng trong lĩnh vực dược liệu.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thực hành	Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng, phương pháp khi nghiên cứu một dược liệu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu	CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng. Tham gia đóng góp ý kiến.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Điểm thực hành	100	- Nộp file hình của các buổi thực hành	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Đại học Y dược TPHCM, *Phương pháp nghiên cứu dược liệu*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Đỗ Tất Lợi (2014), *Những cây thuốc và thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

[3]. Trương Thị Đẹp (2016), *Thực vật dược*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[4]. Bộ Y Tế (2018), *Dược điển Việt Nam tập 1*, Nhà xuất bản Y học.

[5]. Bộ Y Tế (2018), *Dược điển Việt Nam tập 2*, Nhà xuất bản Y học.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CBR của HP
1,2,3,4	Kiểm nghiệm dược liệu hằng phương pháp vi học	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
5,6,7,8	Phân tích sơ bộ thành phần hóa thực vật của dược liệu	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
9,10,11,12	Sắc ký lớp mỏng và sắc ký cột	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

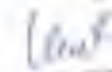
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học thực hành phân cơ hạng lớn, phân, máy chiếu.
- Phòng thực hành cơ đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ và hóa chất cần thiết như: Bình chiết, bình chạy sắc ký, lame, lamel, verticod, chloroform, ...

TRƯỞNG KHOA


TS. Thái Thị Liên

TRƯỞNG BỘ MÔN


TS. Thái Thị Liên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng

Mã học phần: 0201001688

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Bảo chế và sinh dược học 1 và 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bảo chế - Công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bảo chế - công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình được đặc điểm cơ bản về thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; cấu trúc sinh lý của da, tóc; cách thức quản lý và xu hướng phát triển của mỹ phẩm và thực phẩm chức năng ở Việt Nam và trên thế giới.

MT2. Tổng hợp và đánh giá các kiến thức chuyên môn về quản lý, sản xuất, kiểm nghiệm và sử dụng đúng cách các sản phẩm mỹ phẩm và thực phẩm chức năng theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

***Về kỹ năng**

MT3. Có khả năng phân tích, tư vấn và sử dụng mỹ phẩm – thực phẩm chức năng trong điều trị một số bệnh; thực hành sản xuất một số sản phẩm mỹ phẩm – thực phẩm chức năng

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT4. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
020 100 168 8	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	0	0	0	3	0	3	3	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	
					3	4	5	6	7	
		2	0	2	2	2	0	3	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân biệt được các khái niệm về thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	PO4, PO6
MT2	CO2	Mô tả được các phân nhóm trong thực phẩm chức năng, cách thức quản lý mỹ phẩm – thực phẩm chức năng trong sản xuất và sử dụng	PO4, PO6

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
MT3	CO3	Trình bày được các quy định nhà nước về quản lý mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Áp dụng đúng các quy định quản lý mỹ phẩm và thực phẩm chức năng trong sản xuất và kinh doanh	PO7, PO8, PO10, PO12, PO14
MT5	CO5	Sử dụng đúng cách một số mỹ phẩm và thực phẩm chức năng trong điều trị một số bệnh.	PO7, PO8, PO10, PO12, PO14
MT6	CO6	Đánh giá sơ bộ về các chế phẩm mỹ phẩm và thực phẩm chức năng trên thị trường	PO7, PO8, PO10, PO12, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về Mỹ phẩm – thực phẩm chức năng, xu hướng phát triển, cấu trúc sinh lý da – tóc, một số bệnh thường gặp và cách điều trị, các quy định quản lý của nhà nước về mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Học phần này còn cung cấp những kỹ năng cần thiết để thiết kế công thức và làm một số sản phẩm mỹ phẩm làm đẹp cho da, tóc và sử dụng các sản phẩm làm đẹp để áp dụng trong thực hành nghề nghiệp dược.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3

Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

T	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Cục quản lý dược (2020), *Dược và mỹ phẩm*, NXB Y học.
- [2] Trần Đáng (2017), *Thực phẩm chức năng*, NXB Y học
- [3] "Hướng dẫn của asean về thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm" trên Cổng thông tin điện tử Sở Y tế TP. HCM (<https://medinet.gov.vn>)

[4] Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ (<https://chinhphu.vn>)

10.2. Tài liệu tham khảo

[5] Hoàng Ngọc Hùng (2010), Một số vấn đề cơ bản và hiện đại về công nghệ bào chế các dạng thuốc, NXB Y học [615.4 H513].

[6] Lê Thị Hương Hoa (2019), *Kiểm nghiệm mỹ phẩm*, NXB Y học

[7] Phạm Minh Hữu Tiến (2019), *Mỹ phẩm toàn thư*, NXB Tổng hợp TP HCM.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Đại cương về mỹ phẩm	3	[1]	CO1, CO2
2-3	Mỹ phẩm dùng cho da, tóc, răng miệng	6	[1]	CO1, CO2
4	Kiểm tra, đánh giá mỹ phẩm	3	[1],[3]	CO1, CO2, CO3,CO5,CO6
5	Quy định của nhà nước về quản lý mỹ phẩm	6	[3],[4]	CO3, CO4, CO7
6	Đại cương về thực phẩm chức năng	3	[2]	CO1, CO2
7-8	Thực phẩm chức năng với các bệnh mãn tính	6	[2]	CO1, CO2, CO3,CO5,CO6
9	Nghiên cứu, sản xuất thực phẩm chức năng	3	[2]	CO1, CO2, CO3,CO5,CO6
10	Quy định nhà nước về quản lý thực phẩm chức năng	3	[2]	CO3, CO4, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

P. KHOA DƯỢC

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dinh dưỡng điều trị

Mã học phần: 0102001697

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L = Lý thuyết					30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	30	0	0	
Q = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Dược lý, Dược lâm sàng

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (ki hiệu MT):

***Về kiến thức**

MT1. Xác định được vai trò của dinh dưỡng trong điều trị

MT2. Nêu được nguyên tắc của dinh dưỡng điều trị

MT3. Xác định được nhu cầu dinh dưỡng cho bệnh nhân

MT4. Mô hình dinh dưỡng điều trị cho bệnh tăng huyết áp, suy tim, rối loạn lipid máu và ung thư.

***Về kỹ năng**

MT5. Thực hiện được cách chế biến các chế độ ăn điều trị

MT6. Thực hiện được nhu cầu thực tế và nhu cầu lý thuyết của các chế độ ăn đặc trưng cho các bệnh khác nhau và đưa ra cách chế biến thực phẩm đặc biệt.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người được si đại học trong lĩnh vực tư vấn và dinh dưỡng trong điều trị

MT8. Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 - Không đóng góp; 1 - Mức thấp; 2 - Mức trung bình; 3 - Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
01020 01697	Dinh dưỡng điều trị	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		1	1	1	1	2	2	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	0	0	0	1	2	0
		PO15	PO16	PO17				
1	2	2						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức tiên HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Xác định được vai trò của dinh dưỡng trong điều trị	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Nêu được nguyên tắc của dinh dưỡng điều trị	PO2, PO4, PO6
MT3	CO3	Xác định được nhu cầu dinh dưỡng cho bệnh nhân	PO2, PO4, PO6
MT4	CO4	Mô hình dinh dưỡng điều trị cho bệnh tăng huyết áp, suy tim, rối loạn lipid máu, ung thư	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT5	CO5	Thực hiện được cách chế biến các chế độ ăn điều trị	PO12, PO13
MT6	CO6	Thực hiện được nhu cầu thực tế và nhu cầu lý thuyết của các chế độ ăn đặc trưng cho các bệnh khác nhau và đưa ra cách chế biến thực phẩm đặc biệt.	PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

MT7	CO7	Nhân thức được vai trò nhiệm vụ của người được sĩ đại học trong lĩnh vực tư vấn dinh dưỡng trong điều trị	PO15, PO16, PO17
MT8	CO8	Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần dinh dưỡng điều trị bao gồm những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trong điều trị bệnh, trạng thái dinh dưỡng cơ bản và cho một số đối tượng bệnh. Cung cấp kiến thức và thực hành để có thể điều trị hàng chế độ ăn bệnh lý cho một số bệnh thường gặp

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO6, CO7
Nghiên cứu tài liệu, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7
Thực hành	Giúp người học rèn luyện kỹ năng trong thực tế	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp, đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học: tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

9.1. Lý thuyết

T T	Hình thức	Tỉ lệ số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + hai tập về nhà và phát hiện trên lớp	10	• Lĩnh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	C01,C02, C03,C04, C05,C06, C07, C08	10
		10	• Thời gian tham dự buổi học học. Vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng. GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	C01,C02, C03,C04, C05,C06, C07, C08	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện hai kiểm tra trắc nghiệm.	C01, C02, C03	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá hai thi: Theo đáp án, thang điểm quy định	C01,C02, C03,C04, C05,C06, C07, C08	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Bộ môn Dược lý – dược lâm sàng Đại học Nam Cần Thơ (2020). *Bài giảng Dinh dưỡng điều trị*.
- [2] Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng (2019), *Dinh dưỡng lâm sàng*. NXB Y học, Hà Nội.
- [3] Bộ y tế (2019). *Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Bộ môn Dinh dưỡng - An toàn Thực phẩm, trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2019). *Dinh dưỡng học*. NXB Y học. TP.HCM
- [5] Bộ Y tế (2015). *Hướng dẫn điều trị dinh dưỡng lâm sàng*. NXB Y học. Hà Nội.
- [6] Nguyễn Ý Đức (2005). *Dinh dưỡng điều trị*. NXB Y Học.
- [7] Nguyễn Ý Đức (2005). *Dinh dưỡng và sức khỏe*. NXB Y Học
- [8] Nguyễn Ý Đức (2005). *Dinh dưỡng và thực phẩm*. NXB Y Học.
- [9] Bộ y tế (1998). *Dinh dưỡng nội khoa*. NXB Y Học.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [10] Lubos Sobotka (Người dịch: Lưu Ngân Tam, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Đoàn Uyên Vi) (2014), *Những vấn đề cơ bản trong dinh dưỡng lâm sàng*. NXB Y học. TP.HCM.

[11] Bộ môn Dinh dưỡng – An toàn Thực phẩm, trường Đại học Y Hà Nội (2012), *Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm*. NXB Y học, Hà Nội.

[12] Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng (2016), *Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam*. NXB Y học, Hà Nội.

[13] Hội hội sức cạp cứu chống độc Việt Nam (2019). *Hướng dẫn dinh dưỡng trong điều trị henh nang*.

11. Nội dung chi tiết học phân

11.1. Lý Thuyết

Tuan	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật	4	[1]	CO1
2	Bài 2. Các nguyên tắc trong dinh dưỡng điều trị	4	[1]	CO2
3	Bài 3. Dinh dưỡng hỗ trợ và các đường nuôi dưỡng	3	[1]	CO2, CO5, CO6
4	Bài 4. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh	3	[1]	CO1, CO2, CO3
5	Bài 5. Quy trình chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh	3	[1]	CO2, CO3
6	Bài 6. Dinh dưỡng điều trị tăng huyết áp, suy tim	4	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
7	Bài 7. Dinh dưỡng dự phòng và điều trị rối loạn lipid máu	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

8	Bài 8. Dinh dưỡng điều trị bệnh ung thư	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
---	---	---	-----	------------------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, phần. micro, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

KHOA DƯỢC

(ky ten)

Nguyễn Thị Lâm
 TS. Nguyễn Thị Lâm

BỘ MÔN

(ky ten)

Nguyễn Hiền Việt Anh

Nguyễn Hiền Việt Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Bao bì dược phẩm

Mã học phần: 0201001692

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết T = Bài tập P - Thực hành O - Thảo luận/seminar	30	0	00	0	30+60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Nhóm GPs, Bao chế và sinh dược học, Sản xuất thuốc

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bao chế - Công nghiệp dược

2. Thông viên về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Bao chế - Công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

*Về kiến thức

MT1. Liệt kê các loại bao bì dược sử dụng trong lĩnh vực dược phẩm.

MT2. So sánh đặc điểm các loại vật liệu dược sử dụng trong sản xuất bao bì.

*Về kỹ năng

MT3. Xây dựng được một hệ thống quản lý chất lượng dược phẩm toàn diện.

MT4. Phân tích các yêu cầu cần thiết cho bao bì của một số loại dạng bào chế thông dụng.

MT5. Thiết kế được bao bì cho một số loại dạng bào chế thông dụng.

MT6. Xác định các tiêu chuẩn chất lượng cần kiểm tra cho bao bì dược phẩm.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người được sĩ đại học trong lĩnh vực quản lý chất lượng được phạm toàn diện.

MT8. Có đạo đức nghề nghiệp, đam mê tinh trung thực, khách quan.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 - Không đóng góp; 1 - Mức thấp, 2 = Mức trung bình, 3 - Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
020 100 169 2	Bảo hi được phạm	PO1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Tiết kê các loại bảo hi được sử dụng trong lĩnh vực được phạm	PO2, PO4
MT2	CO2	Số sánh đặc điểm các loại vật liệu được sử dụng trong sản xuất bảo hi.	PO2, PO4
Kỹ năng			
MT3	CO3	Xây dựng được một hệ thống quản lý chất lượng được phạm toàn diện.	PO12, PO13, PO14
MT4	CO4	Phân tích các yêu cầu cần thiết cho bảo hi của một số loại dạng bảo che thông dụng	PO12, PO13, PO14
MT5	CO5	Thiết kế được bảo hi cho một số loại dạng bảo che thông dụng.	PO12, PO13, PO14
MT6	CO6	Xác định các tiêu chuẩn chất lượng cần kiểm tra cho bảo hi được phạm	PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

MT7	CO7	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người được sử dụng đại học trong lĩnh vực quản lý chất lượng được phạm toàn diện.	PO16
MT8	CO8	Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bao bì được phạm bao gồm những kiến thức cơ bản về quan niệm chất lượng toàn diện về chất lượng được phạm, giải pháp bao bì sạch theo hướng dẫn GMP-WHO và nguyên tắc GMP-bao bì được phạm, các nguyên tắc về bao bì được phạm thông dụng (màng nhôm ghép/trang hay màng chất dẻo; chai lọ chất dẻo thay thủy tinh, nút cao su...), đảm bảo và kiểm tra chất lượng bao bì được phạm, vai trò của bao bì cấp 1 trong phát triển được phạm

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học	CO1, CO2, CO6, CO7
Nghiên cứu tình huống	Thông qua các tình huống ngộ độc, sinh viên có thể đề ra các giải pháp, nhận định liên quan đến tình huống đó	CO1, CO2, CO6
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7
Thực hành	Giúp người học rèn luyện kỹ năng trong thực tế	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học; tham gia đóng góp ý kiến, xây hai tại lớp
- Giải quyết tình huống
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo

- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + hai tập về nhà và phát biểu trên lớp	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị hai và tham gia các hoạt động trong giờ học	C01,C02, C03,C04, C05,C06, C07, C08	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bất hoặc, Vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	C01,C02, C03,C04, C05,C06, C07, C08	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện hai kiểm tra trắc nghiệm	C01, C02, C03	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá hai thi: Theo đáp án, thang điểm quy định	C01, C02, C03, C08	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] GS TS Đặng Văn Giáp (2013), *Bao bì dược phẩm*, NXB Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Edward J. Bauer (2009), *Pharmaceutical Packaging Handbook*, Informa Healthcare USA, Inc.

[3]. Bộ Y tế. *Quyết định về nguyên tắc, tiêu chuẩn Thực hành tốt Sản xuất thuốc theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới*, số 3886/2004/QĐ, ngày 03/11/2004.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
------	----------	---------	----------	------------

1	Bài 1. Quan niệm và giai pháp về chất lượng dược phẩm	3	[1]	CO1, CO2
	Bài 2. Báo hi được phẩm then hướng dẫn GMP-WHO	6	[1]	CO1, CO2
2	Bài 3. Báo hi được phẩm đang cuốn mang mong	3	[1]	CO2
	Bài 4. Báo hi được phẩm đang chai lọ hàng chất dẻo	3		CO2, CO5, CO6
3	Bài 5. Báo hi được phẩm hàng thủy tinh và phụ tùng hao hi	3	[1]	CO2, CO5, CO6
	Bài 6. Đảm bảo và kiểm tra chất lượng hao hi được phẩm	6	[1]	CO2, CO5, CO6
4	Bài 7. Phương pháp tiết trung hao hi được phẩm	3	{1}	CO1
	Bài 8. Vai trò hao hi trong phát triển dược phẩm	3	{1}	CO1, CO3, CO7


12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học cơ bản lớn, phân, micro, máy chiếu và loa.

TRƯỞNG KHOA


TS. Thái Thị Liên

HỌ MÔN


Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Quản lý cung ứng thuốc

Mã học phần: 0201001696

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	1	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	30	0	0	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: tự chọn

Học phần tiên quyết: Pháp chế Dược

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược, Khoa Dược, ĐH Nam Cần Thơ.

3. Mục tiêu của học phần (ki hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1. Hiểu, phân tích và trình bày được các khái niệm, phương pháp trong quản lý cung ứng thuốc.

MT2. Hiểu, phân tích và trình bày được các yêu cầu, nguyên tắc, tiêu chuẩn trong thực hiện các hoạt động nằm trong chuỗi cung ứng thuốc.

MT3. Hiểu, phân tích và trình bày được vai trò, trách nhiệm của người được sự đồng ý, đảm bảo chất lượng thuốc và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả của công đồng.

*** Về kỹ năng**

MT4. Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp liên quan trong quản lý cung ứng thuốc vào thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiệp vụ dược.

MT5. Có khả năng phân tích, xác định các vấn đề, nguyên nhân và giải pháp trong nâng cao chất lượng thuốc cung ứng và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả của công đồng.

MT6. Có khả năng tự xây dựng và hoàn thiện các báo cáo, hồ sơ, thủ tục pháp lý liên quan cung ứng thuốc và quản lý hoạt động cung ứng.

MT7. Giám sát, triển khai và thực hiện các quy định có liên quan quản lý cung ứng thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc, sử dụng thuốc trong công đồng.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Nhận thức được vai trò, trách nhiệm chuyên môn, luôn tuân thủ hành nghề dược theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước.

MT9. Tự tin, chủ động, cầu tiến trong công việc và học tập nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng.

MT10. Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
02010 01696	Quản lý cung ứng thuốc	0	0	0	2	1	1	0	1	2
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần	CBR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu, phân tích và trình bày được các khái niệm, phương pháp trong quản lý cung ứng thuốc.	PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Hiểu, phân tích và trình bày được các yêu cầu, nguyên tắc, tiêu chuẩn trong thực hiện các hoạt động nằm trong chuỗi cung ứng thuốc.	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Hiểu, phân tích và trình bày được vai trò, trách nhiệm của người dược sĩ trong duy trì, đảm bảo chất lượng thuốc và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả của cộng đồng.	PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp liên quan trong quản lý cung ứng thuốc vào thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiệp vụ dược.	PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT5	CO5	Có khả năng phân tích, xác định các vấn đề, nguyên nhân và giải pháp trong nâng cao chất lượng thuốc cung ứng và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả của cộng đồng.	PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT6	CO6	Có khả năng tư vấn xây dựng và hoàn thiện các hạn cáo, hồ sơ, thủ tục pháp lý liên quan cung ứng thuốc và quản lý hoạt động cung ứng.	PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT7	CO7	Giám sát, triển khai và thực hiện các quy định có liên quan quản lý cung ứng thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc, sử dụng thuốc trong cộng đồng.	PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Nhận thức vai trò, trách nhiệm chuyên môn, ưu tiên thực hành nghề dược theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước.	PO15, PO16, PO17

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần	CBR của CTĐT
MT9	CO9	Tư tin, chu đáo, cầu tiến trong công việc và học tập năng cao trình độ, kiến thức và ky năng	PO12, PO16, PO17
MT10	CI0	Có ky năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm	PO12, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Quan lý cung ứng thuốc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành Dược và công tác quản lý y tế trong nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe. Hiện qua trong thực hiện ứng hoạt động của mỗi cá nhân, tổ chức thuộc chuỗi đều tạo ra những ảnh hưởng đến chất lượng thuốc được mua và việc sử dụng thuốc của khách hàng. Từ thực tế này, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, nguyên tắc, nghiệp vụ có liên quan trong thực hiện những hoạt động của chuỗi cung ứng thuốc trong chuyên ngành, đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ công việc trong môi trường thực tế, đồng thời góp phần hoàn thành những mục tiêu chung trong nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc của cộng đồng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết giảng lý thuyết	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3
Thảo luận nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu tài liệu, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu	CO8, CO9, CO10

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
		10	Thời gian tham dự buổi học hết học, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Trình bày thi trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu chính

[1] Bộ môn Tổ chức – Quản lý dược Đại học Nam Cần Thơ (2018), *Quản lý cung ứng thuốc*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trương Việt Dũng, Nguyễn Duy Luật (2011), *Tổ chức và quản lý y tế*, NXB Y học.

[3] Nguyễn Phien, Nguyễn Văn Man (2011), *Tổ chức và quản lý y tế*, NXB Y học

11. Nội dung chi tiết học phần

Luân	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1: Tổng quan về quản lý cung ứng thuốc	9	[1] (Trang 03)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Lượt	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
2	Bài 2. Quản lý cung ứng thuốc trong doanh nghiệp dược	6	[1] (Trang 32)	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07
3	Bài 3. Những nghiệp vụ cơ bản của quản lý cung ứng thuốc trong doanh nghiệp dược	6	[1] (Trang 56)	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07
4	Bài 4. Quản lý cung ứng thuốc trong bệnh viện	9	[1] (Trang 73)	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cơ bản lớn, phân, micro, máy chiếu và loa

TRƯỜNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Thái Thị Loan

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Ứng dụng công nghệ nano trong sản xuất thuốc

Mã học phần: 0201001689

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết T - Bài tập P = Thực hành O - Thảo luận/seminar	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiền quyết: Sản xuất thuốc 2

Học phần trước: Sản xuất thuốc 1, 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bảo chế - Công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Bảo chế - Công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (ki hiệu MT):

***Vi kiến thức**

MT1. Trình bày được thành phần, cấu trúc, đặc điểm sinh dược học và dược động học của tiêu phân nano.

MT2. Trình bày được các tá dược sử dụng và các phương pháp bào chế tiêu phân nano.

MT3. Trình bày được các phương pháp đánh giá tiêu phân nano.

MT4. Trình bày được ứng dụng công nghệ nano trong sản xuất thuốc.

***Về kỹ năng**

MT5. Thực hiện đúng và đầy đủ các giai đoạn nghiên cứu một công thức chưa tiêu phân nano cho một số dạng bào chế

MT6. Thực hiện đúng và đầy đủ các chỉ tiêu đánh giá tiêu phân nano.

MT7. Cơ phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về dạng thuốc, phương pháp sản xuất các dạng thuốc, và cải tiến các thiết bị công nghệ trong sản xuất thuốc

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
201001689	Ứng dụng công nghệ nano trong sản xuất thuốc	0	0	0	3	0	3	3	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	0	2	2	2	0	3	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức tiêu HP	CR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT 1	CO1	Trình bày được thành phần, cấu trúc, đặc điểm sinh được học và được đóng học của tiêu phân nano.	PO4, PO5, PO6
MT 2	CO2	Trình bày được các tá dược sử dụng và các phương pháp bào chế tiêu phân nano.	PO4, PO6
MT 3	CO3	Trình bày được các phương pháp đánh giá tiêu phân nano.	PO5, PO6

MT 4	CO4	Trình được ứng dụng công nghệ nano trong sản xuất thuốc.	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT 5	CO5	Thực hiện đúng và đầy đủ các giai đoạn nghiên cứu một công thức chứa tiểu phân nano cho một số dạng bào chế.	PO7, PO8, PO9
MT 6	CO6	Thực hiện đúng và đầy đủ các chỉ tiêu đánh giá tiểu phân nano.	PO7, PO8, PO9
MT 7	CO7	Cơ phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về dạng thuốc, phương pháp sản xuất các dạng thuốc, và cải tiến các thiết bị công nghệ trong sản xuất thuốc.	PO7, PO8, PO9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT 8	CO8	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về những thành phần của tiểu phân nano, các phương pháp bào chế và các phương pháp đánh giá đặc tính của tiểu phân nano, các ứng dụng của tiểu phân nano vào các dạng thuốc hiện đang được nghiên cứu và áp dụng thực tế.

Người học sẽ tích lũy được các kỹ năng về quá trình nghiên cứu một công thức sẽ thực hiện các giai đoạn như thế nào, tự do ý thức được vai trò và trách nhiệm của một người dược sĩ trong lĩnh vực nghiên cứu cũng như phục vụ tại cộng đồng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học; tham gia đóng góp ý kiến, xây hai tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + hai tập về nhà và phát hiện trên lớp	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị hai và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học hai học	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện hai kiểm tra trắc nghiệm	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liên

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Ngọc Chiến, Hồ Hoàng Nhan (2019). *Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc*, NXB Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Minh Không (2009). *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm*, Tập 3, NXB Y học.

[3] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bung (2016), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, Tập 1, NXB Y học.

[4] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (2016), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, Tập 2, NXB Y học

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuan	Nội dung	Tại liệu	CĐR của HP
1-2	Đại cương về công nghệ nano	[1]	C01, C05, C07, C08
3	Ta được trong bào chế tiểu phân nano	[1]	C02, C05, C07, C08
4-5	Phương pháp bào chế tiểu phân nano	[1]	C02, C05, C07, C08
6	Các phương pháp đánh giá đặc tính lý hóa của tiểu phân nano	[1]	C03, C05, C06, C07, C08
7-8	Các phương pháp đánh giá tác dụng sinh học của tiểu phân nano	[1]	C03, C05, C06, C07, C08
9-10	Ứng dụng công nghệ nano trong các dạng thuốc	[1]	C04, C05, C06, C07, C08

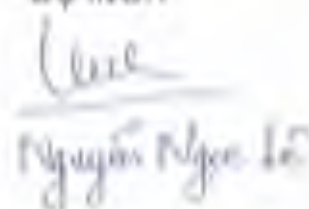
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cơ bản lớn, phân, micro, máy chiếu và loa.

KHOA DƯỢC


TS. Phạm Ngọc Bùng

BỘ MÔN


Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới

Mã học phần: 0201001691

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L – Lý thuyết					
T – Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	30 + 60 = 90
Q = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiền quyết: Sản xuất thuốc 1, Sản xuất thuốc 2, Hóa dược, Dược liệu.

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bao chế - Công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bao chế - Công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

**Về kiến thức*

MT1: Liệt kê được các nguyên lý và phương pháp cơ bản dùng trong quá trình nghiên cứu và phát triển thuốc mới.

MT2: Phân biệt các phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới như phương pháp tiếp cận, lựa chọn mục tiêu phân tử, sàng lọc tìm chất dẫn đường, tối ưu hóa cấu trúc.

thư tác dụng sinh học, lựa chọn ứng viên thử cần làm sang, làm sang, thử cần làm sang, làm sang đến đăng ký làm hành.

***Vị ky nang**

MT3: Phân tích được quá trình nghiên cứu và phát triển một số thuốc điển hình.

MT4: So sánh đặc điểm của những phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới.

MT5: Áp dụng các phương pháp đa học vào thực tế trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển thuốc mới.

***Vị nang lực tư chủ và trách nhiệm**

MT6: Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển thuốc mới.

MT7: Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 – Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
00201001691	Phương pháp nghiên cứu và phát triển thuốc mới	0	0	0	3	0	3	3	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	0	2	2	2	0	3	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT 1	CO1	Liệt kê được các nguyên lý và phương pháp cơ bản dùng trong quá trình nghiên cứu và phát triển thuốc mới.	PO4, PO6
MT 2	CO2	Phân biệt các phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới như phương pháp tiếp cận, lựa chọn mục tiêu phân tử, sàng lọc tìm chất dẫn đường, tối	PO4, PO6

		ưu hóa cấu trúc, thư tác dụng sinh học, lựa chọn ứng viên thử cần lam sàng, lam sàng, thử cần lam sàng, lam sàng đến đăng ký lưu hành	
Kỹ năng			
MT 3	CO3	Phân tích được quá trình nghiên cứu và phát triển một số thuốc điển hình.	PO7, PO8, PO9
MT 4	CO4	Số sánh đặc điểm của những phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới.	PO7, PO8, PO9
MT 5	CO5	Áp dụng các phương pháp đa học vào thực tế trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển thuốc mới.	PO7, PO8, PO9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT 6	CO6	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển thuốc mới.	PO16
MT 7	CO7	Có đạo đức nghề nghiệp, đam mê tính trung thực, khách quan.	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các nguyên lý và phương pháp cơ bản dùng trong quá trình nghiên cứu và phát triển thuốc mới: phương pháp tiếp cận, lựa chọn mục tiêu phân tử, sàng lọc tìm chất dẫn đường, tối ưu hóa cấu trúc, thư tác dụng sinh học, lựa chọn ứng viên thử cần lam sàng, lam sàng, thử cần lam sàng, lam sàng đến đăng ký lưu hành; về quá trình nghiên cứu và phát triển một số thuốc điển hình.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO2, CO6, CO7

Nghiên cứu tình huống	Thông qua các tình huống ngộ độc, sinh viên có thể đề ra các giải pháp, nhận định liên quan đến tình huống	CO1, CO2, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7
Thực hành	Giúp người học rèn luyện kỹ năng trong thực tế	CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Giải quyết tình huống
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiền chỉ đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát hiện trên lớp	10	• Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
		10	• Thời gian tham dự buổi học bất hoặc, Vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm	CO1, CO2, CO3	10

3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá hai thi: Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10
---	-----------------------------	----	--	------------------	----

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Từ Minh Không (2015), *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm*. NXB Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Shayne Cox Gad (2008), *Production and Processes*, John Wiley & Sons, Inc. Hoboken, New Jersey

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý Thuyết

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CR của HP
1	Bài 1. Tổng quan về sự phát triển dược phẩm trên thế giới và Việt Nam	3	[1]	CO1, CO2
	Bài 2. Các giai đoạn trong quá trình nghiên cứu và phát triển thuốc mới	6	[1]	CO1, CO2
2	Bài 3. Một số phương pháp nghiên cứu phát triển thuốc mới được áp dụng	6	[1], [2]	CO2, CO3, CO4, CO5
3	Bài 4. Kỹ thuật sản xuất thuộc hàng phương pháp tổng hợp hóa dược	6	[1]	CO2, CO5, CO6

4	Bài 5. Kỹ thuật sản xuất thuốc bằng phương pháp chiết xuất được liên	6	[1]	CO2, CO5, CO6
5	Bài 6. Một số dạng bào chế hiện đại	3	[1], [2]	CO1, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, phần, micro, máy chiếu và loa.

KHOA DƯỢC

Viết

TS. *Thái Thị Lương*

BỘ MÔN

Viết

Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Nhiễm trùng bệnh viện và kháng sinh dự phòng

Mã học phần: 0102001693

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Dược lý 2, Dược lâm sàng 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý - Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày được nguyên tắc tiếp cận điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện.

MT2. Nắm vững kiến thức sử dụng thuốc điều trị vi sinh vật trên đối tượng bệnh nhân nhiễm trùng bệnh viện.

*Về kỹ năng

MT3. Linh hoạt trong cập nhật kiến thức điều trị các bệnh lý cơ hội.

MT4. Ứng dụng thành thạo kiến thức lý thuyết sang thực hành lâm sàng sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện.

MT5. Phối hợp với các nhân viên y tế khác một cách hiệu quả trong thực hành lâm sàng nhằm giảm thiểu việc kê đơn kháng sinh không phù hợp.

MT6. Ứng dụng thành tựu y học bằng chứng trong việc giảm thiểu nhiễm khuẩn phẫu thuật.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Luôn đặt bệnh nhân là trung tâm trong quá trình điều trị.

MT8. Ý thức được vai trò của bản thân trong thực hành lâm sàng.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200169 3	Nhiễm khuẩn bệnh viện và kháng sinh dự phòng	0	1	1	0	1	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	2	3	1	0	3	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	2				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được nguyên tắc tiếp cận điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện	PO2, PO6
MT2	CO2	Nắm vững kiến thức sử dụng thuốc điều trị vi sinh vật trên đối tượng bệnh nhân nhiễm trùng bệnh viện	PO2, PO3, PO6
Kỹ năng			

MT3	CO3	Linh hoạt trong cập nhật kiến thức điều trị các bệnh lý cơ hội	PO2, PO3, PO6, PO9, PO13
MT4	CO4	Ứng dụng thành thạo kiến thức lý thuyết sang thực hành lâm sàng sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện	PO2, PO8, PO10, PO13
MT5	CO5	Phối hợp với các nhân viên y tế khác một cách hiệu quả trong thực hành lâm sàng nhằm giảm thiểu việc kê đơn kháng sinh không phù hợp	PO2, PO6, PO10
MT6	CO6	Ứng dụng thành tựu y học bằng chứng trong việc giảm thiểu nhiễm khuẩn phẫu thuật	PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Luôn đặt bệnh nhân là trung tâm trong quá trình điều trị	PO15, PO16, PO17
MT8	CO8	Ý thức được vai trò của bản thân trong thực hành lâm sàng	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần “Nhiễm trùng bệnh viện và kháng sinh dự phòng” được thiết kế dựa trên các môn cơ sở ngành và chuyên ngành nhưng chuyên sâu hơn về một nhóm thuốc điều trị loại bệnh lý cơ hội nặng. Thông qua học phần này, người học nói chung và đặc biệt các sinh viên có định hướng chuyên ngành Dược lý - Dược lâm sàng có thể hiểu và vận dụng được vào trong thực hành lâm sàng ở lĩnh vực An toàn sử dụng thuốc và Tối ưu hóa hiệu quả sử dụng thuốc cũng như Chương trình quản lý kháng sinh trong môi trường bệnh viện.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5, CO6

Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

9.1. Lý thuyết

T T	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6, CO7, CO8	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, Vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6, CO7, CO8	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm. Hoặc Thuyết trình về một chủ đề tự chọn	CO1, CO2, CO3	10

3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3, CO8	10
---	-----------------------	----	--	--------------------------	----

10. Học liệu

10.1. Tài liệu tham khảo

[1]. Hoàng Thị Kim Huyền, J. R. B. J. Brouwers (2012), *Các nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 1*, NXB Y Học, Hà Nội.

[2]. Hoàng Thị Kim Huyền, J. R. B. J. Brouwers (2014), *Các nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 2*, NXB Y Học, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

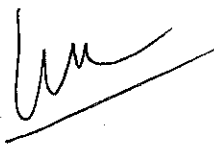
Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Bài 1. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh	3	[1]	CO1, CO2
	Bài 2. Căn nguyên gây nhiễm khuẩn bệnh viện	3	[1]	CO1, CO2
2	Bài 3. Tối ưu hóa phác đồ điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện trên bệnh nhân nặng	3	[1]	CO2
	Bài 4. Viêm phổi bệnh viện/Viêm phổi thở máy	6	[1]	CO2, CO5, CO6
3	Bài 5. Nhiễm khuẩn vết mổ	3	[1]	CO2, CO5, CO6
	Bài 6. Kháng sinh dự phòng trên bệnh nhân phẫu thuật	6	[1]	CO2, CO5, CO6

4	Bài 7. Chương trình quản lý kháng sinh	3	[1]	CO1
	Bài 8: Kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	3	[1]	CO1

12. Cơ sở và thiết bị

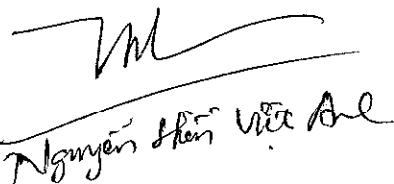
- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

P KHOA DƯỢC
(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN
(ký tên)



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Các hệ thống trị liệu mới

Mã học phần: 0102000441

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Bào chế và sinh dược học 1 và 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bào chế - công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày được các hệ thống trị liệu mới liên quan đến các dạng bào chế hiện đại.

MT2. Trình bày được các kỹ thuật điều chế và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của các dạng bào chế hiện đại khi áp dụng hệ thống trị liệu mới.

***Về kỹ năng**

MT3. Thực hiện được các phân tích công thức và đánh giá chất lượng một vài dạng bào chế hiện đại.

MT4. Vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu một công thức một vài dạng bào chế hiện đại.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	
010 200 044 1	Các hệ thống trị liệu mới	0	0	0	3	0	3	3	2	0	
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17		
		2	0	2	2	2	0	3	2		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT 1	CO1	Trình bày được các hệ thống trị liệu mới liên quan đến các dạng bào chế hiện đại.	PO4, PO6
MT 2	CO2	Trình bày được các kỹ thuật điều chế và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của các dạng	PO4, PO6

		bào chế hiện đại khi áp dụng hệ thống trị liệu mới.	
Kỹ năng			
MT 3	CO3	Thực hiện được các phân tích công thức và đánh giá chất lượng một vài dạng bào chế hiện đại.	PO7, PO8, PO10, PO12, PO14
MT 4	CO4	Vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu một công thức một vài dạng bào chế hiện đại.	PO7, PO8, PO10, PO12, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT 5	CO5	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực sản xuất thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hệ trị liệu mới đang được áp dụng, những ưu điểm đem lại cho bệnh nhân so với các hệ trị liệu cơ bản và cổ điển đã có từ lâu đời. Các hệ thống trị liệu mới có thể nhắc đến trong học phần này như hệ thống đưa thuốc đến mục tiêu, thuốc tác động kéo dài theo nhiều cơ chế khác nhau, hệ thống tiền dược, thuốc dán phân tán qua da, hệ vi nhũ tương... và việc ứng dụng các công nghệ này trong việc đưa các phân tử thuốc vào đến các thụ thể một cách nguyên vẹn.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên	CO1, CO2, CO3, CO4

	để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2 , CO3, CO4	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3, CO4	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Hoàng Ngọc Hùng, Vũ Chu Hùng (2010), *Một số vấn đề cơ bản và hiện đại về công nghệ bào chế các dạng thuốc*, NXB Y học.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Ngọc Chiến (chủ biên) ; Hồ Hoàng Nhân, 2019, Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc : Sách đào tạo dược sĩ đại học, Y học [615.19 Ch305].

[3] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (2016), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, Tập 1, NXB Y học.

[4] Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (2016), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, Tập 2, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Bài 1. Thuốc tác động đến mục tiêu	[1]	CO1, CO2
2	Bài 2. Thuốc tác động kéo dài	[1]	CO1, CO2
3	Bài 3. Hệ thống tiên dược	[1]	CO1, CO2
4	Bài 4. Hệ phân tán qua da (Thuốc dán)	[1]	CO1, CO2
5	Bài 5. Hệ phân tán vi nhũ tương	[1]	CO1, CO2

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

KHOA DƯỢC

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Dược xã hội học

Mã học phần: 0102000458

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phan bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L – Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành Q = Thảo luận/seminar	20	0	0	10	$20 + 10 + 60 = 90$

Loại học phần: tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ Về kiến thức:

MT1. Hiểu được các khái niệm về xã hội học y tế

MT2. Hiểu được tổ chức ngành Dược Việt Nam

MT3. Hiểu và vận dụng được các nội dung chủ yếu của Luật Bảo hiểm y tế, chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam.

+ Về kỹ năng

MT4. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số thống kê y tế.

MT5. Phân tích được vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6. Nhận thức được vai trò của người dược sĩ trong hệ thống y tế

MT7. Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân

MT8. Làm việc độc lập và làm việc nhóm, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

MT9. Có khả năng học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 – Mức cao

Tên HP	Ma HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
Dược xã hội học	0102000458	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
		2	0	0	1	1	1	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	1	3	1	0	1	1	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiểm thức			
MT1	CO1	Hiểu được các khái niệm về xã hội học y tế.	PO1
MT2	CO2	Hiểu được được tổ chức ngành Dược Việt Nam	PO1
MT3	CO3	Hiểu và vận dụng được các nội dung chủ yếu của Luật Bảo hiểm y tế, chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam	PO1, PO5
Kỹ năng			
MT4	CO4	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số thống kê y tế	PO6, PO12
MT5	CO5	Phân tích được vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng	PO4, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Nhận thức được vai trò của người dược sĩ trong hệ thống y tế.	PO16
MT7	CO7	Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và	PO15, PO17

		đầy đủ các nghĩa vụ của người con họ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	
MT 8	CO8	Làm việc độc lập và làm việc nhóm, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	PO11, PO12, PO13
MT 9	CO9	Có khả năng học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Gồm 12 bài Học phần Dược xa hội cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử ngành Dược, về tổ chức y tế, tổ chức ngành Dược Việt Nam, về nội dung của luật Bảo hiểm y tế, chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam. Sinh viên còn được cung cấp kiến thức về dân số, về các thông kê y tế và vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Làm việc nhóm	Giúp sinh viên có tinh thần hợp tác, biết tổ chức và sắp xếp công việc hiệu quả. Giao tiếp hiệu quả thông qua các việc thuyết trình, báo cáo.	CO6, CO7, CO8
Nghiên cứu tài liệu, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO3, CO4, CO5, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá hai thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Bộ môn Quản lý & Kinh tế dược, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ (2018), *Bài giảng Dược xã hội học*

10.2 Tài liệu tham khảo

[2] Trương Việt Dũng (2011), *Tổ chức và quản lý Y tế*, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
------	----------	---------	----------	------------

1	Bài 1. Đại cương về Xã hội học y tế	1	[1] (trang 1)	CO1
	Bài 2 Đại cương về Dược xã hội	2	[1] (trang 10)	CO1
2	Bài 3. Vai trò các nhân tố xã hội trong hoạt động dược	3	[1] (trang 15)	CO2, CO6, CO7, CO8
3	Bài 4 Lịch sử ngành Dược	3	[1] (trang 25)	CO2, CO5, CO6, CO7
4	Bài 5. Tổ chức ngành Dược Việt Nam	3	[1] (trang 51)	CO2, CO5, CO6, CO7, CO8
5	Bài 6. Vấn đề sử dụng thuốc trong cộng đồng và một số thách thức của Dược xã hội học	3	[1] (trang 69)	CO4, CO5
6	Bài 7 Tư điều trị	3	[1] (trang 77)	CO3, CO6, CO7, CO8
7	Bài 8. Vai trò của thuốc trong công tác chăm sóc và hạn về sức khỏe nhân dân	3	[1] (trang 83)	CO3, CO9
8	Bài 9. Bảo hiểm xã hội - Bảo hiểm y tế	3	[1] (trang 90)	CO3
9	Bài 10. Chính sách thuốc thiết yếu của Việt Nam	3	[1] (trang 106)	CO3
10	Bài 11. Công tác dược tại bệnh viện	2	[1] (trang 112)	CO3
	Bài 12. Quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về công tác y tế	1	[1] (trang 134)	CO3, CO8

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa

TRƯỜNG KHOA
(ky ten)

[Handwritten signature]

TS. Thái Thị Tâm

TRƯỞNG BỘ MÔN
(ky ten)

[Handwritten signature]

Nguyễn Hằng Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kinh tế được

Mã học phần: 01020000492

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L - Lý thuyết	0	0	0	0	30 + 60 = 90
T - Bài tập	30	0	0	0	
P - Thực hành					
Q - Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý & Kinh tế được

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1. Hiểu, phân tích và trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp, quy định liên quan về quản lý kinh tế được và kinh doanh thuộc

MT2. Hiểu, phân tích và trình bày được các vai trò, nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành hoạt động kinh doanh được

MT3. Hiểu, phân tích và trình bày được các yêu cầu trong chuẩn bị hợp đồng ký kết thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế được, các hồ sơ đăng ký kiểm định thực hành tốt - GPs.

*** Về kỹ năng**

MT4 Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp trong quản lý kinh tế vào hoạt động hành nghề được ở môi trường thực tế

M15 Thực hiện và hỗ trợ được cho các nhà quản trị trong điều hành hoạt động kinh doanh được của doanh nghiệp/ tổ chức/ cơ sở hạn chế thuộc.

MT6 Tư duy đúng và chuẩn bị hợp đồng ký kết trong quản lý kinh tế được, các hồ sơ đang ký kiểm định thực hành tốt - GPs

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7 Nhận thức được vai trò, trách nhiệm chuyên môn, luôn tuân thủ hành nghề được theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước

MT8. Tư tin, chủ động, cầu tiến trong công việc và học tập nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng

M19 Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 – Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102000492	Kinh tế được							
		1	0	0	3	3	0	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	3	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO	Hiểu, phân tích và trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp, quy định liên quan về quản lý kinh tế được và kinh doanh thuộc	PO1, PO4, PO5

MT2	CO2	Hiểu, phân tích và trình bày được các vai trò, nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành hoạt động kinh doanh được	PO4, PO5
MT3	CO3	Hiểu, phân tích và trình bày được các yêu cầu trong chuẩn bị hợp đồng ký kết thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế được, các hồ sơ đăng ký kiểm định thực hành tốt – GPs.	PO4, PO5
Kỹ năng			
MT4	CO4	Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp trong quản lý kinh tế vào hoạt động hành nghề được ở môi trường thực tế	PO13
MT5	CO5	Thực hiện và hỗ trợ được cho các nhà quản trị trong điều hành hoạt động kinh doanh được của doanh nghiệp/ tổ chức/ cơ sở ban lẻ thuộc	PO12, PO13
MT6	CO6	Tự xây dựng và chuẩn bị hợp đồng ký kết trong quản lý kinh tế được, các hồ sơ đăng ký kiểm định thực hành tốt – GPs	PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Nhận thức vai trò, trách nhiệm chuyên môn, tuân thủ hành nghề được theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước	PO15, PO16
MT8	CO8	Tự tin, chủ động, cầu tiến trong công việc và học tập nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng	PO17
MT9	CO9	Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm	PO12, PO13

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Lĩnh vực Được học nói chung và hoạt động kinh doanh được nói riêng mang nhiều điểm đặc thù và được kiểm soát chặt chẽ với nhiều quy định pháp lý liên quan. Học phần được xây dựng giúp trang bị sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết nhất trong các khía cạnh về kinh tế học, môi trường kinh doanh, quy định của Đảng, Nhà nước, các nguyên tắc, phương pháp và kỹ năng trong quản lý kinh tế, điều hành doanh nghiệp được. Qua đó sinh viên có thể ứng dụng thành công vào môi trường công việc thực tế sau khi ra trường.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
--	----------	---------------------

Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO9
Làm việc nhóm	Giúp sinh viên tăng cường khả năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp.	CO8, CO9
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học: tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bất hoặc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng. GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBR của HP	Điểm tối đa
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá hai thì: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Quản lý & Kinh tế dược Đại học Nam Cần Thơ (2018). *Kinh tế dược*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Kim Chue (2007). *Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế*. NXB Y học

[3] Vu Xuan Phu (2008). *Kinh tế y tế - Sách đào tạo cử nhân y tế công đồng*. NXB Y học.

[4] Phạm Đình Huyền, Nguyễn Thị Hải Yên (2020). *Kinh tế dược*, tập 1. NXB Y học

[5] Phạm Đình Huyền (2020). *Kinh tế dược*, tập 2. NXB Y học.

[6] Phạm Đình Huyền, Nguyễn Thị Hải Yên (2020). *Thực hành Kinh tế dược*. NXB Y học

[7] Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Thanh Hương (2019). *Kinh tế dược*. NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CBR của HP
1	Bài 1: Doanh nghiệp	2	[1] (Trang 5)	CO1, CO2, CO3
	Bài 2: Các loại mô hình doanh nghiệp Dược	2	[1] (Trang 20)	CO1, CO2, CO3
	Bài 3: Quản lý doanh nghiệp dược	3	[1] (Trang 36)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
2	Bài 4: Luật doanh nghiệp	3	[1] (Trang 50)	CO1, CO3, CO4, CO6
	Bài 5: Thị trường, cơ chế thị trường, các loại thị trường	3	[1] (Trang 64)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	Bài 6: Kinh tế vi mô	3	[1] (Trang 79)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 7: Kinh tế vi mô	3	[1] (Trang 97)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 8: Tài chính doanh nghiệp	4	[1] (Trang 112)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

Tuan	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
4	Bài 9: Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được	4	[1] (Trang 131)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 10: Hợp đồng	3	[1] (Trang 153)	CO1, CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa

TRƯỞNG KHOA

(ky ten)



TS. Thái Thị Lâm

TRƯỞNG BỘ MÔN

(ky ten)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Marketing và thị trường dược phẩm

Mã học phần: 0102000504

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết	1	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	30	0	0	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: tự chọn

Học phần tiên quyết: Pháp chế Dược

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược, Khoa Dược, ĐH Nam Cần Thơ.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

- MT1. Hiểu, phân tích và trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, chiến lược, phương pháp trong hoạt động marketing dược.
- MT2. Hiểu, phân tích và trình bày được về nhu cầu khách hàng, phân tích môi trường kinh doanh và kế hoạch hóa Marketing
- MT3. Hiểu, phân tích và trình bày được vai trò, nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành hoạt động Marketing dược.

*** Về kỹ năng**

- MT4 Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp vào thực hiện hoạt động Marketing được ở môi trường thực tế
- MT5 Có khả năng phân tích môi trường kinh doanh và xây dựng kế hoạch trong thực hiện hoạt động Marketing của doanh nghiệp được
- MT6 Thực hiện và hỗ trợ được cho các nhà quản trị trong điều hành hoạt động Marketing được của doanh nghiệp/ tổ chức

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- MT7. Nhận thức được vai trò, trách nhiệm chuyên môn, luôn tuân thủ hành nghề được theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước.
- MT8 Tự tin, chủ động, cầu tiến trong công việc và học tập nâng cao trình độ, kiên trì và kỹ năng
- MT9 Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
01020 00504	Marketing và thị trường được phạm	0	0	0	1	1	0	0	0	2
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu, phân tích và trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, chiến lược, phương pháp trong hoạt động marketing được	PO4, PO5
MT2	CO2	Hiểu, phân tích và trình bày được về nhu cầu khách hàng, phân tích môi trường kinh doanh và kế hoạch hóa Marketing	PO4 PO5

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần	CBR của CTBT
MT3	CO3	Hiểu, phân tích và trình bày được vai trò, nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành hoạt động Marketing được	PO4, PO5
Kỹ năng			
MT4	CO4	Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp vào thực hiện hoạt động Marketing được ở môi trường thực tế	PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT5	CO5	Có khả năng phân tích môi trường kinh doanh và xây dựng kế hoạch trong thực hiện hoạt động Marketing của doanh nghiệp được	PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT6	CO6	Thực hiện và hỗ trợ được cho các nhà quản trị trong điều hành hoạt động Marketing được của doanh nghiệp/ tổ chức	PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Nhận thức vai trò, trách nhiệm chuyên môn, luân luân thủ hành nghề được theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước	PO15, PO16, PO17
MT8	CO8	Tự tin, chủ động, cầu tiến trong công việc và học tập nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng	PO12, PO16, PO17
MT9	CO9	Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm	PO12, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Lĩnh vực **Được học** nói chung và hoạt động Marketing được nói riêng mang nhiều điểm đặc thù và được kiểm soát chặt chẽ với nhiều quy định liên quan. Học phần được xây dựng giúp trang bị sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết trong thực hiện hoạt động marketing được, là khâu quan trọng, đòi hỏi đầu tư chi phí lớn, đồng thời đóng vai trò nền tảng, quyết định năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp được trong hội cạnh tranh hiện nay.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng lý thuyết	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	1 linh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
		10	Thời gian tham dự buổi học hát huộc, vắng không qua 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Tổ chức – Quản lý dược Đại học Nam Cần Thơ (2018), *Marketing dược*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Trí Dũng (2011), *Marketing bệnh viện*, NXB Y Học.

[3] Philip Kotler (2013), *Quản trị Marketing*, NXB Lao động – Xã hội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1: Tổng quan về hoạt động Marketing	3	[1] (Trang 3)	CO1, CO2, CO3
	Bài 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing	2	[1] (Trang 22)	CO1, CO2, CO3
	Bài 3: Môi trường Marketing	2	[1] (Trang 35)	CO1, CO2, CO3
	Bài 4: Hành vi của khách hàng	2	[1] (Trang 49)	CO1, CO2, CO3
2	Bài 5: Phân đoạn thị trường – thị trường mục tiêu – định vị sản phẩm	3	[1] (Trang 54)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 6: Kế hoạch hóa Marketing	3	[1] (Trang 75)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	Bài 7: Các quyết định về sản phẩm	3	[1] (Trang 89)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 8: Các quyết định về giá	3	[1] (Trang 102)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 9: Các quyết định về phân phối	3	[1] (Trang 118)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

Trần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
	Bài 10: Các quyết định về xúc tiến	3	[1] (Trang 133)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Bài 11: Việc triển khai hoạt động Marketing của các doanh nghiệp được tại Việt Nam	3	[1] (Trang 155)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cơ hàng lơn, phan, micro, máy chiếu và loa

TRƯỜNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Thái Thị Duyên

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Nhóm GPs (GSP, GDP, GPP) - Bao quan thuộc.

Mã học phần: 0102000516

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phan bố thời gian:

Loại hình giờ học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	Q	30 + 60 = 90
T = Bài tập	30	0	0	0	
P = Thực hành					
Q = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: tự chọn

Học phần tiên quyết: Pháp chế Dược

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược, Khoa Dược, ĐH Nam Cần Thơ.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

*** Về kiến thức**

- MT1. Hiểu, phân tích và trình bày được các khái niệm, nguyên tắc trong quản lý chất lượng thuốc toàn diện.
- MT2. Hiểu, phân tích và trình bày được các yêu cầu, nguyên tắc, tiêu chuẩn trong thực hiện GPs tương ứng theo các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

M13. Hiểu, phân tích và trình bày được vai trò, trách nhiệm của người dược sĩ trong dây chuyền đảm bảo chất lượng thuốc và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả của cộng đồng

• **Về kỹ năng**

M14. Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp liên quan các tiêu chuẩn thực hành tốt - GPs vào thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiệp vụ dược

M15. Có khả năng phân tích, xác định các vấn đề, nguyên nhân và giải pháp trong nâng cao chất lượng thuốc cũng ứng và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả của cộng đồng

M16. Có khả năng tư vấn định và hoàn thiện các hồ sơ thủ tục pháp lý liên quan đăng ký các tiêu chuẩn thực hành tốt - GPs

M17. Giám sát, triển khai và thực hiện các quy định cơ liên quan thực hành tốt GPs trong quản lý chất lượng thuốc, thông tin thuốc và làm hồ sơ đăng ký.

• **Về năng lực tư chủ và trách nhiệm**

M18. Nhận thức được vai trò, trách nhiệm chuyên môn, luôn tuân thủ hành nghề được theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước

M19. Tự tin, chủ động, cầu tiến trong công việc và học tập nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng.

M110. Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
01020 00516	Nhóm GPs - Bảo quản Thuốc	0	0	0	2	3	1	1	1	1
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	2	1	1	2	2	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CBĐR của HP	Nội dung CBĐR của học phần	CBĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu, phân tích và trình bày được các khái niệm, nguyên tắc trong quản lý chất lượng thuốc toàn diện	PO4, PO5, PO6.
MT2	CO2	Hiểu, phân tích và trình bày được các yêu cầu, nguyên tắc, tiêu chuẩn trong thực hiện GPs tương ứng theo các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan	PO4, PO5, PO6.
MT3	CO3	Hiểu, phân tích và trình bày được vai trò, trách nhiệm của người được si trong duy trì, đảm bảo chất lượng thuốc và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả của cộng đồng	PO4, PO5, PO6.
Kỹ năng			
MT4	CO4	Tăng cường được các nguyên tắc, phương pháp liên quan các tiêu chuẩn thực hành tốt – GPs vào thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiệp vụ được	PO7, PO8, PO9, PO10
MT5	CO5	Có khả năng phân tích, xác định các vấn đề, nguyên nhân và giải pháp trong nâng cao chất lượng thuốc cũng ứng và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả của cộng đồng.	PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT6	CO6	Có khả năng tự xây dựng và hoàn thiện các hồ sơ thủ tục pháp lý liên quan đăng ký các tiêu chuẩn thực hành tốt – GPs.	PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT7	CO7	Giám sát, triển khai và thực hiện các quy định có liên quan thực hành tốt – GPs trong quản lý chất lượng thuốc, thông tin thuốc và làm hồ sơ đăng ký	PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14

Mục liên HP	CBR của HP	Nội dung CDR của học phần	CBR của CTĐT
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Nhận thức vai trò, trách nhiệm chuyên môn, luôn tuân thủ hành nghề được theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước	PO15, PO16, PO17
MT9	CO9	Tự tin, chủ động, cầu tiến trong công việc và học tập nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng	PO12, PO16, PO17
MT10	CO10	Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm	PO12, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Lĩnh vực Dược nói riêng và công tác y tế nói chung mang nhiều điểm đặc thù. Đồng thời, luôn được kiểm soát chặt chẽ với nhiều văn bản pháp luật, quy định, quy chế hành nghề có liên quan nhằm đảm bảo duy trì tốt nhất chất lượng thuốc và việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý hiệu quả của cộng đồng. Một trong những nội dung trọng tâm nhất trong đó là nhóm tiêu chuẩn về thực hành tốt – GPs, nằm trong hệ thống quản lý chất lượng thuốc toàn diện. Học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết và thực tế trong thực hiện tất cả hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiệp vụ, quản lý dược, hướng đến những mục tiêu chung của ngành dược và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong chăm sóc khỏe cộng đồng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết giảng lý thuyết	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3
Thảo luận nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư học, tự nghiên cứu	CO8, CO9, CO10

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	0	Ính chu đơng, mức độ tích cực chuan hi hai va tham gia cac hoạt đơng trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không qua 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu chính

[1] Bộ môn Tổ chức – Quản lý dược Đại học Nam Cần Thơ (2018), *Nhóm GPx*

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Việt Hưng (2013), *Pháp Chế Dược*, NXB Giáo dục.


11. Nội dung chi tiết học phần:

Tuan	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CBR của HP
1	Bài 1: Tổng quan về thuốc, chất lượng thuốc và hệ thống quản lý chất lượng thuốc toàn diện	6	[1] (Trang 03)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
1	Bài 2. Nguyên tắc “Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc” – GMP	3	[1] (Trang 32)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
2	Bài 3. Nguyên tắc “Thực hành tốt phòng thí nghiệm” – GLP	3	[1] (Trang 56)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
2	Bài 4. Nguyên tắc “Thực hành tốt bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc” – GSP	6	[1] (Trang 73)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
3	Bài 5. Nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc” – GDP	6	[1] (Trang 94)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
3	Bài 6. Nguyên tắc “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc” – GPP	6	[1] (Trang 106)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, phân, micro, máy chiếu và loa

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)


TS. Thái Thị Liên

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực tế tốt nghiệp 1- Quản lý và cung ứng thuốc

Mã học phần: 0102000527

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 60

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ thực tế				Tổng thời gian thực tế và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	0	0	60	0	60 + 120 = 180

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Pháp chế dược, Dược xã hội, Nhóm GPs – Bảo quản thuốc

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ *Về kiến thức:*

MT1. Hiểu được những kiến thức đã học ở trường liên quan thế nào với các hoạt động thực tế của nghề nghiệp.

MT2. Hiểu và vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn liên quan đến quản lý của công ty, tồn trữ và cung ứng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan.

MT3. Hiểu được về các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược; các mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc; mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

+ *Về kỹ năng*

MT4. Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao.

MT5. Vận dụng được các nguyên tắc quản lý trong lựa chọn, mua sắm, phân phối, kinh doanh thuốc, dịch vụ y tế, sản phẩm có liên quan, phù hợp với từng đơn vị và địa phương trong quản lý và kinh tế được.

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

MT7. Có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT											
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	
010200 0527	Thực tế tốt nghiệp											0	1
7	1- Quản lý và cung ứng thuốc	0	2	0	0	2	3	0	2	1	1	0	
		PO1 0	PO1 1	PO1 2	PO1 3	PO1 4	PO1 5	PO1 6	PO1 7				
		0	1	0	0	2	1	3	2				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT 1	CO1	Hiểu được những kiến thức đã học ở trường liên quan thế nào với các hoạt động thực tế của nghề nghiệp.	PO2, PO5
MT 2	CO2	Hiểu và vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn liên quan đến quản lý của công ty, tồn trữ và cung ứng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan.	PO2, PO5, PO14
MT 3	CO3	Hiểu được về các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược; các mô hình công ty, sản xuất	PO2, PO5, PO14

		kinh doanh thuốc; mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.	
Kỹ năng			
MT 4	CO4	Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao	P06, PO14
MT 5	CO5	Vận dụng được các nguyên tắc quản lý trong lựa chọn, mua sắm, phân phối, kinh doanh thuốc, dịch vụ y tế, sản phẩm có liên quan, phù hợp với từng đơn vị và địa phương trong quản lý và kinh tế dược.	PO6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT 6	CO6	Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.	PO15, PO16, PO17
MT 7	CO7	Có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Thực hành Quản lý và cung ứng thuốc giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến quản lý, tồn trữ, cung ứng thuốc, và các nguyên tắc GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường nghề nghiệp thực tế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thực tập tại các công ty, bệnh viện	Thông qua việc đi thực tế, sinh viên được cán bộ tại đơn vị thực tập hướng để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu các quy trình cung ứng và phân phối thuốc tại đơn vị thực tập, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực tập đầy đủ tại khoa Dược bệnh viện, công ty Dược.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được hướng dẫn tại đơn vị thực tập.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trong thời gian thực tập tại đơn vị thực tế - Thời gian tham dự thực tập bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm	CO1, CO2	10
3	Bài thu hoạch kết thúc học phần	50	Theo thang điểm quy định	CO1, CO2	10

10. Học liệu

[1] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Việt Hùng (2013), *Pháp Chế Dược*, NXB Giáo dục.

[2] Trương Việt Dũng (2011), *Tổ chức và quản lý Y tế*, NXB Y học.


11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Quản lý thuốc từ khâu lập kế hoạch, đặt hàng, nhập xuất, tồn trữ, và phân phối thuốc tại công ty bán buôn dược phẩm. Đánh giá việc áp dụng GSP, GDP tại công ty	20	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	Quản lý thuốc từ khâu lập kế hoạch, dự trữ, nhập xuất, và cấp phát tại một khoa dược bệnh viện Quản lý các dụng cụ y tế tại các khoa điều trị Đánh giá việc áp dụng GSP tại kho của khoa dược	20	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	Quản lý điều hành tại nhà thuốc Đánh giá việc áp dụng GPP tại nhà thuốc tại Bệnh viện	20	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Đơn vị thực tế là các công ty Dược, khoa Dược bệnh viện có đủ các bộ phận cung ứng và phân phối thuốc như kho thuốc, nhà thuốc bán lẻ.

P KHOA DƯỢC
(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN
(ký tên)



Nguyễn Thị Văn Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực tế tốt nghiệp 2 – Thực tế tại công ty dược phẩm

Mã học phần: 0102000532

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	60 + 120 = 180
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	60	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Sản xuất thuốc, Nhóm GPs, Pháp chế dược.

Học phần học trước: Sản xuất thuốc

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1. Hiểu được về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống đảm bảo chất lượng trong nhà máy GMP.

MT2. Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc thông dụng như viên nén, viên nang.

MT3. Trình bày được công tác xây dựng quy trình thao tác chuẩn, hồ sơ lô.

* Về kỹ năng

MT4. Nhận biết các thiết bị dùng trong công nghiệp sản xuất thuốc.

MT5. Thực hiện được một số công đoạn trong quy trình sản xuất thuốc.

MT6. Thực hiện được công tác xây dựng quy trình thao tác chuẩn, hồ sơ lô.

MT7. Thực hiện được một số công đoạn trong hệ thống đảm bảo chất lượng.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện GMP.

4. Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần cho chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
010 200 053 2	Thực tế tốt nghiệp 2: Sản xuất thuốc	0	0	0	0	0	0	3	3	3
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		3	1	1	1	1	1	2	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống đảm bảo chất lượng trong nhà máy GMP.	PO2, PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc thông dụng như viên nén, viên nang.	PO2, PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	bày được công tác xây dựng quy trình thao tác chuẩn, hồ sơ lô.	PO2, PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Nhận biết các thiết bị dùng trong công nghiệp sản xuất thuốc.	PO7, PO12, PO13
MT5	CO5	Thực hiện được một số công đoạn trong quy trình sản xuất thuốc.	PO7, PO12, PO13

MT6	CO6	Thực hiện được công tác xây dựng quy trình thao tác chuẩn, hồ sơ lô.	PO7, PO12, PO13
MT7	CO7	Thực hiện được một số công đoạn trong hệ thống đảm bảo chất lượng.	PO7, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện GMP.	PO15, Po16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường sản xuất thực tế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của học phần
Thuyết trình	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo bám sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra của từng bài.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Bên cạnh đó tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu kiến thức mới bằng các bài tiểu luận được giao ngẫu nhiên.	CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu tình huống	Thông qua các tình huống xảy ra trong sản xuất và phân phối sinh viên có thể đề ra các giải pháp, nhận định liên quan đến tình huống đó	CO5, CO6, CO7, CO8
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành	Giúp người học rèn luyện kỹ năng trong thực tế	CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Trước khi đến cơ sở thực tập: đọc trước giáo trình, nghe giảng.
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nội qui cho sinh viên tại cơ sở thực tập.

- Phản hồi ý kiến sau mỗi buổi thực tập tại công ty cho người hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề phát sinh trong thời gian thực tập.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

- Đánh giá của công ty: 50% (do công ty nhận xét và cho điểm vào phiếu đánh giá thực tế, có ký tên và đóng dấu xác nhận).
- Đánh giá của giảng viên: 50% (chấm điểm dựa trên bài báo cáo của sinh viên theo phiếu đánh giá).

10. Học liệu:

- [1] Công nghệ bào chế dược phẩm : Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học / Hoàng Minh Châu (chủ biên) .- Tái bản lần thứ 4 .- H. : Giáo dục , 2016 [615.1 C455/T.1].
- [2] Hướng dẫn thực hành tốt sản xuất thuốc - Websie TV.

11. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Tổ chức của công ty đạt tiêu chuẩn GMP - Sơ đồ tổ chức của công ty - Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận QA, QC, R&D	20	[1], [2]	CO1, CO2, CO3
2	Hoạt động của các bộ phận QA, QC, R&D trong công ty - Các hoạt động đảm bảo chất lượng - Các hoạt động kiểm soát chất lượng - Các hoạt động nghiên cứu và phát triển	40	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

Cơ sở thực tập là trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc các cơ sở kiểm nghiệm khác tương đương có đầy đủ các thiết bị để kiểm nghiệm các dạng thuốc khác nhau.

P. KHOA DƯỢC

(Handwritten signature)

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(Handwritten signature)

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực tế tốt nghiệp 3: Trung tâm kiểm nghiệm

Mã học phần: 001527

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết					
T - Bài tập					
P - Thực hành	0	0	60	0	60+120=180
O - Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Đặt buộc**

Học phần tiên quyết: Kiểm nghiệm dược phẩm 1, Kiểm nghiệm dược phẩm 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm

2. Thông tin về các giảng viên : Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, tiêu chuẩn cần đạt của 1 cơ sở kiểm nghiệm dược phẩm

MT2: Mô tả được quy trình đường đi của mẫu Kiểm nghiệm.

MT3: Trình bày được quy trình kiểm nghiệm một mẫu hoặc nhưng chỉ tiêu thử nghiệm tại các phòng chuyên môn (tùy theo từng phòng).

* Về kỹ năng

MT4: Nhận biết các máy móc dụng trong kiểm nghiệm

MT5: Thực hiện được đầy đủ quy trình kiểm mẫu

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Tôn trọng và chan thành hợp tác với đồng nghiệp

MT7: Ren luyện tác phong nghiêm túc khi tham gia vào hoạt động nghề nghiệp.

4. Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần cho chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau

0 – Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102001577	Thực tế tại nghiệp 3 – Trung tâm kiểm nghiệm	0	0	0	3	0	3	3	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	2	1	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, tiêu chuẩn cần đạt của 1 cơ sở kiểm nghiệm dược phẩm.	PO4, PO6
MT2	CO2	Mô tả được quy trình đường đi của mẫu Kiểm nghiệm.	PO4, PO6
MT3	CO3	Trình bày được quy trình kiểm nghiệm một mẫu hoặc những chú ý thử nghiệm tại các phòng chuyên môn (tùy theo từng phòng).	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Nhận biết các máy móc dùng trong kiểm nghiệm	PO12, PO15, PO16
MT5	CO5	Thực hiện được đầy đủ quy trình kiểm mẫu.	PO8, PO12, PO15, PO16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Tôn trọng và chan thành hợp tác với đồng nghiệp	PO16, PO17
MT7	CO7	Ren luyện tác phong nghiêm túc khi tham gia vào	PO16, PO17

hoạt động nghề nghiệp.

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này được triển khai tại cơ sở thực tập, chủ yếu là các trung tâm kiểm nghiệm được phạm và my phẩm trên địa bàn tỉnh. Người học sẽ được trực tiếp thực hiện công việc của một dược sỹ tại trung tâm kiểm nghiệm hoặc họ phần kiểm tra chất lượng tại nhà máy sản xuất dược phẩm hàng nhưng kiến thức và kỹ năng được tích lũy trong quá trình học tập.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của học phần
Thuyết giảng	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo hàm sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra của từng bài.	CO1, CO2, CO3
Thực hành thực tế	Tạo cho sinh viên tiếp cận với thực tế công việc	CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước tài liệu liên quan, nghe giảng.
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nơi qui cho sinh viên trong đơn vị thực tập
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề phát sinh trong thời gian thực tập

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

T	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trọng số 20%)					
1	Chuyên cần	10	Tinh chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ thực tế	CO6, CO7	10

		10	Vắng 2 buổi trở lên (có phép của Khoa Dược) phải đi thực tập bổ sung với các lớp khoa sau. Vắng không phép xem như không hoàn thành học phần.	CO6, CO7	10
Hạn cao kết thúc 80%					
2	Hạn cao	80	Đa cơ sở thực tập thông báo vào đầu học phần	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu:

[1]. Bài giảng Kiểm nghiệm dược phẩm 1 (2022) – Bài giảng nội bộ. Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

[2] Bài giảng Kiểm nghiệm dược phẩm 2 (2022) – Bài giảng nội bộ. Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm, Trường Đại học Nam Cần Thơ

[3]. Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam Tập 1-2*, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	Tại liệu	CĐR của HP	Giảng viên phụ trách
1	<p>Phòng Hành chính quản trị - Tổ chức cán bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng nhiệm vụ của trung tâm. - Sơ đồ tổ chức của trung tâm. - Tham quan sơ bộ các phòng trong trung tâm. - Rèn luyện tác phong đạo đức của người kiểm nghiệm viên trong qua 	[1], [2] [3]	CO1, CO6, CO7	Ths Cao Thi My Hoi Pho Trưởng phòng Hành chính quản trị - Tổ chức cán bộ

	trình thực hành nghề nghiệp			
2	Phòng Kế hoạch – Tài chính: Quy trình đường đi của máu (lấy máu → lưu máu → kiểm nghiệm máu thuốc)	[1], [2] [3]	CO2	DSCK1, Nguyễn Thị My Ai Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính
3	Các phòng chuyên môn (Phòng Hóa My phẩm, Phòng Vật lý – Đo lường, Phòng Dược lý – Vi sinh): Tùy theo điều kiện cụ thể ở các phòng, có thể giảng dạy một trong các phần sau: + Quy trình kiểm nghiệm (1 mẫu thuốc/my phẩm (mẫu)) + Tham gia kiến tập vận hành thiết bị máy quang phổ UV – Vis, Sạc ky long hiệu năng cao, sạc ky khí, chuẩn đo điện thế tự động – trong phòng kiểm nghiệm + Chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên	[1], [2] [3]	CO3, CO4, CO5	1. DSDH, Võ Tạ Lương – Trưởng phòng Vật lý – Đo lường 2. KS. Nguyễn Ngọc Liên Phương – Phó Trưởng phòng Hóa My phẩm 3. Ths Nguyễn Khắc Minh Toàn – Phó Giám đốc/ Kiểm Trưởng phòng Dược lý Vi sinh


	mối và mối quan hệ công tác giữa các phòng, ban.			
4	Ban Giám đốc Giới thiệu về tiêu chuẩn ma cơ sở thực tập đại ví dụ như GLP hoặc ISO/IEC 17025:2007	[1], [2] [3]	COI	1. DSCKII Nguyễn Hoàng Việt Giám đốc 2. DSCKI Lê Thị Cẩm Thùy Phó Giám đốc
5	Viết hai báo cáo	[1], [2] [3]		Ths Ngô Hồng Phong

12. Cơ sở và thiết bị

- Giảng viên là người hướng dẫn thực tế tại cơ sở (giảng viên là người của cơ sở thực tập)
- Cơ sở thực tập là trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc các cơ sở kiểm nghiệm khác tương đương có đầy đủ các thiết bị để kiểm nghiệm các dạng thuốc khác nhau

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)


TS. Lê Thị Cẩm

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Hoàng Việt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. **Thông tin về học phần**

Tên học phần: Chăm sóc dược

Mã học phần: 0102001460

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian: Học kỳ 10

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Học phần thay thế

Học phần tiên quyết: Dược lý, Dược lâm sàng

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. **Đơn vị phụ trách:** Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. **Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

***Về kiến thức**

MT1. Trình bày được các nội dung cơ bản trong chăm sóc dược cho bệnh nhân., những nhiệm vụ của dược sĩ lâm sàng trong mô hình chăm sóc dược, cách thức thu thập và xử lý thông tin khi thực hiện chăm sóc dược.

MT2. Trình bày được những nội dung cơ bản trong theo dõi điều trị ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan và liệt kê được những bước cần làm khi thực hành hiệu chỉnh liều cho bệnh nhân suy giảm chức năng thận.

MT3. Trình bày được 4 nội dung cần làm nhằm hạn chế tương tác thuốc (TTT) bất lợi.

MT4. Trình bày được các thuốc dùng trong dị ứng, nguyên tắc xử lý khi gặp dị ứng thuốc và các biện pháp phòng tránh dị ứng thuốc.

MT5. Nêu được định nghĩa ADR, 3 cách phân loại ADR, 3 nhóm nguyên nhân gây ra ADR, 2 nhóm yếu tố liên quan đến sự phát sinh ADR, 4 biện pháp nhằm hạn chế ADR, cách xử trí khi nghi ngờ xuất hiện ADR, và 8 loại ADR cần báo cáo và cách báo cáo ADR.

MT6. Trình bày được các biện pháp giải độc chất độc ra khỏi cơ thể và các chất dùng giải độc thường dùng.

MT7. Liệt kê được 3 mục tiêu điều trị hen phế quản.

MT8. Trình bày được những nội dung cần tư vấn liên quan đến sử dụng insulin, những nội dung trong quy trình CSD bệnh nhân đái tháo đường typ 2, những nội dung cần tư vấn trong quản lý đái tháo đường.

MT9. Liệt kê các bước cần thiết để tiếp cận và trả lời câu hỏi thông tin thuốc.. Mô tả được cách trình bày thông tin thuốc. Và áp dụng được cách trình bày tài liệu tham khảo.

***Về kỹ năng**

MT10. Biết cách thu thập thông tin khi thực hiện chăm sóc dược (CSD)

MT11. Có kỹ năng tư vấn khi thực hiện CSD cho bệnh nhân.

MT12. Xây dựng được kế hoạch theo dõi điều trị ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan - thận.

MT13. Thực hành được việc kiểm soát tương tác thuốc bằng một số phần mềm hiện có ở Việt Nam.

MT14. Xây dựng được nội dung tư vấn cho bệnh nhân trong điều trị một số bệnh mạn tính: hen suyễn, đái tháo đường.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT15. Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

MT16. Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT17. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực khi thực hành chăm sóc dược cho bệnh nhân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau: 0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200146 0	Chăm sóc dược	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	0	2	2	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	3	0
		PO15	PO16	PO17	PO15	PO16	PO17	
2	2	1	2	2	1			

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			

MT1	CO1	Trình bày được các nội dung cơ bản trong chăm sóc được cho bệnh nhân., những nhiệm vụ của dược sĩ lâm sàng trong mô hình chăm sóc được, cách thức thu thập và xử lý thông tin khi thực hiện chăm sóc được.	PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Trình bày được những nội dung cơ bản trong theo dõi điều trị ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan và liệt kê được những bước cần làm khi thực hành hiệu chỉnh liều cho bệnh nhân suy giảm chức năng thận.	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Trình bày được 4 nội dung cần làm nhằm hạn chế tương tác thuốc (TTT) bất lợi.	PO4, PO5, PO6
MT4	CO4	Trình bày được các thuốc dùng trong dị ứng, nguyên tắc xử lý khi gặp dị ứng thuốc và các biện pháp phòng tránh dị ứng thuốc.	PO4, PO5, PO6
MT5	CO5	Nêu được định nghĩa ADR, 3 cách phân loại ADR, 3 nhóm nguyên nhân gây ra ADR, 2 nhóm yếu tố liên quan đến sự phát sinh ADR, 4 biện pháp nhằm hạn chế ADR, cách xử trí khi nghi ngờ xuất hiện ADR, và 8 loại ADR cần báo cáo và cách báo cáo ADR.	PO4, PO5, PO6
MT6	CO6	Trình bày được các biện pháp giải độc chất độc ra khỏi cơ thể và các chất dùng giải độc thường dùng.	PO4, PO5, PO6
MT7	CO7	Liệt kê được 3 mục tiêu điều trị hen phế quản.	PO4, PO5, PO6
MT8	CO8	Trình bày được những nội dung cần tư vấn liên quan đến sử dụng insulin, những nội dung trong quy trình CSD bệnh nhân đái tháo đường typ 2, những nội dung cần tư vấn trong quản lý đái tháo đường.	PO4, PO5, PO6
MT9	CO9	Liệt kê các bước cần thiết để tiếp cận và trả lời câu hỏi thông tin thuốc.. Mô tả được cách trình bày	PO4, PO5, PO6

		thông tin thuốc. Và áp dụng được cách trình bày tài liệu tham khảo.	
Kỹ năng			
MT10	CO10	Biết cách thu thập thông tin khi thực hiện chăm sóc dược (CSD)	PO10, PO12
MT11	CO11	Có kỹ năng tư vấn khi thực hiện CSD cho bệnh nhân.	PO10, PO12
MT12	CO12	Xây dựng được kế hoạch theo dõi điều trị ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan - thận.	PO10, PO12
MT13	CO13	Thực hành được việc kiểm soát tương tác thuốc bằng một số phần mềm hiện có ở Việt Nam.	PO10, PO12
MT14	CO14	Xây dựng được nội dung tư vấn cho bệnh nhân trong điều trị một số bệnh mạn tính: hen suyễn, đái tháo đường.	PO10, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT15	CO15	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.	PO15, PO16, PO17
MT16	CO16	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PO15, PO16, PO17
MT17	CO17	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực khi thực hành chăm sóc dược cho bệnh nhân.	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Chương trình lý thuyết bao gồm các nội dung: Đại cương về chăm sóc dược, Giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân trong chăm sóc dược, Theo dõi điều trị khi dùng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan - thận, Kiểm soát tương tác thuốc trong điều trị, Dị ứng thuốc, Phản ứng bất lợi của thuốc (ADR), Ngộ độc thuốc, Chăm sóc dược cho bệnh nhân hen phế quản và Chăm sóc dược cho bệnh nhân đái tháo đường.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9

Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO3, CO9
--	---	----------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
2	Thường xuyên	30	* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức từ đầu thời gian học đến thời điểm hiện tại để giải thích các tình huống do giảng viên đặt ra trong kiểm tra. - Một bài kiểm tra đánh giá bao gồm hai phần: câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tình huống. * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

			<p>quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nhằm xem xét khả năng phân tích và ứng dụng của sinh viên.</p> <p>- Bài báo cáo tiêu luận sẽ được phân chia ngẫu nhiên. Mỗi sinh viên đều phải hoàn thành quyển tiêu luận và thỏa mãn yêu cầu giảng viên đặt ra để đủ điều kiện dự thi đánh giá kết thúc học phần.</p>		
3	Thi kết thúc HP	50	<p>+ Thi kết thúc học phần</p> <p>+ Hình thức thi trắc nghiệm khách quan.</p> <p>+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

- [1]. Hoàng Thị Kim Huyền (2015), *Chăm sóc dược*, NXB Y Học.
- [2]. Đào Văn Phan (2012), *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học,.
- [3]. Hoàng Thị Kim Huyền (2006), *Dược lâm sàng*, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	<p>Bài 1. Đại cương về chăm sóc dược</p> <p>1. Một số khái niệm liên quan đến chăm sóc dược</p> <p>2. Những nội dung cơ bản trong CSD</p> <p>3. Nhiệm vụ của Dược sỹ lâm sàng trong CSD</p>	3	[1]	CO1, CO2, CO3

	<p>Bài 2. Giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân trong CSD.</p> <p>1. Khái niệm về giáo dục và tư vấn bệnh nhân trong CSD</p> <p>2. Cách thức thu thập và xử lý thông tin trong CSD</p> <p>3. Điều kiện cần có và kỹ năng tư vấn khi thực hiện CSD</p> <p>4. Một số tình huống gợi ý khi thu thập thông tin trong CSD</p>	3	[1]	CO1, CO2, CO3
2	<p>Bài 3. Theo dõi điều trị khi dùng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan - thận</p> <p>1. Theo dõi điều trị khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan</p> <p>2. Theo dõi điều trị khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân suy giảm chức năng gan</p>	3	[1]	CO1, CO3, CO6
	<p>Bài 4. Kiểm soát tương tác thuốc trong điều trị</p> <p>1. Các nguyên tắc cơ bản khi phối hợp thuốc nhằm giảm tương tác bất lợi</p> <p>2. Những biện pháp hạn chế tương tác bất lợi trong điều trị</p> <p>3. Các phần mềm duyệt tương tác thuốc</p>	3		CO7
3	<p>Bài 5. Dị ứng thuốc</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Các nhóm thuốc sử dụng trong điều trị dị ứng</p> <p>3. Nguyên tắc xử trí và các biện pháp phòng tránh dị ứng</p>	3	[1]	CO1, CO2, CO3

	<p>Bài 6. Phản ứng bất lợi của thuốc (ADR)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân gây phản ứng bất lợi 3. Các yếu tố liên quan đến sự phát sinh phản ứng bất lợi của thuốc 4. Các biện pháp hạn chế phản ứng bất lợi của thuốc 5. Cách xử trí khi nghi ngờ phản ứng bất lợi của thuốc 6. Báo cáo phản ứng bất lợi của thuốc 	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
4	<p>Bài 7. Ngộ độc thuốc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số tác nhân gây độc 2. Điều trị ngộ độc cấp 	3	[1]	CO1, CO2
	<p>Bài 8. Chăm sóc dược cho bệnh nhân hen phế quản</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xác định mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong trị cơn hen 2. Áp dụng các biện pháp dự phòng để giảm số cơn hen đến tối thiểu 3. Lập kế hoạch kiểm soát hen lâu dài và hiệu quả để đảm bảo chất lượng cuộc sống cho bệnh nhân. 	3	[1]	CO1, CO2
5	<p>Bài 9. Chăm sóc dược cho bệnh nhân đái tháo đường</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị kiến thức trước khi bắt đầu thực hiện CSD 2. Tư vấn sử dụng insulin 	3	[1]	CO1, CO2

	Bài 10. Tổng hợp và trình bày thông tin thuốc 1. Các bước tiếp cận và trả lời thông tin thuốc 2. Trình bày thông tin thuốc 3. Trích dẫn tài liệu tham khảo	3	[1]	CO1, CO2
	TỔNG	30		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.

P. KHOA DƯỢC

(ký tên)

lwe

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(ký tên)

ml

Nguyễn Văn Lộc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Đồ án dinh dưỡng**

Mã học phần: **0102000463**

Số tín chỉ: **02 tín chỉ**

Tổng số tiết quy chuẩn: **30 tiết**

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	21	3	0	6	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Tự chọn**

Học phần tiền quyết: **Kiểm nghiệm dược phẩm 1, Kiểm nghiệm dược phẩm 2**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: **Hội môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược**

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1: Trình bày và phân tích được các vấn đề liên quan đến độ ổn định của thuốc

MT2: Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định của thuốc

MT3: Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu đo ổn định và tính được hạn dùng của thuốc

** Về kỹ năng*

MT4: Thực hiện được việc nghiên cứu đo ổn định và tính được hạn dùng của thuốc

MT5: Có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Có trách nhiệm trong công việc và có đạo đức nghề nghiệp

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000463	Đo ổn định thuốc	0	0	0	3	3	0	3	0	3
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	3	3	3	0	0	3	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mức tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Có kiến thức về các vấn đề liên quan đến đo ổn định của thuốc	PO4, PO5
MT2	CO2	Có khả năng phân tích được các yếu tố tác động đến đo ổn định của thuốc	PO4, PO5
MT3	CO3	Hiểu được quy trình nghiên cứu đo ổn định thuốc và cách áp dụng quy trình này trên thực tế.	PO4, PO5
Kỹ năng			
MT4	CO4	Có thể thiết kế mô hình nghiên cứu đo ổn định của thuốc và tính được hạn dùng của thuốc	PO7, PO9
MT5	CO5	Có thể hợp tác làm việc nhóm và tự nghiên cứu, giải	PO11, PO12,

		quyet van de doc lap	PO13
Nang lue tu chu va trach nhien			
MT6	CO6	Y thuc đưoc vai tro va trach nhien cua đưoc si trong viec đam hao va nang cao chat lượng đưoc pham	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu độ ổn định của thuốc. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức về đại cương do ổn định của thuốc, đồ ổn định vật lý và hóa học của thuốc, ảnh hưởng của bán rã đến đồ ổn định và cách tính hạn dùng của thuốc theo các vấn đề đã học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, cơ hệ thống, khoa học.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tự tin.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Hai tập	Cho sinh viên tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Đu lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra

Chuan hi noi dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo

Tam hai tap, hoac giai quyet tình huống để củng cố kiến thức đã học

Tu học, tư nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
----	-----------	--------------	-------------------	------------	-------------

Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	- Tính chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học đầy đủ, vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Báo cáo hoặc kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dạng đề trắc nghiệm	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Bài giảng Độ ổn định của thuốc (2022) - Bài giảng nội bộ, Bộ môn Hóa phân tích Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Trường đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [2] Trần Tử An (2011), *Kiểm nghiệm dược phẩm*, NXB Y học
 [3] Đỗ Minh Quang (2011), *Hóa lý dược*, NXB Y học
 [4] Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam Tập 1-2*, NXB Y học

11. Nội dung chi tiết của học phần


Tuần	Nội dung	Tài liệu	CR của HP
1	Đại cương về độ ổn định của thuốc 1. Quá trình phát triển việc nghiên cứu độ ổn định thuốc 2. Một số khái niệm 3. Mục tiêu nghiên cứu độ ổn định 4. Các hướng dẫn thử nghiệm độ ổn định 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định 6. Điều kiện, phương tiện thử nghiệm độ ổn định 7. Các dược chất kém bền vững	[1]	CO1, CO4, CO5, CO6
2	Độ ổn định vật lý của thuốc 1. Sự biến đổi trạng thái vật lý	[1]	CO2, CO4, CO5, CO6

	2. Các yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định vật lý của thuốc		
3	Độ ổn định hóa học của thuốc 1. Giới thiệu tổng quát về độ ổn định hóa học của thuốc 2. Các con đường phân hủy hóa học của thuốc	[1]	C02, C04, C05, C06
4	Cơ sở tính toán tuổi thọ của thuốc 1. Một số khái niệm cơ bản về động hóa học 2. Động học của các phản ứng đơn giản 3. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới tốc độ phản ứng	[1]	C03, C04, C05, C06
5-6	Các phương pháp tính hạn dùng của thuốc 1. Đại cương 2. Phương pháp khám sát chất lượng thuốc thực 3. Phương pháp khám sát chất lượng thuốc trong thời gian ngắn 4. Khám sát độ ổn định thuốc α xi nghiệp	[1]	C03, C04, C05, C06
7-8	Bao bì dược phẩm và tuổi thọ 1. Đại cương 2. Một số loại bao bì thông dụng 3. Yêu cầu đối với bao bì cấp 1 dùng cho chế phẩm được 4. Sự ổn định của dược phẩm trong bao bì cấp 1	[1]	C01, C04, C05, C06
9-10	Hướng dẫn của ASEAN về nghiên cứu độ ổn định của thuốc 1. Đặt vấn đề 2. Mục tiêu 3. Phạm vi 4. Thiết kế 5. Phụ lục 6. Thuật ngữ	[1]	C03, C04, C05, C06

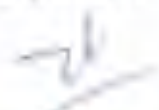
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA DƯỢC


TS. Thái Thị Lê

BỘ MÔN


Nguyễn Phương Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Sản xuất thuốc từ dược liệu

Mã học phần: 0201000533

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L - Lý thuyết T - Bài tập P = Thực hành Q = Thảo luận/seminar	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Thay thế

Học phần tiên quyết: Bao chế và sinh dược học 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bao chế - công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bao chế - công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kv hiện MT)

* Về kiến thức

MT1: Phân tích được các yếu tố kỹ thuật ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất

MT2: Trình bày được nguyên tắc, ưu nhược điểm của các phương pháp chiết xuất

MT3: Trình bày được kỹ thuật điều chế và các chỉ tiêu chất lượng chính của cao dược liệu

MT4: Trình bày được khái niệm, tính chất lý hóa chung, các phương pháp chiết xuất và quy trình sản xuất alkaloid, flavonoid và glycosid tim

* *Về kỹ năng*

MT5: Phân tích và thực hiện được quy trình điều chế cao dược liệu, alkaloid, flavonoid.

* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

M16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm

M17. Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của lĩnh vực hạn chế trong dược học và cuộc sống.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 - Mức thấp; 2 - Mức trung bình; 3 - Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
02 01 00	Sản xuất thuốc từ dược liệu	0	0	0	3	0	3	3	2	0
05 33		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	0	2	2	2	0	3	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (kí hiệu CO)

Mức tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích được các yếu tố kỹ thuật ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất	PO4 PO6
MT2	CO2	Trình bày được nguyên tắc, ưu nhược điểm của các phương pháp chiết xuất	PO4 PO6
MT3	CO3	Trình bày được kỹ thuật điều chế và các chỉ tiêu chất lượng chính của cao dược liệu	PO4 PO6

MT4	CO4	Trình bày được khái niệm, tính chất lý hóa chung, các phương pháp chiết xuất và quy trình sản xuất alkaloid, flavonoid và glycosid tim.	
Kỹ năng			
MT5	CO5	Phân tích và thực hiện được quy trình điều chế cao dược liệu, alkaloid, flavonoid.	PO7, PO8, PO10, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm	PO16, PO17
MT7	CO7	Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của lĩnh vực học nghề trong dược học và cuộc sống	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các phương pháp chiết xuất dược liệu, phương pháp sản xuất các nguyên liệu làm thuốc từ dược liệu, chế phẩm toàn phần (cao dược liệu) và một số hoạt chất tinh khiết, chủ yếu thuộc nhóm alkaloid, flavonoid và glycosid tim.

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học: tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp

- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4	10

9. Học liệu

9.1. Tài liệu chính

[1] Kỹ thuật chiết xuất dược liệu: Giáo trình đào tạo dược sĩ đại học / Nguyễn Văn Hân (Chủ biên); Đỗ Hữu Nghị, Bùi Thị Thúy Luyện, Trần Trọng Biên (Biên soạn) .- Xuất bản lần thứ 2 có sửa chữa và bổ sung .- H. : Y học , 2022

9.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Võ Xuân Minh, Nguyễn Văn Long (chủ biên)(2013), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc. Tập 1*, sách dùng đào tạo dược sĩ đại học, NXB Y học.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1-3	Đại cương chiết xuất dược liệu	9	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
4-5	Kỹ thuật sản xuất cân dược liệu	6	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
6-7	Kỹ thuật chiết xuất alkaloid	6	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
8	Kỹ thuật chiết xuất flavonoid	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
9	Kỹ thuật chiết xuất glycosid tim	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
10	Chiết xuất một số hợp chất khác	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4


12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng loạt, phân, micro, máy chiếu và loa

KHOA DƯỢC


TS. Lê Thị Kim

BỘ MÔN


Nguyễn Ngọc Lê

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÁN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Một số phương pháp phân tích dụng cụ ứng dụng trong kiểm nghiệm thực

Mã học phần: 0201001690

Sa tin chỉ: 02 tin chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Ω	
L = Lý thuyết					$30 + 60 = 90$
T – Bài tập					
P – Thực hành	12	6	0	12	
Ω = Thảo luận/seminar					

Địa điểm học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Kiểm nghiệm dược phẩm 1, Kiểm nghiệm dược phẩm 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT 1: Trình bày và phân tích được các nguyên tắc của phương pháp phân tích dụng cụ

MT2: Giải thích và vận dụng được các phương pháp phân tích dung cụ vào kiểm nghiệm thuốc.

*** Về kỹ năng**

MT3: Thực hiện được các phương pháp phân tích dung cụ ứng dụng trong kiểm nghiệm thuốc.

MT4: Có khả năng tư học, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5: Có trách nhiệm trong công việc và cố gắng đạt nghề nghiệp.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
02010 01690	Một số phương pháp phân tích dung cụ ứng dụng trong kiểm nghiệm thuốc	0	0	0	3	3	0	3	0	3
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	3	3	3	0	0	3	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mức tiên HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiểm thực			
MT1	CO1	Có kiến thức tổng quát về các phương pháp phân tích dung cụ ứng dụng trong lĩnh vực dược.	PO4, PO5
MT2	CO2	Có khả năng vận dụng các phương pháp phân tích dung cụ vào việc kiểm tra chất lượng thuốc.	PO4, PO5
Kỹ năng			
MT3	CO3	Có thể sử dụng các phương pháp phân tích dung cụ trong kiểm nghiệm thuốc.	PO7, PO9
MT4	CO4	Có thể hợp tác làm việc nhóm và tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề độc lập.	PO11, PO12, PO13

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Ý thức được vai trò và trách nhiệm của được sĩ trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng được phẩm	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên tắc của các phương pháp phân tích định cư và cách ứng dụng các phương pháp phân tích này vào việc kiểm tra và đảm bảo chất lượng thuốc hiện nay.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tự tin.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Bài tập	Cho sinh viên tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Đi lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trong số 50%)					

1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học đầy đủ, vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	C01, C02, C03, C04, C05	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Báo cáo trên lớp theo chủ đề, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%)	C01, C02, C03, C04, C05	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng để trắc nghiệm	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	C01, C02, C03, C04, C05, C06	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1]. Hai giảng Một số phương pháp phân tích định cụ ứng dụng trong kiểm nghiệm thuốc (2022) – Bài giảng nội bộ. Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm. Khoa Dược, Trường đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [2] Trần Tư An (2016). *Hóa Phân tích – tập 2 Phân tích định cụ*, NXB Y học.
 [3]. Trần Tư An (2011), *Kiểm nghiệm dược phẩm*, NXB Y học.
 [4] Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam Tập 1-2*, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1-2	Phương pháp điện hóa 1. Cơ sở lý thuyết 2. Ứng dụng	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
3-4	Phương pháp quang phổ tu ngoại kha kiến 1. Cơ sở lý thuyết 2. Ứng dụng	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
5-6	Phương pháp quang phổ hồng ngoại 1. Cơ sở lý thuyết 2. Ứng dụng	[1]	C01, C02, C03, C04, C05
7-8	Phương pháp sắc ký lớp mỏng 1. Cơ sở lý thuyết	[1]	C01, C02, C03, C04, C05

	2. Ứng dụng		
9-10	Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 1. Cơ sở lý thuyết 2. Ứng dụng	{1}	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, máy chiếu, micro

KHOA ĐƯỢC

TS. *Nguyễn Thị Xuân*

BỘ MÔN

Huyền Phương Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thuốc điều trị ung thư

Mã học phần: 0102001698

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	00	0	15+30 + 60 = 105

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Dược lý 1, Dược lâm sàng 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý - Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày và giải thích được cách phân loại các nhóm thuốc điều trị ung thư.

MT2. Trình bày được cơ chế tác dụng dược lý các nhóm thuốc trong điều trị ung thư.

*Về kỹ năng

MT3. Áp dụng được các kiến thức cơ bản để giải thích các chỉ định và quyết định kê đơn một thuốc cho một bệnh lý ung thư cụ thể.

MT4. Giải thích và định hướng được các tác dụng không mong muốn có thể xuất hiện trong quá trình điều trị.

MT5. Hiểu và giải thích được sự phối hợp các hoạt chất trong cùng một phác đồ trị.

MT6. Thành lập được kế hoạch điều trị bằng thuốc cho bệnh nhân ung thư.

*Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực điều trị loại hình bệnh tật này.

MT8. Có đạo đức nghề nghiệp, thuần thực và tâm huyết với nghề.

4. **Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200169 8	Thuốc điều trị ung thư	0	1	0	0	1	1	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	2	2	1	0	3	1
		PO15	PO16	PO17				
		1	2	1				

5. **Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày và giải thích được cách phân loại các nhóm thuốc điều trị ung thư	PO2, PO6
MT2	CO2	Trình bày được cơ chế tác dụng dược lý các nhóm thuốc trong điều trị ung thư.	PO2, PO3, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Áp dụng được các kiến thức cơ bản để giải thích các chỉ định và quyết định kê đơn một thuốc cho một bệnh lý ung thư cụ thể	PO2, PO3, PO6, PO9, PO13
MT4	CO4	Giải thích và định hướng được các tác dụng không mong muốn có thể xuất hiện trong quá trình điều trị	PO2, PO8, PO10, PO13
MT5	CO5	Hiểu và giải thích được sự phối hợp các hoạt chất trong cùng một phác đồ điều trị	PO2, PO6, PO10
MT6	CO6	Thành lập được kế hoạch điều trị bằng thuốc cho bệnh nhân ung thư	PO13

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực điều trị loại hình bệnh tật này	PO16, PO17
MT8	CO8	Có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ và tâm huyết với nghề	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần “Thuốc điều trị ung thư” được thiết kế dựa trên nền tảng các môn cơ sở ngành và chuyên ngành. Kiến thức của học phần sẽ tạo dựng cho người học một nền tảng cơ bản trong sử dụng nhóm thuốc điều trị một nhóm bệnh chuyên biệt, bệnh lý ung thư. Người học sẽ hiểu được nguyên tắc cơ bản trong tiếp cận điều trị đối tượng bệnh lý này và giải thích được các khía cạnh (Chỉ định, Chống chỉ định, Tác dụng không mong muốn...) trong sử dụng nhóm thuốc điều trị bệnh lý cụ thể trong nhóm bệnh ung thư.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

9.1. Lý thuyết

T T	Hình thức	Tròn g số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6, CO7, CO8	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, Vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6, CO7, CO8	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm. Hoặc Thuyết trình về một chủ đề tự chọn	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3, CO8	10

10. Học liệu

[1]. Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J Brouwers (2014), Dược lâm sàng: Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập 2 - Sử dụng thuốc trong điều trị, NXB Y Học.

[2]. Bộ Y tế (2015), Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Khoa học và kỹ thuật.

[3]. Trần Thị Thu Hằng (2022), Dược lực học, NXB Thanh Niên.

[4]. Đào Văn Long (2015), Ung thư biểu mô tế bào gan, NXB Y Học.

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý Thuyết

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Bài 1. Đại cương ung thư và nguyên tắc sử dụng thuốc	3	[1]	CO1, CO2

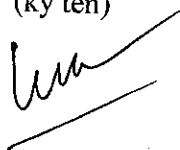
	Bài 2. Thuốc alkyl hóa	6	[1]	CO1, CO2
2	Bài 3. Thuốc chống chuyển hóa	3	[1]	CO2
	Bài 4. Kháng sinh chống ung thư	3	[1]	CO2, CO5, CO6
3	Bài 5. Hoạt chất chiết xuất từ thực vật và Hormon/Chất tương tự hormon	3	[1]	CO2, CO5, CO6
	Bài 6. Thuốc điều trị tác dụng đích	3	[1]	CO2, CO5, CO6
4	Bài 7. Thuốc tác dụng miễn dịch	3	[1]	CO1
	Bài 8: Phác đồ trị điều trị ung thư phổi	6	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

P KHOA DƯỢC

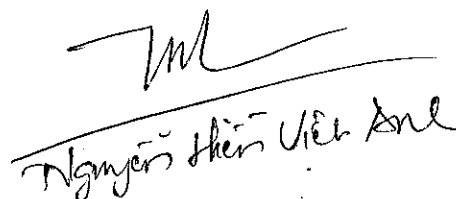
(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(ký tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Một số bệnh gây ra do thuốc

Mã học phần: 0102001699

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	00	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: dược lý 1, dược lý 2, dược lâm sàng 1, dược lâm sàng 2, dược lâm sàng 3

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý- dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày được những đặc điểm, triệu chứng của một số bệnh lý gây ra do thuốc.

MT2. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các yếu tố ảnh hưởng đến các bệnh lý gây ra do thuốc.

MT3. Trình bày được biện pháp phát hiện, phòng ngừa và điều trị cơ bản của một số bệnh lý gây ra do thuốc.

*Về kỹ năng

MT4. Phân tích được các ca lâm sàng về bệnh lý gây ra do thuốc.

*Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực tư vấn sử dụng thuốc an toàn.

MT6. Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
010200169 9	Một số bệnh gây ra do thuốc	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	1	0	1	0	2	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	1	2	0
		PO15	PO16	PO17				
1	2	2						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được những đặc điểm, triệu chứng của một số bệnh lý gây ra do thuốc	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các yếu tố ảnh hưởng đến các bệnh lý gây ra do thuốc	PO2, PO4, PO6
MT3	CO3	Trình bày được biện pháp phát hiện, phòng ngừa và điều trị cơ bản của một số bệnh lý gây ra do thuốc	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO4	Phân tích được các ca lâm sàng về bệnh lý gây ra do thuốc	PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	CO5	Có khả năng lập kế hoạch học tập, nghiên cứu thêm liên quan đến độc tính của các chất	PO15, PO16, PO17
MT5	CO6	Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần một số bệnh gây ra do thuốc bao gồm những kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các yếu tố ảnh hưởng, triệu chứng của một số bệnh lý gây ra do thuốc, biện pháp phát hiện, phòng ngừa và điều trị cơ bản của một số bệnh lý gây ra do thuốc.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4

Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, Vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm.	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

- [1]. Tào Duy Cần (2009), Thuốc bệnh 24 chuyên khoa, NXB Y Học
- [2]. Bộ Y tế (2015), Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Khoa học và kỹ thuật.
- [3]. Trần Thị Thu Hằng (2022), Dược lực học, NXB Thanh Niên.
- [4]. Nguyễn Ngọc Khôi, Đặng Nguyễn Đoàn Trang (2021), Dược lâm sàng và điều trị: Giáo trình giảng dạy đại học, NXB Y Học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
------	----------	---------	----------	------------

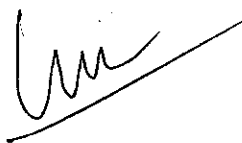
1	Bài 1. Đại cương về bệnh gây ra do thuốc	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3
2,3	Bài 2. Bệnh lý trên hệ tiêu hóa gây ra do thuốc	6	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4,5	Bài 3. Bệnh lý trên hệ nội tiết gây ra do thuốc	6	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Bài 4. Bệnh lý trên hệ máu gây ra do thuốc	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
7	Bài 5. Bệnh lý trên hệ hô hấp gây ra do thuốc	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
8	Bài 6. Bệnh lý trên da gây ra do thuốc	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
9, 10	Bài 7. Bệnh lý trên hệ tim mạch gây ra do thuốc	6	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

PH KHOA DƯỢC

(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(ký tên)



Nguyễn Hiền Việt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần: Kỹ thuật chiết xuất dược liệu

Mã học phần: 0201001700

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L = Lý thuyết	L	T	P	Q	30 + 60 = 90
T = Bài tập	30	0	0	0	
P = Thực hành					
Q = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: tự chọn

Học phần tiên quyết: Dược liệu 1, Dược liệu 2, Sản xuất thuốc

Học phần học trước: Sản xuất thuốc

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bảo chế - Công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bảo chế - Công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Kiến thức

MT1: Hiểu được các quá trình xảy ra trong chiết xuất dược liệu

MT2: Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất dược liệu, các yêu cầu ảnh hưởng đến quá trình thanh phân hóa lỏng, lọc.

MT3: Mô tả được quy trình chiết xuất các hợp chất tự nhiên.

*** Kỹ năng**

MT4: Điều chế cao thuốc.

MT5: Thực hiện được quy trình chiết xuất các hoạt chất có nguồn gốc tự nhiên: strychnia, rotundin, rutin ... trong dược liệu.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

MT7: Nhận thức được nhu cầu và tầm quan trọng của kỹ thuật chiết xuất dược liệu trong sản xuất thuốc có nguồn gốc tự nhiên.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
02	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	0	0	0	3	0	3	3	2	0
01		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
00										
17		2	0	2	2	2	0	3	2	
00										

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được các quá trình xảy ra trong chiết xuất dược liệu.	PO4, PO5, PO6

MT2	CO2	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất dược liệu, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thanh phần hóa lắng, lọc.	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Mô tả được quy trình chiết xuất các hợp chất tự nhiên	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Điều chế cao thuốc.	PO1, PO4, PO6
MT5	CO5	Thực hiện được quy trình chiết xuất các hoạt chất có nguồn gốc tự nhiên: strychnin, rotundin, rutin ... trong dược liệu.	PO7, PO8, PO9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	PO16, PO17
MT7	CO7	Nhận thức được nhu cầu và tầm quan trọng của kỹ thuật chiết xuất dược liệu trong sản xuất thuốc cơ nguồn gốc tự nhiên.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp kiến thức về môn học Kỹ thuật chiết xuất dược liệu, mối liên quan với các môn học khác trong chương trình đào tạo dược sĩ đại học: các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình chiết xuất, lắng lọc; điều chế cao thuốc và các chỉ tiêu chất lượng của cao thuốc; quy trình chiết xuất các hợp chất tự nhiên: strychnin, rotundin, rutin ...

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3

Tổ chức học tập theo nhóm	Mỗi nhóm nhận nhiệm vụ học tập, cùng hợp tác thực hiện giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bất buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm, viết báo cáo	CO1, CO2, CO3	10

			+ Tiêu chí đánh giá hai thí: theo đáp án của giảng viên ra đề		
--	--	--	---	--	--

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thượng Đông (2008), *Kỹ thuật chiết xuất dược liệu*, NXB H. Khoa học và kỹ thuật

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Huy Công (2006), *Dược liệu*, NXB Y học.

[3] Tư Minh Không (2009), *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm - Tập 3 Công nghệ sản xuất các dạng thuốc*, NXB Y học.

[3] Hồ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học.

10. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Một số kiến thức cơ bản về chiết xuất dược liệu	[1]	CO1, CO2, CO3
2	Bài 2. Một số quá trình thường gặp ở giai đoạn tinh chế	[1]	CO2, CO3
3	Bài 3. Kỹ thuật sản xuất một số nguyên liệu dược dạng cao thuốc	[1]	CO2, CO3, CO4
4	Bài 4. Chiết xuất các hoạt chất có nguồn gốc tự nhiên	[1]	CO2, CO3, CO5

11. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cơ hàng lớn, phần, micro, máy chiếu và loa.

KHOA DƯỢC

Ước
TS. Thái Thị Xuân

BỘ MÔN

Ước
Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Cá nhân hoá sử dụng thuốc

Mã học phần: 0102001701

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Dược lý 1 và 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

***Về kiến thức**

MT1. Trình bày được kiến thức liên quan đến điều trị: mục tiêu, nguyên tắc điều trị, cách thiết lập phác đồ điều trị, hướng dẫn tuân thủ điều trị; sử dụng các Hướng dẫn điều trị dựa trên bằng chứng làm cơ sở lựa chọn thuốc.

MT2. Trình bày được các thuốc cụ thể sử dụng trong điều trị bệnh: thông tin dược lực học và dược động học liên quan đến sử dụng thuốc hợp lý, phản ứng bất lợi của thuốc và biện pháp khắc phục và phân tích được ca lâm sàng theo quy trình SOAP trên cơ sở hệ thống hóa kiến thức trong các hướng dẫn điều trị và các tài liệu tham khảo khác có liên quan đến sử dụng thuốc trong điều trị.

***Về kỹ năng**

MT3. Tư vấn được cho bệnh nhân về cách sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

MT4. Tham gia vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng với từng đối tượng bệnh nhân phù hợp

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5. Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

MT6. Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT7. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102001701	Cá nhân hóa sử dụng thuốc	0	2	0	2	0	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	2	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được những khái niệm cơ bản và ý nghĩa của các thông số dược động học ứng dụng trong lâm sàng, phân loại theo cơ chế và hướng khắc phục các tương tác thuốc hay gặp trên lâm sàng	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Trình bày và phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc: điều trị thiếu máu, kháng sinh, glucocorticoid, vitamin, khoáng chất, dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			

MT3	CO3	Tư vấn được cho bệnh nhân về cách sử dụng thuốc hợp lý, an toàn	PO12
MT4	CO4	Tham gia vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu	PO16, PO17
MT6	CO6	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế	PO16, PO17
MT7	CO7	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cá nhân hoá trong sử dụng thuốc bao gồm các nội dung: cách sử dụng thuốc, hiệu chỉnh liều, theo dõi tác dụng điều trị trên từng đối tượng cụ thể như: phụ nữ mang thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi, người suy gan, người suy thận, bệnh nhân hôn mê, bệnh nhân suy giảm miễn dịch

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo bám sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra của từng bài.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Bên cạnh đó tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu kiến thức mới bằng các bài tiểu luận được giao ngẫu nhiên.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích	CO3, CO4

	đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	
--	--	--

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, nghe giảng.
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nội qui cho sinh viên trong giờ giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, trả lời các câu hỏi của giảng viên tại lớp.
- Phản hồi ý kiến sau mỗi buổi học để giảng viên khắc phục về sau
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo do giảng viên hướng dẫn giới thiệu. Hoàn thành các bài báo cáo theo đúng yêu cầu của giảng viên đứng lớp.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO5, CO6, CO7	10
2	Thường xuyên	30	<p>* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức từ đầu thời gian học đến thời điểm hiện tại để giải thích các tình huống do giảng viên đặt ra trong kiểm tra.</p> <p>- Một bài kiểm tra đánh giá bao gồm hai phần: câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tình huống.</p> <p>* Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

			định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nhằm xem xét khả năng phân tích và ứng dụng của sinh viên. - Bài báo cáo tiểu luận sẽ được phân chia ngẫu nhiên. Mỗi sinh viên đều phải hoàn thành quyển tiểu luận và thỏa mãn yêu cầu giảng viên đặt ra để đủ điều trị dự thi đánh giá kết thúc học phần.		
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi trắc nghiệm khách quan. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

[1]. Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J Brouwers (2014), Dược lâm sàng: Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập 1 - Các nguyên lý cơ bản trong dược lâm sàng, NXB Y Học.

[2]. Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J Brouwers (2014), Dược lâm sàng: Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập 2 - Sử dụng thuốc trong điều trị, NXB Y Học.

[3]. Bộ Y tế (2015), Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Khoa học và kỹ thuật.

[4]. Trần Thị Thu Hằng (2022), Dược lực học, NXB Thanh Niên.

11. Nội dung chi tiết học phần

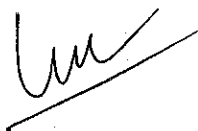
Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Đại cương về cá thể hoá trong sử dụng thuốc	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
	Bài 2: Sử dụng thuốc trên phụ nữ mang thai	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4
2	Bài 3. Sử dụng thuốc trên phụ nữ cho con bú	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
	Bài 4. Sử dụng thuốc trên trẻ em	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2

3	Bài 5. Sử dụng thuốc trên người cao tuổi	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3
	Bài 6. Sử dụng thuốc trên bệnh nhân suy gan	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4
4	Bài 7. Sử dụng thuốc trên bệnh nhân suy thận	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
	Bài 8. Sử dụng thuốc trên bệnh nhân béo phì	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
5	Bài 9. Sử dụng thuốc trên bệnh nhân hôn mê	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
	Bài 10. Sử dụng thuốc trên bệnh nhân suy giảm miễn dịch	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

KHOA DƯỢC
(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN
(ký tên)



Nguyễn Văn Việt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kiểm nghiệm dược liệu

Mã học phần: 0102001705

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					
T = Bài tập					
P = Thực hành	21	0	0	9	21+09 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: tự chọn

Học phần tiên quyết: Kiểm nghiệm dược phẩm 2, Dược liệu 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa phân tích –Kiểm nghiệm

2. Thông tin về các giảng viên: Giảng viên bộ môn Hóa phân tích –Kiểm nghiệm

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày được các chỉ tiêu chung, các phương pháp cần kiểm nghiệm đối với dược liệu.

MT2. Áp dụng được phương pháp kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu kiểm nghiệm dược liệu.

*Về kỹ năng

MT3. Xây dựng được các tiêu chuẩn chất lượng của dược liệu

MT4. Đánh giá tính hợp lý của một tiêu chuẩn chất lượng của dược liệu

MT5. Áp dụng được phương pháp lấy mẫu, xử lý mẫu trước khi phân tích dược liệu.

MT6. Thể hiện được phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về chất lượng của dược liệu

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Nhận thức được vai trò của kiểm nghiệm đối với chất lượng dược liệu

MT8. Có khả năng tự nghiên cứu về kiểm nghiệm chất lượng dược liệu

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0102 0017 05	Kiểm nghiệm dược liệu	0	0	0	2	0	2	2	0	2	
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17		
		2	1	1	1	1	0	1	1		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được các chỉ tiêu chung, các phương pháp cần kiểm nghiệm đối với dược liệu.	PO4, PO6
MT2	CO2	Áp dụng được phương pháp kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu kiểm nghiệm dược liệu.	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Xây dựng được các tiêu chuẩn chất lượng của dược liệu	PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT4	CO4	Đánh giá tính hợp lý của một tiêu chuẩn chất lượng của dược liệu	PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT5	CO5	Áp dụng được phương pháp lấy mẫu, xử lý mẫu trước khi phân tích dược liệu.	PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT6	CO6	Thể hiện được phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về chất lượng của dược liệu	PO12, PO13, PO16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

MT7	CO7	Nhận thức được vai trò của kiểm nghiệm đối với chất lượng dược liệu	PO16, PO17
MT8	CO8	Có khả năng tự nghiên cứu về kiểm nghiệm chất lượng dược liệu	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần kiểm nghiệm dược liệu giúp sinh viên nắm được các chỉ tiêu và phương pháp dùng trong kiểm nghiệm dược liệu từ đó có thể xây dựng được các tiêu chuẩn để kiểm nghiệm chất lượng dược liệu đồng thời cũng có được phương pháp luận trong nghiên cứu dược liệu

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO6, CO7
Xây dựng và đánh giá tiêu chuẩn chất lượng dược liệu	Thông qua các nội dung cần xây dựng tiêu chuẩn, sinh viên sẽ xây dựng và phân biệt tiêu chuẩn	CO1, CO2, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Xây dựng và đánh giá tiêu chuẩn chất lượng dược liệu
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6, CO7, CO8	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, Vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6, CO7, CO8	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm.	C01, CO2, CO3	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3, CO8	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Thanh Mai (2020), *kiểm nghiệm dược liệu*, NXB ĐH QG TP. Hồ Chí Minh.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Y Tế (2018), *Dược Điển Việt Nam V*, NXB Y Học.

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý Thuyết


Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Cơ sở lý thuyết của kiểm nghiệm dược liệu	[1]	CO1, CO2
	Bài 2. Nguyên tắc thu hái, lấy mẫu dược liệu	[1]	CO1, CO2

2	Bài 3. Phương pháp chung đánh giá chất lượng dược liệu	[1]	CO2
	Bài 4. Kiểm nghiệm các nhóm hợp chất có trong dược liệu	[1]	CO2, CO5, CO6
3-5	Bài 5. Phương pháp xây dựng quy trình phân tích các hợp chất có trong dược liệu bằng HPLC, Một số quy trình tham khảo về định lượng hoạt chất có trong dược liệu	[1]	CO2, CO5, CO6
6-8	Bài 6. Báo cáo xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm dược liệu theo DDVN IV	[1], [2]	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6, CO7, CO8


12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

P KHOA DƯỢC


 ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN


 Huỳnh Phương Thảo